

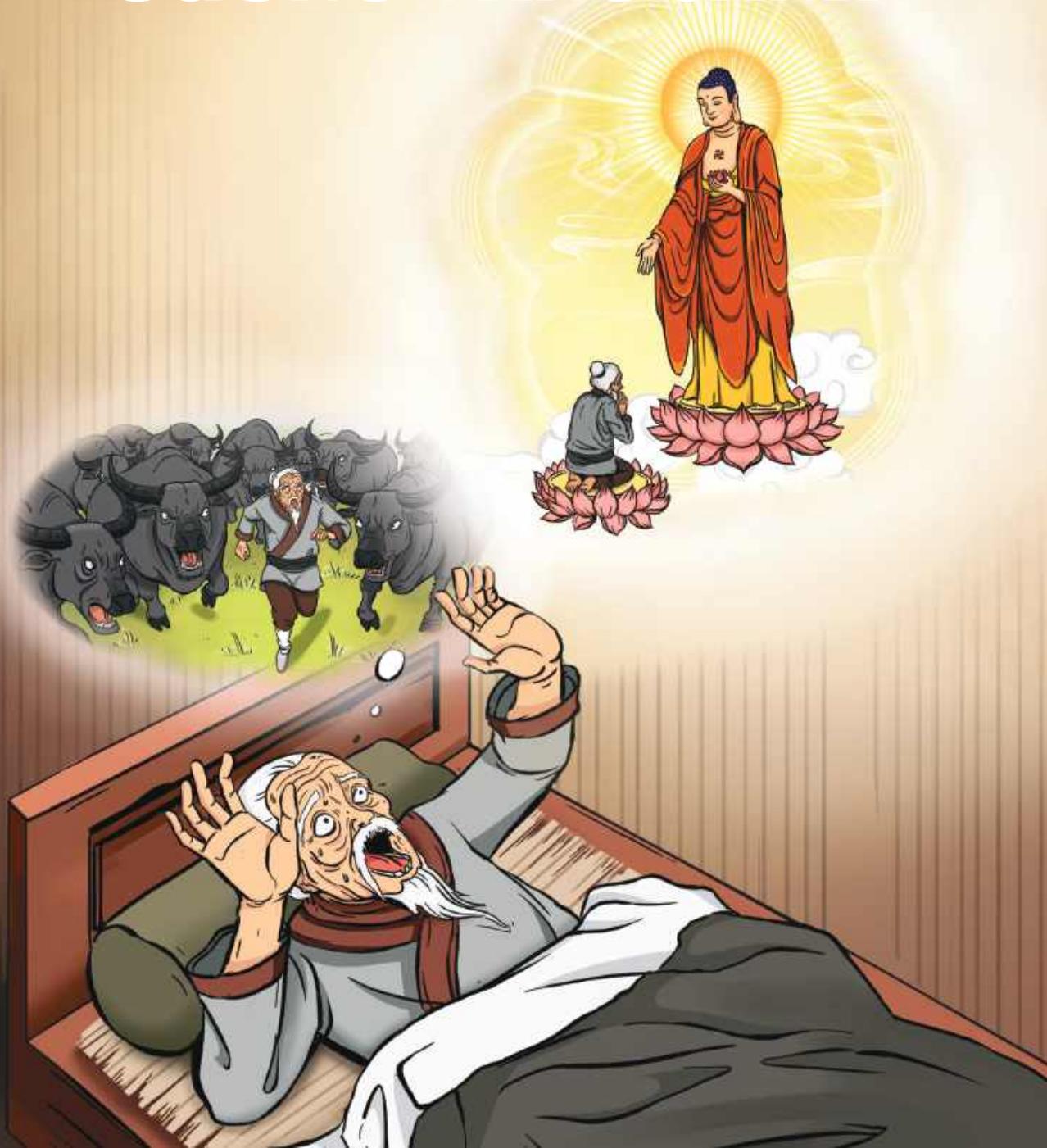
Biên soạn: Nhiều tác giả

Biên dịch: Chúc Đức

Minh họa: All free team

## Truyện tranh

# GUƠNG VĂNG SANH





## MỤC LỤC

	Trang
Lời ngỎ.....	5
I. SA MÔN VĂNG SANH.....	7
1. Thích Pháp Trí.....	7
2. Hòa thượng Thiện Đạo.....	10
3. Trí Khâm.....	13
4. Thích Hoài Ngọc.....	15
5. Thích Đạo Ngang.....	17
II. VUA QUAN VĂNG SANH.....	19
6. Tham quân Lưu Di Dân.....	19
7. Quốc học Vương Long Thư.....	22
III. NHŨNG XỨ SĨ VĂNG SANH.....	24
8. Phạm Nghiêm.....	24
9. Hoàng Đả Thiết.....	25
10. Lục Nguyên Đạo.....	26
11. Nho sinh Dương Gia Y.....	27
12. Cư sĩ họ Đỗ.....	29
IV. TỲ KHEO NI VĂNG SANH.....	30
13. Tỳ kheo ni Đại Minh.....	30
14. Tỳ kheo ni Tịnh Chân.....	31
15. Tỳ kheo ni Ngộ Tính.....	32
16. Tỳ kheo ni Năng Phụng.....	33
V. PHỤ NỮ VĂNG SANH.....	34
17. Bà Hồ Trường.....	34
18. Bà họ Trịnh.....	35
19. Bà lão họ Trần.....	36
20. Bà họ Hoàng.....	37
21. Phu nhân họ Vương.....	38
22. Phu nhân họ Phùng.....	40
23. Cô gái họ Vương.....	41

24. Nghi nhân họ Lục.....	42
<b>VI. NGƯỜI ÁC VĂNG SANH.....</b>	<b>43</b>
25. Trương Thiện Hòa.....	43
26. Trương Chung Quỳ.....	46
27. Hùng Tuấn.....	47
28. Oánh Kha.....	49
29. Ngô Quỳnh.....	51
<b>VII. SÚC SANH VĂNG SANH.....</b>	<b>53</b>
30. Chim két.....	53
31. Chim sáo.....	54
<b>VIII. CHU THÁNH ĐỒNG QUY.....</b>	<b>57</b>
32. Lựa chọn sanh về Cực Lạc.....	57
33. Thầy Phật A Di Đà.....	58
34. Tu mười nguyện cầu vãng sanh.....	59
<b>IX. SINH TỒN CẢM ỦNG.....</b>	<b>60</b>
35. Quý không hiện.....	60
36. Siêu độ vong linh.....	61
37. Ngủ nghỉ được an ổn.....	62
38. Tù nhân thoát nạn.....	63
<b>X. PHỤ LỤC: TRUYỆN VĂNG SANH Ở VIỆT NAM.....</b>	<b>66</b>
39. Y nguyện vãng sanh.....	66
40. Nán lại một ngày.....	67
41. Biết trước ngày giờ vãng sanh.....	68
42. Bà Lý Thị Cúc.....	69
43. Sư Giác Khang niệm Phật vãng sanh và lưu xá lợi nhiệm màu.....	72
44. Hòa thượng Thích Thiền Tâm.....	75
45. Đại lão Sư trưởng Hải Triều Âm.....	84
46. Sư bà Thích Nữ Giác Nhẫn vãng sanh lưu trái tim xá lợi.....	91

## LỜI NGỎ

Người tu pháp môn niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc lấy TÍN, NGUYỆN, HẠNH (niềm tin, phát nguyện, thực hành) làm hành trang. Trong đó, TÍN là điều kiện cần thiết đầu tiên. Đại sư Ngẫu Ích dạy rằng: “Được vãng sanh hay không toàn là do có tín nguyện hay không. Phẩm vị cao hay thấp toàn là do công phu trì danh sâu hay cạn”. Từ đó cho thấy niềm tin cực kỳ quan trọng đối với hành giả niệm Phật.

Niềm tin, ngoài việc tin vào các kinh điển mà Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng nói về pháp môn niệm Phật cầu sanh Cực Lạc, thì còn tin từ những gương vãng sanh mà hành giả niệm Phật thấy nghe hay biết ngay trong cuộc sống của mình hoặc từ trong sách vở được ghi chép lại. Những gương vãng sanh này là minh chứng thiết thực để cho người niệm Phật càng tin sâu, tin vững chắc, tin bất thối đổi với pháp môn niệm Phật.

Xuất phát từ niềm tin đó, nhóm All free team phát tâm sưu tầm và vẽ minh họa cho các câu chuyện vãng sanh được ghi chép trong sách Bốn Chung Vãng Sanh (NXB Thời Đại, 2013) của dịch giả Chúc Đức và các gương vãng sanh khác ở Việt Nam. Kết hợp với những hình vẽ trang nghiêm, làm cho những câu chuyện vãng sanh này trở nên sống động, hấp dẫn người xem, đặt nền tảng cho TÍN NGUYỆN HẠNH niệm Phật của mình. Người chưa tin thì bắt đầu tin, người chưa tin sâu thì tin sâu hơn, người đã tin sâu thì tin kiên cố hơn, để cuối cùng đều cùng thực hành chuyên nhất và phát nguyện tha thiết: CON NGUYỆN VÃNG SANH CỰC LẠC.

Mọi ý kiến đóng góp, xin email về hộp thư:

tinhnghiep@hotmail.com

Hoặc liên hệ fanpage: [facebook.com/phapbaotinhdotong](https://facebook.com/phapbaotinhdotong).

Xin thành kính tri ân!

Tháng 10 năm 2024  
Nhóm Tịnh Nghịch kính ghi



# I. SA MÔN VĂNG SANH

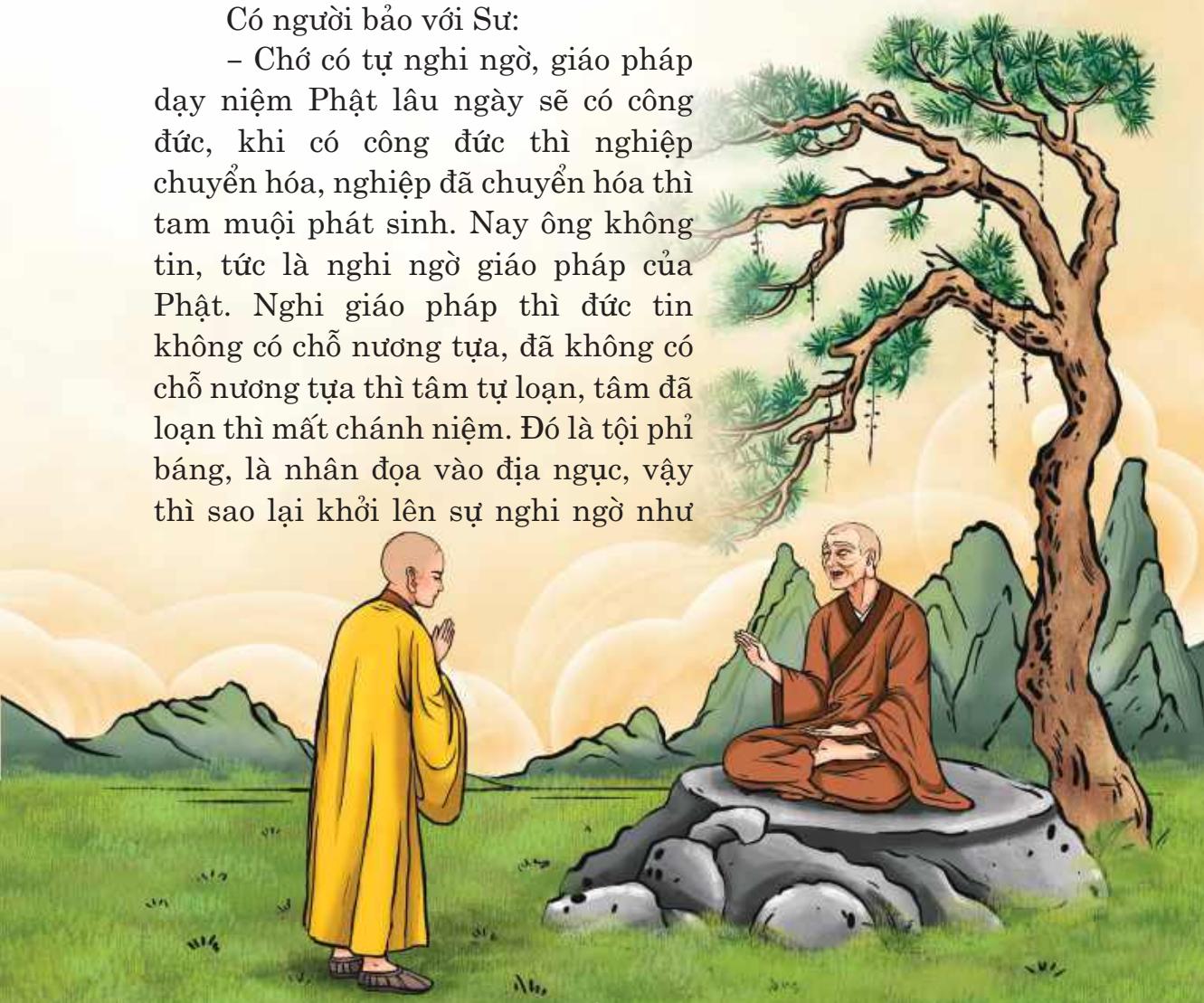
## 1. Thích Pháp Trí

Vào đời Tùy Văn Đế (581-618), Sư đến học ở Đông Việt. Những bậc am tường giáo nghĩa Đại thừa, Tiểu thừa, Sư đều lẽ làm thầy, vì vậy Sư trở thành người bác học đa văn, người đời ít ai sánh bằng. Cuối đời Tùy, Sư cho rằng pháp môn tu tập thẳng tắt nhất không gì bằng niệm Phật. Do đó, sớm tối Sư niệm Phật không gián đoạn suốt bảy năm.

Sư suy nghĩ: “Phạm một tội Đột kiết la phải chịu tội trong một trung kiếp, điều này đáng tin, vì hẳn là thế. Nhưng xung niệm một câu A Di Đà Phật sẽ diệt được vô lượng tội nặng trong ức kiếp, thì ta có chút nghi ngờ”.

Có người bảo với Sư:

- Chớ có tự nghi ngờ, giáo pháp dạy niệm Phật lâu ngày sẽ có công đức, khi có công đức thì nghiệp chuyển hóa, nghiệp đã chuyển hóa thì tam muội phát sinh. Nay ông không tin, tức là nghi ngờ giáo pháp của Phật. Nghi giáo pháp thì đức tin không có chỗ nương tựa, đã không có chỗ nương tựa thì tâm tự loạn, tâm đã loạn thì mất chánh niệm. Đó là tội phi báng, là nhân đọa vào địa ngục, vậy thì sao lại khởi lên sự nghi ngờ như



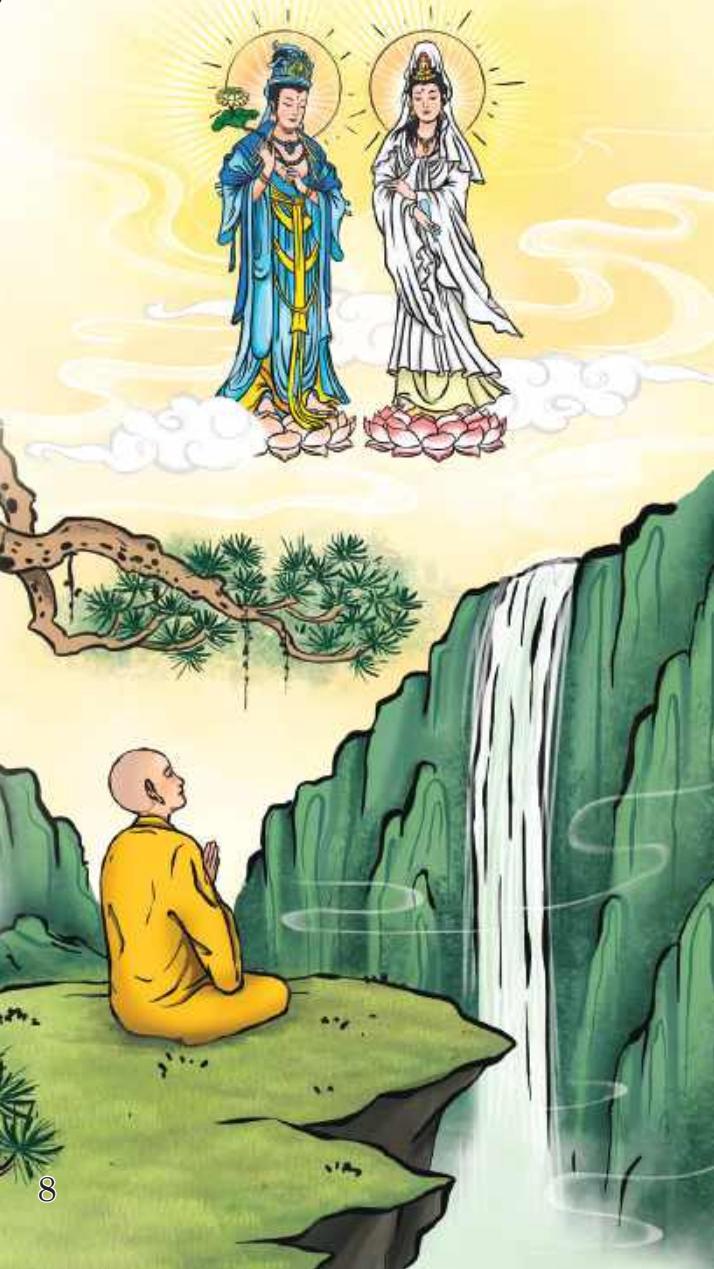
Nghe qua, Sư tỉnh ngộ, đến đài Đâu Suất ở chùa Quốc Thanh, tuyệt hẵn các duyên, nhất tâm niệm Phật, niệm đến chuyên nhất. Sư thường được cảm ứng, thấy Bồ Tát Quán Âm và Thế Chí cùng hiện đến. Một hôm, Sư lại thấy ánh sáng của thiên quan [66], bảo bình [67], chiếu vào thân Sư. Sư báo cho tăng túc, người thân rằng:

- Ta sẽ vãng sanh Tịnh độ vào một ngày gần đây, ai có thể sắm sửa thức ăn để tiễn biệt ta không?

Mọi người đều cười, nói:

- Nếu đúng như vậy thì chúng tôi đâu có tiếc một bữa cơm! Chỉ ngại Sư không thể vãng sanh thôi!

Rồi họ hẹn ba ngày sau sẽ tổ chức bữa ăn. Ngày ấy, sau khi thọ trai xong, Sư cũng không bệnh gì cả, do đó, có người nghi ngờ việc Sư vãng sanh, và khởi tâm khinh nhòn. Đến chiều tối, mọi người ở lại chờ xem Sư vãng sanh. Khoảng gần nửa đêm, Sư ngồi trên giường dây念佛, rồi an nhiên viên tịch. Đêm ấy, có ánh sáng sắc vàng từ hướng tây chiếu xuống, tỏa sáng đến vài trăm dặm. Những người đánh cá ở trên sông tưởng rằng trời đã hừng đông, thuyền này ngóng thuyền kia, tất cả đều kinh ngạc. Thật lâu sau trời mới sáng.



### Ghi chú:

Đức Phật dạy: “*Lời nói của Ta như mật đựng trong chén, giữa và xung quanh đều ngọt, nên các ngươi phải tin nhận*”. Cho nên tin một điều ác nhỏ sẽ đọa vào địa ngục, mà không tin niệm một danh hiệu Phật được sanh về Tây phương thật đáng gọi là tà kiến. Những năm gần đây, người thích trì chú, nghe nói công dụng của thần chú có thể dời núi lấp biển, sai khiến quỷ thần, cầu chi được nấy, vì thế nên vội tin; khi nghe nói đến công đức của cõi Tịnh độ, có thể thẳng tiến lên bậc Thánh, vượt qua ba cõi, thì thò o không để ý đến. Đó là những người tà kiến. Thật là đáng thương!

[66] Thiên quan 天冠: Mão Bồ Tát Quán Thế Âm, trên mão có hóa Phật.

[67] Bảo bình 寶瓶: Trên mão của Bồ Tát Đại Thế Chí có bảo bình.



## **2. Hòa thượng Thiện Đạo**

Hòa thượng Thiện Đạo họ Chu, người Tứ Châu, sống vào đời Đường. Vào khoảng niên hiệu Trinh Quán (627-649), gặp đạo tràng Cửu Phẩm của thiền sư Tây Hà Xước, Sư vui vẻ nói: “Đây đúng là pháp thiết yếu để vào Phật đạo. Tu các pháp môn khác đều là đường vòng khó thành tựu, chỉ có pháp môn niêm Phật này mới nhanh thoát khỏi sanh tử”. Vì thế, Sư siêng năng chịu khó, ngày đêm lê Phật tụng kinh, đồng thời khích lệ đại chúng tu tập.

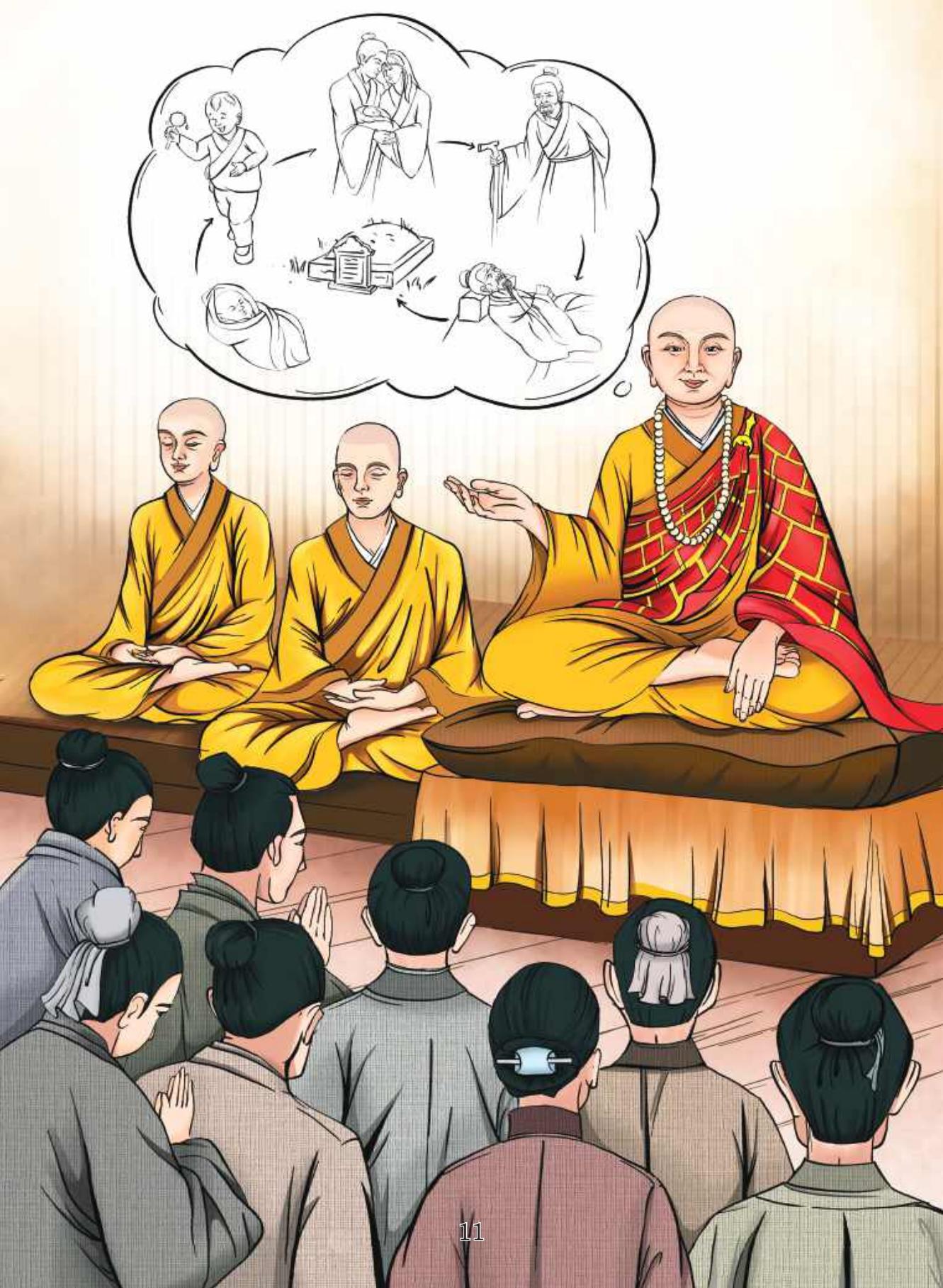
Mỗi khi Sư vào thất quỳ lạy, niệm Phật, hễ chưa kiệt sức thì không dừng nghỉ; khi ra thất thì diễn thuyết cho mọi người nghe về pháp môn Tịnh độ. Hơn ba mươi năm Sư không ngủ, có thức ăn ngon thì đưa xuống nhà bếp, đồ ăn dở để mình dùng. Sư đem tiền tín thí cúng dường chép 100.000 quyển kinh A Di Đà và vẽ 300 bức tranh toàn cảnh Tịnh độ, sửa sang những phòng ốc bị hư, đốt đèn sáng luôn, giữ ba y một bát, không sai người mang, chỉ đi một mình, sợ bàn chuyện thế tục. Người được Sư giáo hóa rất đông; có người tụng kinh A Di Đà mươi vạn đến năm mươi vạn biến, có người một ngày niệm danh hiệu Phật một vạn đến mười vạn biến, người đắc niêm Phật tam muội và được vãng sanh Tịnh độ nhiều không sao kê xiết. Có người hỏi: “Niệm Phật sẽ vãng sanh Tịnh độ chăng?”.

Sư đáp: “Niệm Phật thì sẽ được toại nguyện như điều mình niệm”.

Nói xong, Sư niệm Phật một tiếng thì có một luồng ánh sáng từ trong miệng phóng ra; niệm mười đến một trăm lần cũng phát ra ánh sáng như vậy.

Sư làm một bài kệ để khuyên mọi người:

Dần dà tóc bạc da nhăn  
Mắt mờ đi đứng khó khăn  
Dẫu cho vàng ngọc đầy nhà  
Đâu khỏi già, yếu, bệnh khổ  
Dù ông có bao nhiêu vui  
Cũng không tránh khỏi vô thường  
Chỉ có tu theo đường tắt  
Phải niệm Phật A Di Đà.



Về sau, Sư lại nói với mọi người: “Thân này thật đáng chán, ta sắp vãng sanh rồi”. Sư liền trèo lên cây liễu, xoay mặt về hướng tây cầu nguyện: “Xin Phật tiếp dẫn con, Bồ Tát giúp đỡ con, khiến cho con không mất chánh niệm, được vãng sanh Tịnh độ!”. Nói xong, Sư buông tay rơi xuống và thị tịch.

Hoàng đế Cao Tông biết được việc ấy, ban cho chùa một bức hoành đê chữ: “Quang Minh”.

*Ghi chú: Hòa thượng Thiện Đạo, được người đời truyền tụng là hóa thân của Phật A Di Đà. Sư không những tự mình thực hành tinh nghiêm mà còn làm lợi ích rộng khắp cho chúng sinh muôn đời sau, khiến mọi người phát khởi lòng tin. Nếu Sư không phải hóa thân của Phật A Di Đà thì cũng là các Ngài Quán Âm, Phổ Hiền. Thật tốt đẹp thay! Thật vĩ đại thay!*

### 3. Trí Khâm

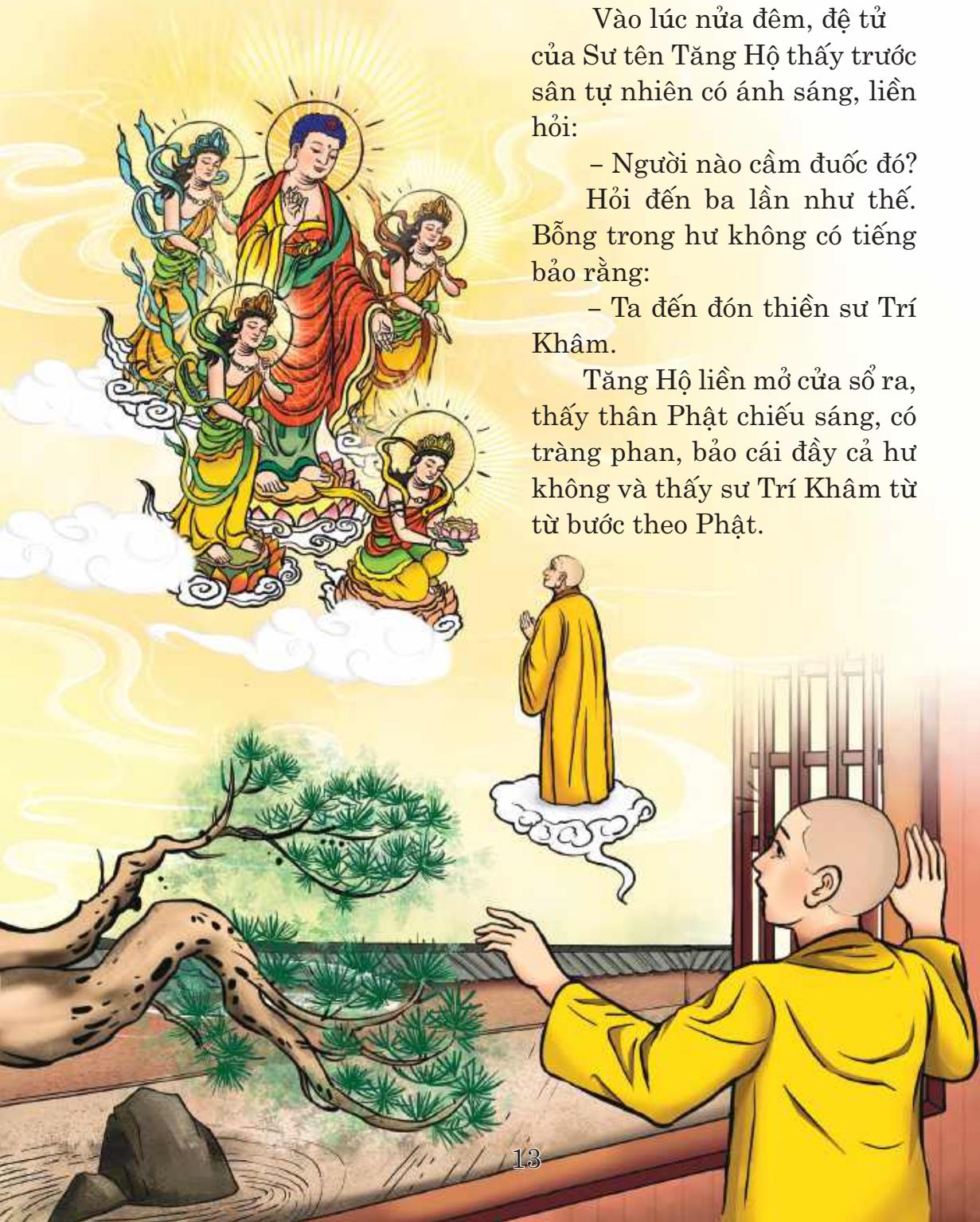
Sư Trí Khâm, sống vào đời Đường, chuyên tu thiền định. Sư lại xướng lạy đến một trăm lần danh hiệu của một vạn năm nghìn vị Phật. Về sau, Sư đứng trước tháp A Dục Vương ở Liễu Châu, đốt một cánh tay cầu sanh Tịnh độ.

Vào lúc nửa đêm, đệ tử của Sư tên Tăng Hộ thấy trước sân tự nhiên có ánh sáng, liền hỏi:

– Người nào cầm đuốc đó?  
Hỏi đến ba lần như thế.  
Bỗng trong hư không có tiếng bảo rằng:

– Ta đến đón thiền sư Trí Khâm.

Tăng Hộ liền mở cửa sổ ra, thấy thân Phật chiếu sáng, có tràng phan, bảo cái đầy cả hư không và thấy sư Trí Khâm từ từ bước theo Phật.





### Ghi chú:

Việc đốt thân, đốt tay trong kinh Đại thừa thường nhắc đến, nhưng đây là việc làm của Bồ Tát đạt được sức nhẫn, chứ chẳng phải việc làm của hàng sơ phát tâm. Người cầu sanh về Tây phương, phải học theo hạnh tham thiền, lê Phật của ngài Trí Khâm, không nhất định phải học theo việc đốt tay của Sư. Những người can đảm đốt tay để trị các tật xấu, việc ấy cũng rất nhiều. Người xưa nói: “Khéo học theo gương Liễu Hạ Huệ [68]”. Không nhất thiết phải đốt tay!



[68] Liễu Hạ Huệ 柳下惠: Là một quan đại phu nước Lỗ thời Xuân Thu. Tương truyền rằng vào một đêm giá rét khủng khiếp có một cô gái bị lạnh đến xin tá túc nhà ông, vì cứu cô gái, ông ta ôm cô gái ngủ suốt đêm nhưng không khôi dục tình.

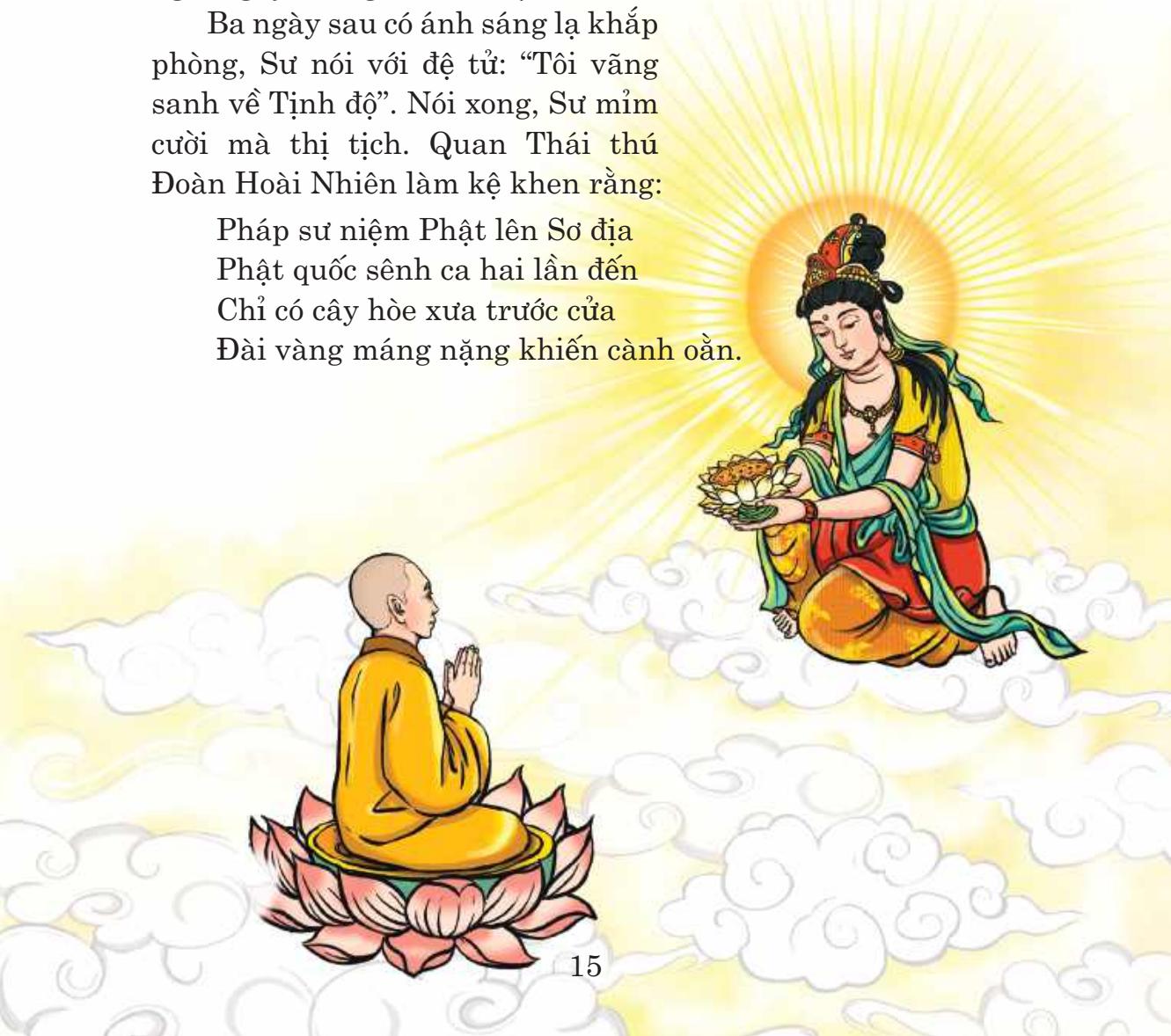
#### 4. Thích Hoài Ngọc

Hoài Ngọc [82] sống vào đời Đường, người ở Thai Châu. Sư luôn mặc áo vải thô, ngày ăn một bữa, thường ngồi không nằm, tụng kinh A Di Đà ba mươi vạn lần, mỗi ngày niệm danh hiệu Phật năm vạn tiếng.

Đến niên hiệu Thiên Bảo thứ nhất (742), Sư thấy Đức Phật và Bồ Tát khắp trong hư không, có một người cầm đài bạc đến rước. Sư nói: “Tôi một đời niệm Phật, thệ ngài được đài vàng, tại sao không như ý?”. Lúc ấy, Thánh chúng liền biến mất. Từ đó, Sư càng thêm tinh tấn niệm Phật hơn. Hai mươi mốt ngày sau, có người đưa cao đài vàng đến và nói: “Vì Sư tinh tấn niệm Phật nên được sanh về Thượng phẩm! Sư hãy ngồi ngay thẳng mà chờ đợi”.

Ba ngày sau có ánh sáng lạ khắp phòng, Sư nói với đệ tử: “Tôi vãng sanh về Tịnh độ”. Nói xong, Sư mỉm cười mà thị tịch. Quan Thái thú Đoàn Hoài Nhiên làm kệ khen rằng:

Pháp sư niệm Phật lên Sơ địa  
Phật quốc sênh ca hai lần đến  
Chỉ có cây hòe xưa trước cửa  
Đài vàng máng nặng khiến cành oằn.



### *Ghi chú:*

Có người nói: “Đài bạc đến rồi ẩn mất, đài vàng theo ý nguyện lại đến, đâu thể nào quả báo không có căn cứ? Bởi vì người lựa chọn”. Có người thông hiểu đáp: “Đây chính là nghĩa vạn pháp do tâm, theo cảm mà có ứng. Vả lại, xe lửa địa ngục đã xuất hiện mà nhất tâm niệm Phật mười tiếng còn được vãng sanh, thiên chúng đến rước. Hết lòng thệ nguyện sanh về Tịnh độ thì tướng thiện và ác, Thánh và phàm ngăn cách còn có thể chuyển nghiệp trong chốc lát, huống gì vàng bạc giá trị khác nhau bao nhiêu!

[82] Hoài Ngọc 懷玉: Cao tăng Trung Quốc, thuộc tông Tịnh độ, sống vào đời Đường, họ Cao, người Đan Châu (Ninh Hải, tỉnh Chiết Giang). Sư ở chùa Dũng Tuyền, Thái Châu (Lâm Hải, tỉnh Chiết Giang), giữ gìn giới luật rất nghiêm minh. Sư tụng kinh A Di Đà 30 vạn lần, mỗi ngày niệm danh hiệu Phật năm vạn tiếng. Ngày mùng 9 tháng 6 năm 742, Sư nằm mộng thấy Thánh tượng cõi Tây phương, biết sắp mạng chung, Sư liền viết bài kệ:

“Thanh tịnh trong sáng không bụi nhơ.  
Hoa sen thượng phẩm là cha mẹ  
Tôi nay tu hành trải nhiều kiếp  
Hiện ở Diêm Phù nhảm các khổ  
Một đời khổ hạnh vượt mười kiếp  
Xa hẵn Ta Bà về Tịnh độ”.

Viết kệ xong, Sư thị tịch. Quan Thái thú là Đoàn Hoài Nhiên làm kệ ngợi khen và an táng Sư rất trọng hậu.



## 5. Thích Đạo Ngang

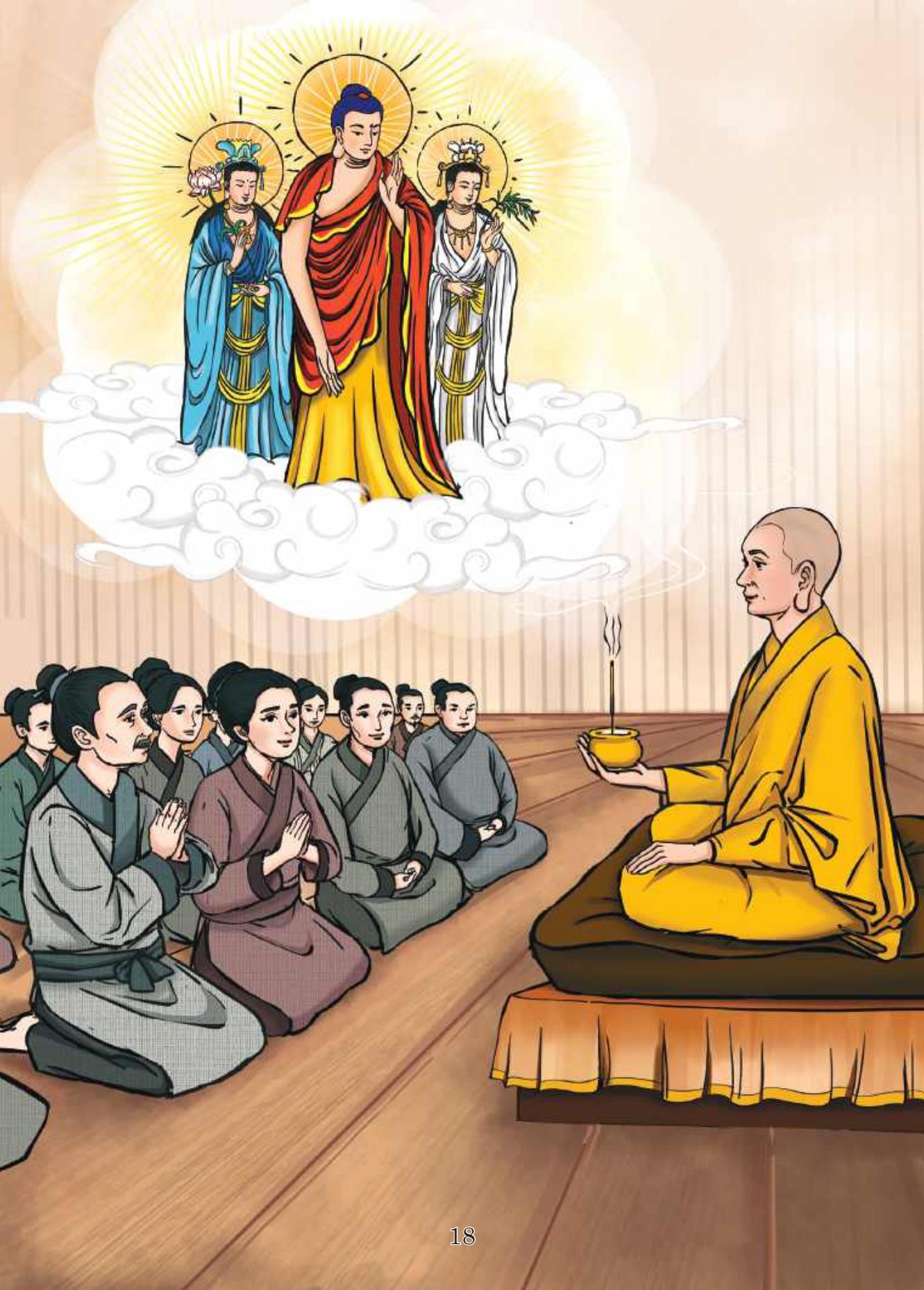
Sư Đạo Ngang sống vào đời Đường, người ở quận Ngụy, thờ pháp sư Linh Dụ làm thầy. Sư thường đến ở chùa Hàn Lăng Sơn giảng kinh Hoa Nghiêm và Địa Luận thấu suốt ngọn ngành, chí cầu sanh về Tây phương, nguyện sanh An Dưỡng. Sau đó, Sư tự biết mình sắp đến ngày mạng chung, dự tính vào tháng 8, nhưng mọi người chưa hay biết.

Đến ngày mùng 1 tháng 8, thân không mắc bệnh, bỗng Sư hỏi đại chúng đã đến giờ Ngọ trai chưa? Hỏi xong, Sư lên tòa cao, thân có tướng lạ, trong lò hương có hương thơm lạ, hướng dẫn đại chúng thọ giới Bồ Tát, lời lẽ khẩn thiết, người nghe run sợ. Sư Đạo Ngang ngửa mặt lên cao trông thấy thiên chúng rất đông thổi tiêu, đánh đàn réo rắt. Sư nói với thiên chúng: “Trời Đâu Suất Đà [83] đến nghinh đón tôi. Nhưng thiên đạo là gốc của sanh tử, còn tôi không muốn sanh lên trời, chỉ cầu sanh Tịnh độ. Tại sao sự chí thành của tôi không được toại nguyện?”. Sư vừa nói xong, nhạc trời liền biến mất. Sư lại thấy người mang hương hoa, đàn hát từ phương tây đông đúc như mây, bay nhảy mà đến vây quanh trên đỉnh đầu, tất cả đại chúng đều trông thấy. Sư Đạo Ngang nói: “Nay Đức Phật và Thánh chúng ở cõi Tây phương đến rước, việc này mới đúng với ý nguyện của tôi”. Chỉ thấy tay cầm lư hương buông xuống, Sư đã thị tịch trên tòa cao, dưới chân có hàng chữ Phổ Quang Đường... Mọi người xa gần đều kinh ngạc, ngợi khen.

*Ghi chú:*

*Khuốc từ cõi trời mà cầu sanh Tịnh độ. Ngày trước có Quang Công, sau này có Hồng Công và Đạo Ngang. Bởi vì ba người này trong lúc khẩn cấp mà còn có thể dạy luật cho bốn chúng, ngồi trên tòa cao mà thị tịch. Tướng lành quá nhiều làm hoa mắt, kinh tâm mọi người. Ôi! Lạ lùng thay!*

[83] Trời Đâu Suất Đà (Đâu Suất Đà Thiên 兜率陀天): Cõi trời thứ tư trong sáu tầng trời cõi Dục, rộng tám vạn do tuần, vị trí ở giữa trời Dạ Ma và trời Lạc Biển Hóa, cách trời Dạ Ma mười sáu vạn do tuần. Tuổi thọ của chư thiên ở cõi trời này khoảng 4.000 năm, một ngày một đêm ở đây tương đương với 400 năm ở nhân gian.



## II. VUA QUAN VĂNG SANH

### 6. Tham quân Lưu Di Dân

Lưu Di Dân sống vào đời Tấn, người ở Bành Thành, là hậu duệ của Sở Nguyên Vương nhà Hán. Ông mồ côi cha từ thuở nhỏ, một lòng lo phụng dưỡng mẹ, nổi tiếng là người có hiếu. Ông tự phụ cho mình tài ba nên không giao du với bọn tầm thường. Ông làm Tham quân ở phủ, chẳng được bao lâu lại vội lui về ở ẩn. Tạ An, Lưu Dụ nhiều lần tiến cử ông, nhưng ông cự tuyệt không vào triều. Vì thế, ông được vua ban tước hiệu là “Di Dân”.

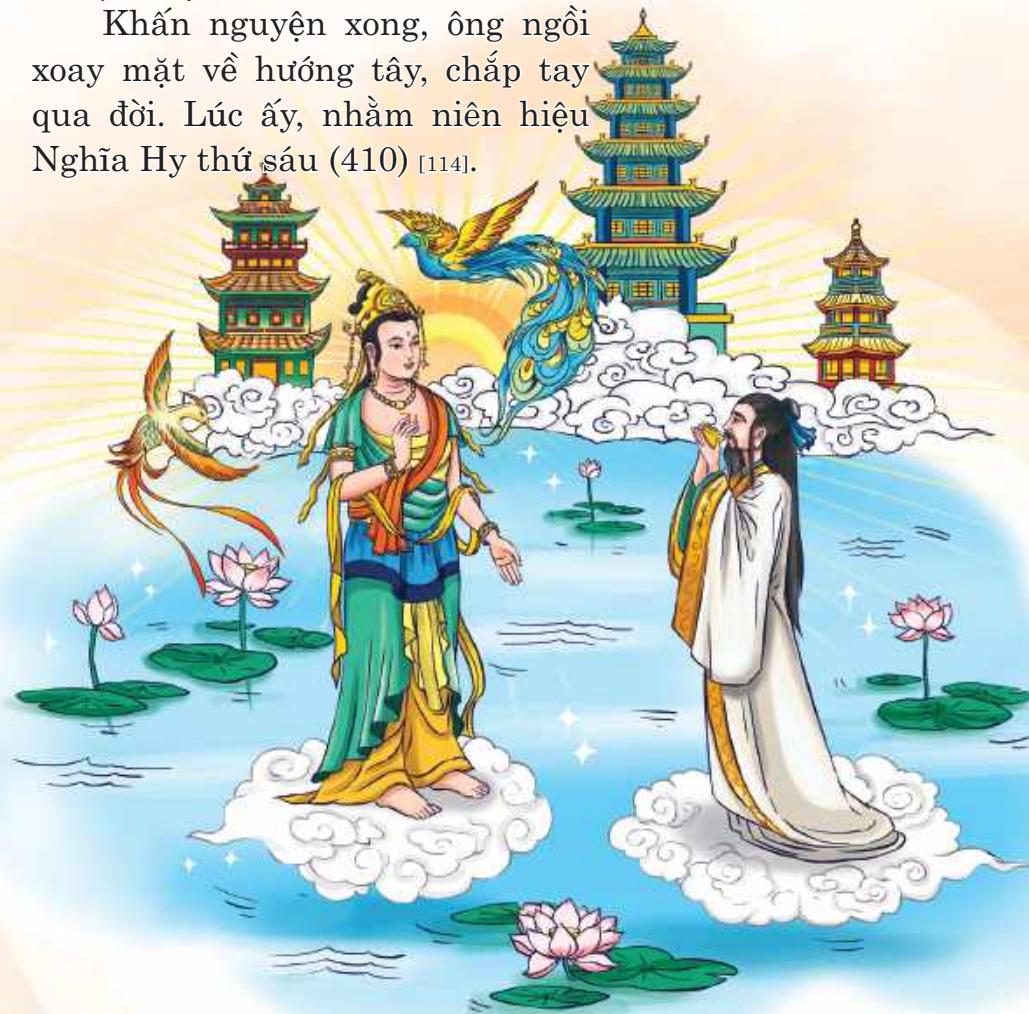
Sau đó, ông vào Lô Sơn tham dự đạo tràng Bạch Liên xã của ngài Tuệ Viễn. Ông trú tác “Niệm Phật tam muội thi” để bày tỏ lòng chí thành của mình. Nhiều lần ở trong định, ông thấy hào quang của Đức Phật chiếu xuống đất và làm cho đất có màu vàng. Mười lăm năm sau, cũng tại Lô Sơn, ông lại thấy Phật A Di Đà phóng hào quang giữa hai chặng lông mày, rồi duỗi tay xuống vô về ông. Lúc ấy, ông cầu nguyện: “Làm sao để được Đức Như Lai xoa đầu và lấy y trùm cho con!”. Cầu nguyện vừa dứt lời, bỗng chốc Phật duỗi tay xoa đầu và lấy y trùm lên người ông.



Vào một ngày khác, ông lại thấy mình vào ao bảy báu [112], trong ao có hoa sen xanh, sen trắng, nước ao trong suốt. Lúc ấy, bỗng xuất hiện một người, trên đầu có vòng hào quang, giữa ngực có chữ vạn (卍) chỉ nước trong ao và nói: “Đây là nước đù tám công đức [113] ông có thể uống”. Di Dân liền múc uống, cảm thấy nước mát và ngọt. Sau khi tỉnh dậy, ông vẫn còn nhớ rất rõ và có hương thơm lạ phát ra từ các lỗ chân lông. Ông nói với mọi người: “Đã đến lúc tôi về Tịnh độ rồi”.

Nói xong, ông đến trước tượng đốt hương, lễ Phật và khấn nguyện: “Con nhờ Đức Thích Ca chỉ dạy, mới biết có Phật A Di Đà. Hương thơm này trước hết con dâng cúng dường Đức Thích Ca Như Lai, sau là cúng dường Phật A Di Đà và kinh Diệu Pháp Liên Hoa, nguyện cho tất cả chúng sanh đều được sanh về Tịnh độ!”.

Khấn nguyện xong, ông ngồi xoay mặt về hướng tây, chắp tay qua đời. Lúc ấy, nhầm niên hiệu Nghĩa Hy thứ sáu (410) [114].



### *Ghi chú:*

*Lời tựa của kinh Quán Vô Lượng Thọ ghi:*

*“Chánh nhân của Tịnh nghiệp là lấy việc hiếu dưỡng cha mẹ làm đầu”. Vì thế nên biết, người bất hiếu dù niệm Phật suốt ngày, Phật cũng không hoan nghinh. Nay Di Dân ngay từ lúc còn rất nhỏ đã biết hiếu dưỡng mẹ; chẳng những thế, ông còn trụ sâu trong thiên định và nhiều lần cảm ứng hiện điềm lành. Do đó, có thể biết ông ấy nhất định sẽ được vãng sanh vào phẩm vị cao. Người tại gia tu Tịnh nghiệp phần đông đều cho ông là gương sáng của muôn đời.*

[112] Bảy báu (Thất bảo 七寶, S: sapta ratnāni): Bảy thứ ngọc báu ở thế gian. Các kinh nói bảy thứ báu khác nhau, theo kinh A Di Đà và luận Đại trí độ 10 thì bảy thứ báu là: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cù, xích châu, mã não.

[113] Nước tám công đức (Bát công đức thủy 八功德水): Nước có tám đặc tính thù thắng. Ở cõi Tịnh độ của Phật A Di Đà có ao thù thắng, nước trong ao có tám thứ công đức. Tám đặc tính đó là: trong treo, mát mẻ, ngọt ngon, mềm nhẹ, thấm nhuần, an hòa, trừ đói khát, nuôi lớn các căn.

[114] Truyện Linh ứng vãng sanh Tây phương Tịnh độ ghi là Nghĩa Hy thứ 15.



## 7. Quốc học Vương Long Thư

Vương Nhật Hữu sống vào đời Tống, người ở Long Thư, ông thanh liêm, chính trực và thông hiểu kinh sử. Một hôm, ông vứt bỏ tất cả và nói: “Những gì mà tôi học đây đều không phải là pháp cứu cánh, mục đích của tôi là cầu sanh Tây phương”.

Từ đó, suốt mười sáu năm liền ông siêng năng niệm Phật, ăn mặc thô sơ đạm bạc, mỗi ngày lễ Phật một nghìn lạy đến nửa đêm mới ngủ. Ông có viết Long Thư Tịnh Độ văn [1117] để khuyên người đời niệm Phật.

Ba ngày trước khi chết, ông đi từ biệt tất cả mọi người và nói: “Chẳng còn gặp nhau nữa”. Đến kỳ hạn, sau khi đọc sách xong, như thường lệ ông đánh lễ và niệm Phật, bỗng nhiên ông niệm A Di Đà Phật thật lớn và nói: “Phật đến rước tôi”.

Nói vừa dứt lời, ông đứng thẳng mà qua đời, giống như cây trồm. Người trong làng nầm mộng thấy có hai người mặc đồ xanh đến dẫn ông đi về hướng tây. Từ đó, nhà nhà đều thờ cúng ông”.



*Ghi chú:*

Ở Long Thư, ông khuyên mọi người phát tâm niệm Phật cầu sanh Tây phương. Ông là người cương trực, thành khẩn bậc nhất, chẳng phải nói suông mà luôn làm đúng như lời nói. Đến lúc ông lâm chung có những điều kỳ đặc đáng làm gương sáng cho muôn đời. Than ôi! Há chẳng phải những bậc thánh nhân Tịnh độ vào chợ duỗi tay cứu người sao?

[117] Long Thư Tịnh độ văn 龍舒淨土文: Tác phẩm, 12 quyển, do ông Vương Nhật Hưu người đất Long Thư (Thư Thành, An Huy) soạn vào năm 1160, đời Nam Tống, được xếp vào Đại Chính Tạng, tập 47. Nội dung sách này ghi chép những kinh luận, truyện ký có liên quan đến việc vãng sanh Tây phương Tịnh độ.

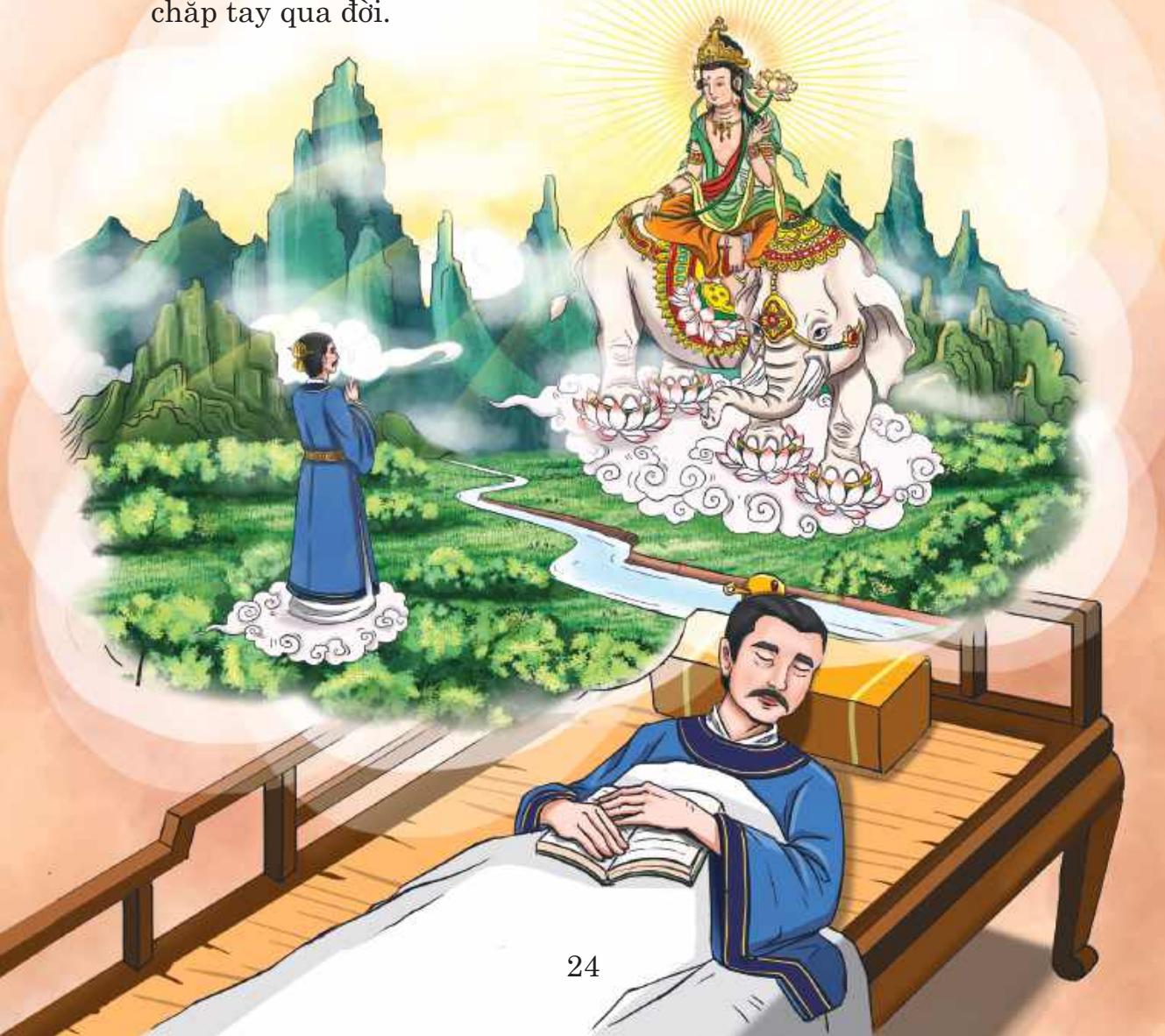


### III. NHỮNG XỬ SĨ VĂNG SANH

#### 8. Phạm Nghiêm

Phạm Nghiêm sống vào đời Tống, người ở Nhân Hòa, không màng đến việc thế gian. Con của ông không gánh vác nổi chuyện gia đình, nhưng ông vẫn không quan tâm đến mà chỉ nói: “Từ nay ta chỉ là khách trong gia đình này thôi!”. Hằng ngày, ông tụng kinh Pháp Hoa, niệm Phật A Di Đà không chút xao lảng.

Bỗng một hôm, ông nằm mộng thấy Bồ Tát Phổ Hiền cưỡi voi trắng sáu ngà phóng ánh sáng màu vàng đến và báo ông rằng: “Sáng mai vào giờ Mão, ông sẽ mạng chung!”. Sáng hôm sau, Phật và Bồ Tát đến rước, Phạm Nghiêm ngồi ngay thẳng chấp tay qua đời.



## 9. Hoàng Đả Thiết

Hoàng Công sống vào đời Tống, người ở Đàm Châu, ông xuất thân từ quân ngũ. Ông sống bằng nghề thợ rèn. Trong khi trai rèn, ông luôn miệng niệm Phật không dứt.

Một hôm, không bị bệnh, ông nhờ người hàng xóm viết giúp bài tụng:

Chập chập cheng cheng,

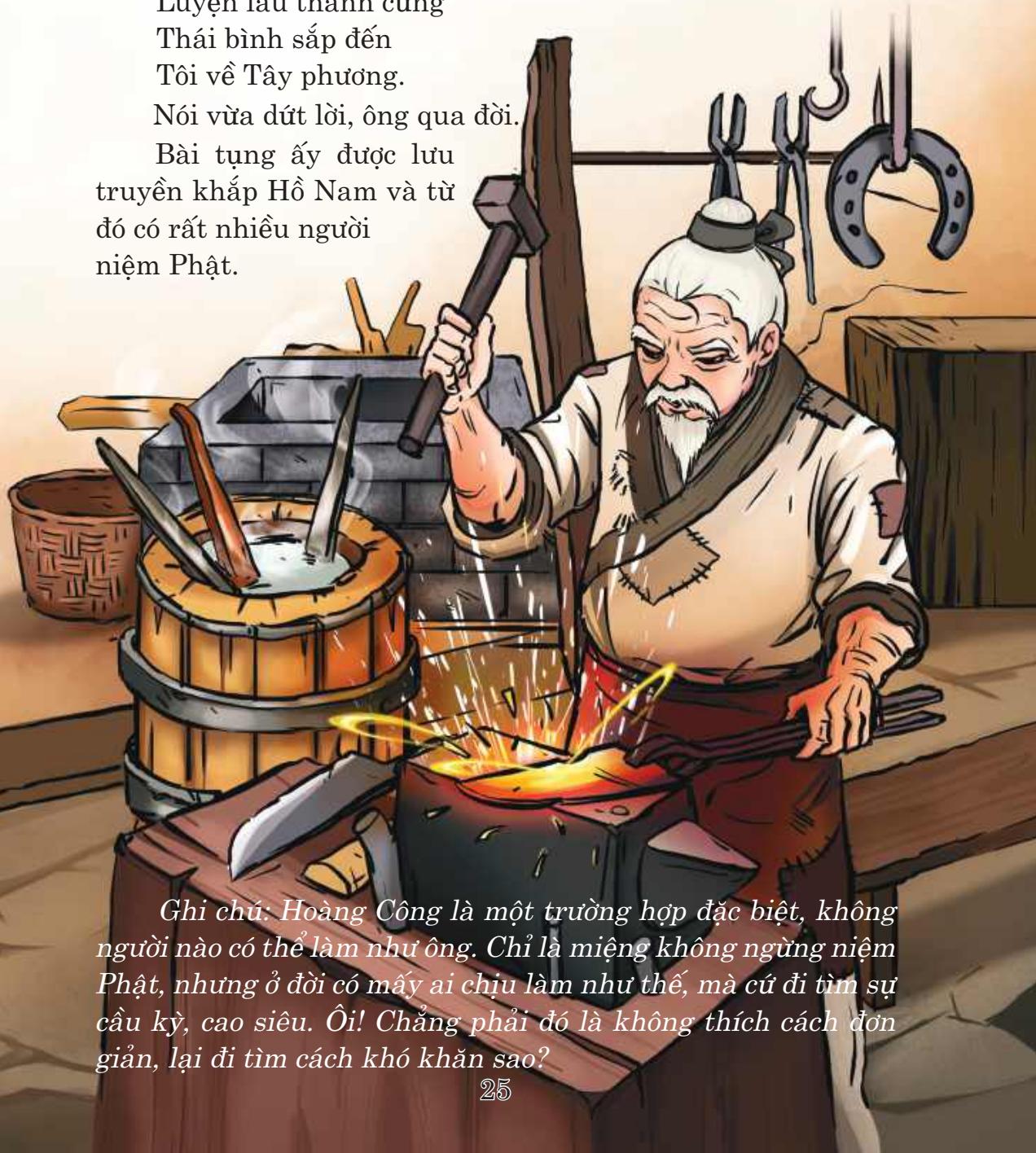
Luyện lâu thành cứng

Thái bình sấp đến

Tôi về Tây phương.

Nói vừa dứt lời, ông qua đời.

Bài tụng ấy được lưu truyền khắp Hồ Nam và từ đó có rất nhiều người niệm Phật.



Ghi chú: Hoàng Công là một trường hợp đặc biệt, không người nào có thể làm như ông. Chỉ là miệng không ngừng niệm Phật, nhưng ở đời có mấy ai chịu làm như thế, mà cứ đi tìm sự cầu kỳ, cao siêu. Ôi! Chẳng phải đó là không thích cách đơn giản, lại đi tìm cách khó khăn sao?

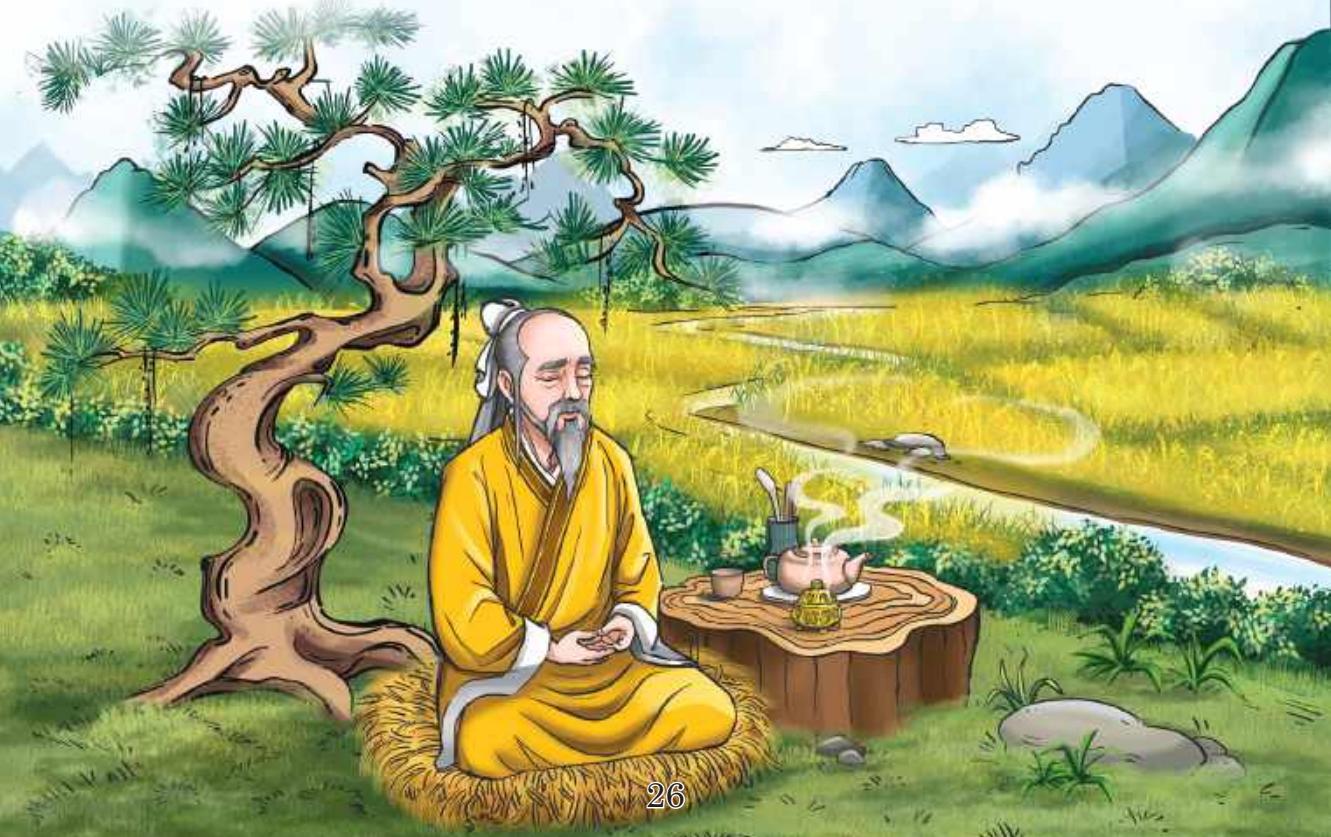
## 10. Lục Nguyên Đạo

Lục Nguyên Đạo sống vào đời Tống, hiệu là Tĩnh Am cư sĩ, cư ngụ tại Hoành Khê, Minh Chi. Sáng sớm thức dậy, ông đốt hương ngồi thiền, mắt không nhìn chỗ nào khác. Trước khi lễ Phật, tụng niệm ông tự đọc bài kệ:

Sáng sớm rửa tay mở kinh ra  
Không cầu nhiều phước và trừ tai  
Việc đời chấm dứt không lưu luyến  
Kiếp hỏa sáng soi múa một hồi.

Sau này, ông niệm Phật, tụng kinh không nhanh không chậm, âm thanh nối nhau như xâu tràng hạt, mỗi ngày tụng một biến kinh Pháp Hoa và niệm danh hiệu Phật A Di Đà một vạn tiếng, một lòng cầu sanh Tây phương. Ngày mùng 6 tháng 4, ông tắm rửa, thay y phục xong liền qua đời. Hưởng thọ 85 tuổi.

Khi tân liệm bỗng nghe có hương thơm của hoa sen xông lên ngào ngạt, mọi người đều không biết hương thơm ấy từ đâu bay lại. Lúc đến gần để dậy nắp quan tài thì biết là hương thơm từ trong miệng của ông bay ra.



## 11. Nho sinh Dương Gia Y

Vào đời Đại Minh có người tên Dương Gia Y, tự là Bang Hoa, quê ở Thái Hòa, là con của một gia đình danh giá. Năm mươi ba tuổi, ông đã biết giữ giới không sát sanh, dù đó là chấy rận cũng không hề làm tổn thương. Năm hai mươi ba tuổi, đến Nam Ung học tập không được bao lâu sau, ông bị bệnh.

Vào ngày mùng 9 tháng 10 năm Ất Ty, niên hiệu Vạn Lịch (1605), ông qua đời. Trước khi qua đời, ông nằm mộng thấy mình đi đến địa ngục, gặp Địa Tạng Đại sĩ ở điện Minh Dương. Khi tỉnh dậy, ông lo phóng sanh và mời chư Tăng về nhà tụng kinh, niệm Phật.

Một hôm, ông gọi người đến và bảo: “Tôi sắp đi rồi. Hoa sen xanh đã hiện ra trước mắt tôi, lẽ nào không phải là cảnh Tịnh độ sao?”. Từ đó, ông ngày đêm niệm Phật không dứt.

Một hôm, ông bảo mọi người tắt ngọn nến và nói: “Mọi người nhờ nến để thắp sáng, nhưng tôi không cần nến. Tôi thường ở trong ánh sáng”.

Có người hỏi: “Ông thấy điều gì?”.

Ông nói: “Hoa sen nở bốn màu”.



Hỏi: “Ông có thấy Đức Phật A Di Đà không?”.

Đáp: “Tôi thấy Đức Phật A Di Đà hiện thân một nghìn trượng”.

Hỏi: “Ông thấy Bồ Tát Quán Thế Âm không?”.

Đáp: “Bồ Tát Quán Thế Âm cũng hiện thân cao lớn bằng thân Đức Phật A Di Đà”.

Hỏi: “Ông thấy Bồ Tát Thế Chí không?”.

Đáp: “Không thấy”.

Nói dứt lời, đột nhiên ông đứng phắt dậy niêm hương và liên tục xưng tán: “Công đức của Phật A Di Đà không thể nói, không thể nói, không thể nói! Tôi đã được sanh lên thượng phẩm rồi”. Nói xong, ông an nhiên qua đời.

#### *Ghi chú:*

*Bang Hoa có chí hiếu học, từng đọc qua tất cả các loại sách. Về sau, ông chỉ chuyên tâm nghiên cứu kinh sách Phật. Đặc biệt, chỉ để tâm nghiên cứu pháp môn Tịnh độ của Phật giáo. Đến lúc sắp qua đời, ông nói: “Công đức của Phật A Di Đà không thể nói!”. Ông nói ba lần như vậy. Đó là ông ta thấy thật, nói thật. Người anh kế của ông là Gia Tộ thuật lại việc vãng sanh của ông và thế rằng: “Nếu tôi nói xằng bậy sẽ bị đọa vào địa ngục Bạt thiết (kéo lưỡi)”. Anh của ông cũng thấy thật, nói thật. Vậy những ai không tin về Tịnh độ hãy nên suy nghĩ lại.*



## 12. Cư sĩ họ Đỗ

Vào đời Đại Minh có cư sĩ họ Đỗ, quê ở huyện Uyển Bình, phủ Thuận Thiên. Ông ở ẩn trong một trại đường đổ nát của chùa Thụy Quang thuộc Tây Sơn, chẳng màng đến chuyện gia đình, chuyên tâm niệm Phật suốt ba mươi năm.

Một hôm, có người cùng làng với ông tên Đồng Quảng Sách đến chở ông.

Cư sĩ hỏi: “Ông từ đâu đến đây?”.

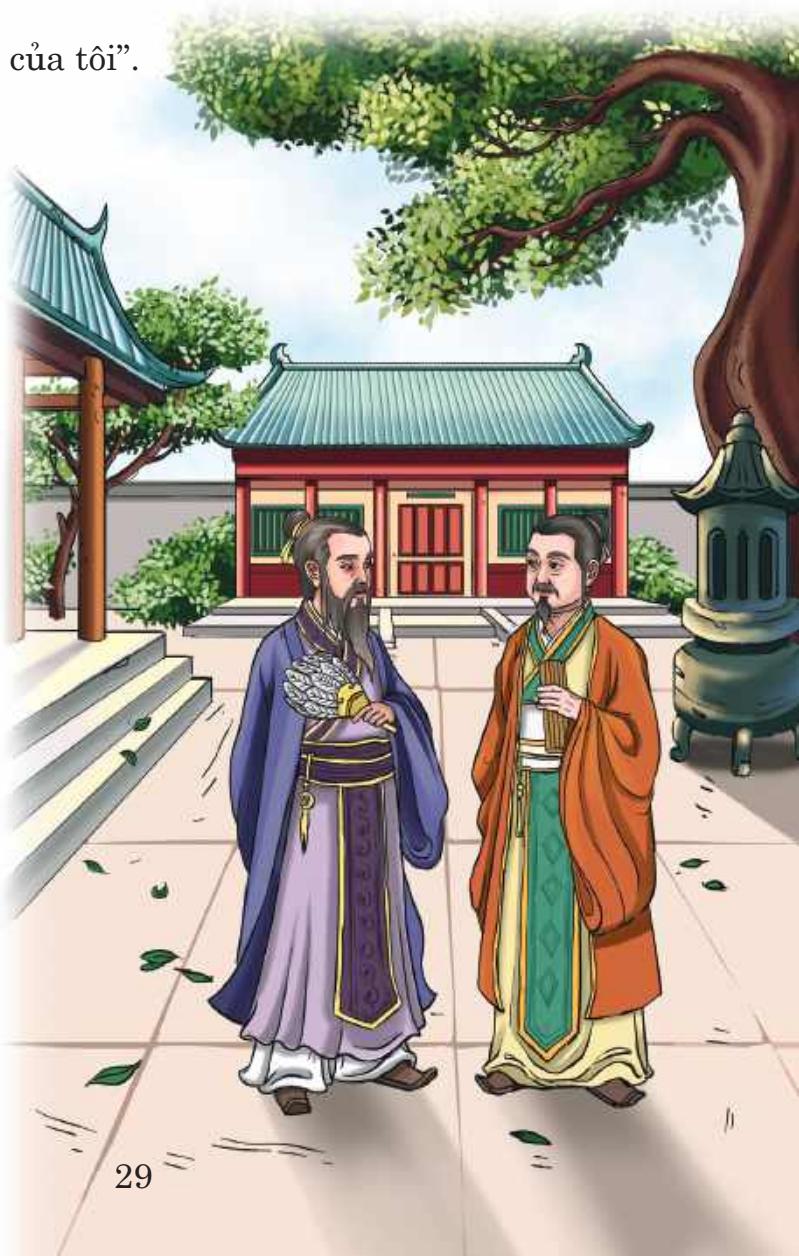
Quảng Sách đáp: “Từ Hàng Châu đến đây”.

Cư sĩ hỏi tiếp: “Ông là người Hàng Châu. Vậy ông có biết ngài Châu Hoằng ở chùa Vân Thê không?”.

Quảng Sách đáp:

“Ngài Vân Thê là thầy của tôi”.

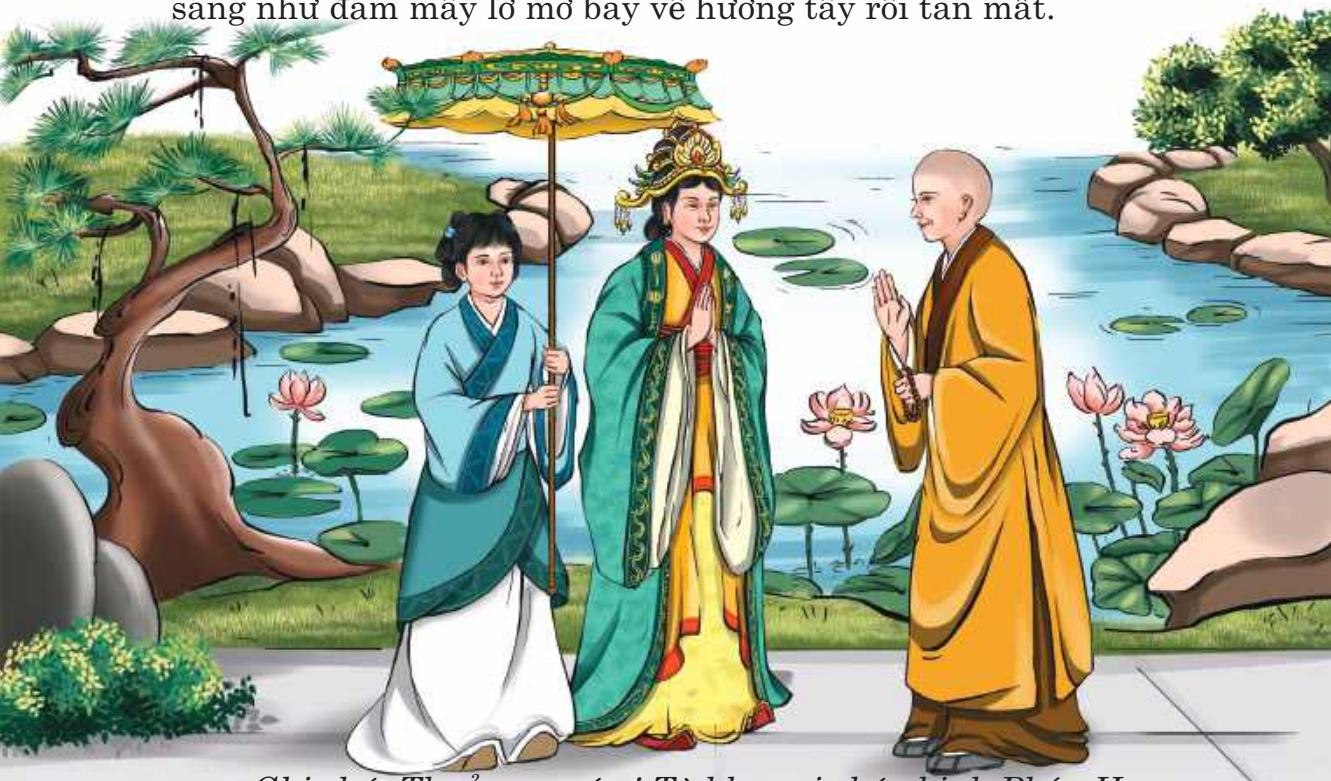
Đối đáp đến đó, cư sĩ chấp tay niệm Phật, không nói thêm lời nào. Trước khi sắp qua đời ông lẽ sám suốt chín ngày liền. Khi lẽ đến đoạn sám vẫn khẩn thiết, tự nhiên ông rời lệ, nghẹn ngào. Từ đó, ông không ăn, chỉ uống ít nước. Đến khi lẽ sám xong, ông ngồi ngay thẳng mà qua đời. Mười ngày trôi qua mà dung mạo của ông vẫn tươi tắn như lúc còn sống. Nhiều người trông thấy có mây năm màu bao quanh trên nhà ông.



## IV. TỲ KHEO NI VĂNG SANH

### 13. Tỳ kheo ni Đại Minh

Tỳ kheo ni Đại Minh ở Duyên Châu nghe Thiên sư Đạo Xước giảng kinh Vô Lượng Thọ và được dạy cho pháp môn Niệm Phật. Trước khi niệm Phật, Ni sư luôn thay y phục sạch sẽ, và súc miệng bằng nước trầm hương. Ni sư giữ thời khóa niệm Phật trong tịnh thất suốt ba, bốn năm không gián đoạn. Hoàng hậu của Văn Đế rất kính trọng Ni sư. Khi Ni sư lâm chung, mọi người đều thấy trong thất có ánh sáng và mùi hương trầm thủy lan tỏa khắp phòng. Trong chốc lát lại có ánh sáng như đám mây lờ mờ bay về hướng tây rồi tan mất.



Ghi chú: Thuở xưa, có vị Tỳ kheo ni chép kinh Pháp Hoa với tâm cung kính giống như Ni sư Đại Minh, về sau được cảm ứng điem linh dị. Lại có hai vị tăng tụng kinh dưới âm phủ, chí thành lễ lạy cũng có cảm ứng điều kỳ diệu. Thế thì không có gì phải lấy làm lạ về những việc như thế này! Thời nay, có mấy ai niệm Phật được giống như Tỳ kheo ni Đại Minh! Giả sử, mọi người đều niệm Phật như Tỳ kheo ni Đại Minh, thì tôi chẳng tin một nghìn người mà không vãng sanh cả nghìn, một vạn người mà không vãng sanh cả vạn!

## 14. Tỳ kheo ni Tịnh Chân

Tỳ kheo ni Tịnh Chân sống vào đời Đường ở chùa Tích Thiện, Trường An, suốt đời mặc y bá nạp đi khất thực, không hề sân hận. Ni sư tinh chuyên niệm Phật và tụng kinh Kim Cang đến mười tám ngàn lần. Tháng bảy năm Hiển Khánh thứ 5 (660), Ni sư bị bệnh, bèn gọi đệ tử đến dạy rằng:

- Trong năm ngày ta được thấy Phật A Di Đà mười lần. Ta còn hai lần thấy đồng tử dạo chơi trên hoa sen báu ở thế giới Cực Lạc. Lại có Thánh tăng năm lần thọ ký ta sẽ làm Phật, và được vãng sanh phẩm thượng. Ni sư ngồi kết già mà tịch. Đến sáng Ni sư tỉnh lại bảo đệ tử rằng:

- Ta được quả vị Bồ Tát, đi khắp mươi phương để cúng dường chư Phật. Ni sư nói xong liền thị tịch, ánh sáng chiếu khắp chùa.

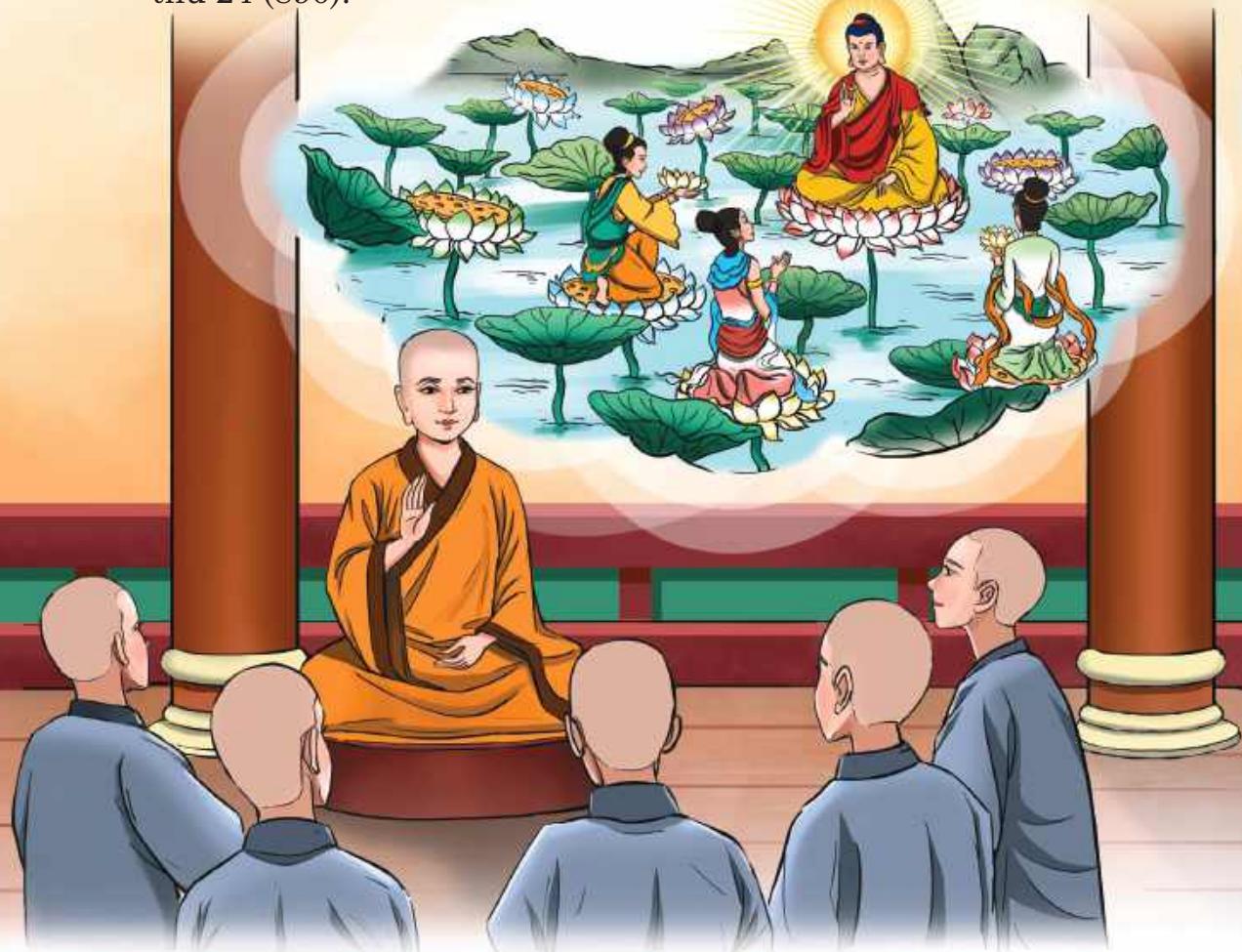


## 15. Tỳ kheo ni Ngộ Tính

Tỳ kheo ni Ngộ Tính sống vào đời Đường, ở Lô Sơn chuyên tâm niệm Phật và thành khẩn cầu vãng sanh. Một hôm, bỗng nhiên nghe trong hư không có tiếng nhạc, Ni sư nói với những người xung quanh:

- Tôi đã được Trung phẩm Thượng sanh và thấy những người cùng siêng năng niệm Phật đều có hoa sen chờ sẵn. Vì thế mọi người phải tự nỗ lực niệm Phật.

Nói vừa dứt lời, Ni sư thị tịch. Bấy giờ nhằm năm Đại Lịch thứ 24 (890).



*Ghi chú: Vì sao hai vị Tỳ kheo ni (Tịnh Chân, Ngộ Tính) ấy biết chắc mình đã được sanh vào Thượng phẩm và Trung phẩm? Một là bên trong tự xét biết việc làm của mình sâu cạn thế nào, hai là bên ngoài xét những điểm cảm ứng hơn kém thế nào. Như thế, có thể cho là giả dối được sao?*

## 16. Tỳ kheo ni Năng Phụng

Tỳ kheo ni Năng Phụng sống vào đời Tống, người ở Tiền Đường, chuyên tu Tịnh nghiệp. Ni sư nhiều lần mộng thấy Phật phóng quang chiếu đến thân mình và nghe trong hư không có tiếng khuyên bảo, an ủi. Một hôm, Ni sư nói với đồ chúng: “Đã đến lúc tôi vãng sanh Tịnh độ rồi”. Không lâu sau, mọi người nghe tiếng Ni sư niệm Phật rất lớn, vội chạy đến xem thì thấy Ni sư ngồi chắp tay xoay mặt về hướng tây thi tịch. Lúc ấy, có hương thơm lạ khắp phòng và nhạc trời nhỏ dần đi về hướng tây.



## V. PHỤ NỮ VĂNG SANH

### 17. Bà Hồ Trường

Bà Hồ Trường sống vào đời Tống, họ Lý, quê ở Thượng Ngu. Sau khi chồng qua đời, ngày đêm bà to tiếng niệm Phật và tụng kinh A Di Đà, khoảng hơn mươi năm. Một hôm, bà thấy có vị tăng được che lọng lụa đào đến nói với bà: “Mười lăm ngày nữa, vào giờ Tý bà sẽ vãng sanh”.

Bà Trường hỏi: “Sư là ai?”.

Vị tăng nói: “Ta là người mà bà niệm đó!”.

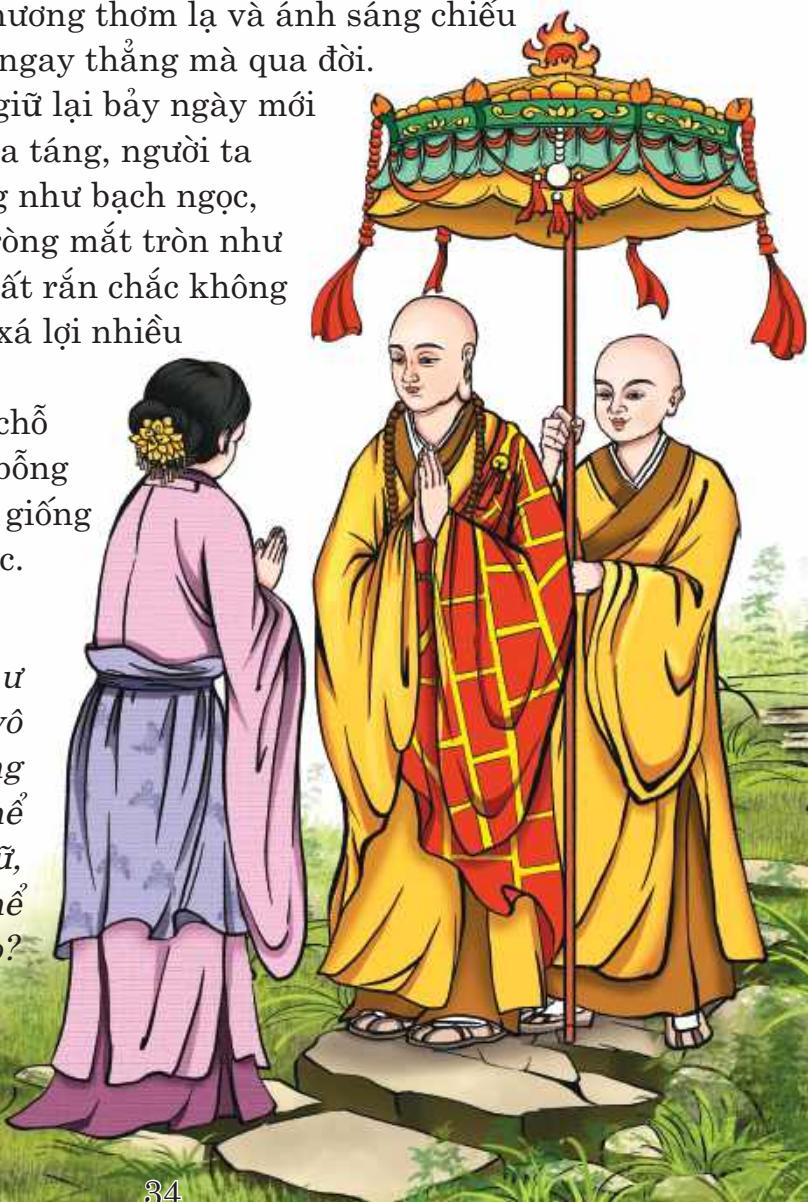
Bà Trường liền đi thăm và từ biệt tất cả người thân. Đến kỳ hạn, tự nhiên có hương thơm lạ và ánh sáng chiếu đến, bà Trường ngồi ngay thẳng mà qua đời.

Thi thể của bà được giữ lại bảy ngày mới hỏa táng. Sau khi hỏa táng, người ta nhặt được răng trắng như bạch ngọc, lưỡi như sen hồng, tròng mắt tròn như quả nho, tất cả đều rất rắn chắc không hư hoại và thu được xá lợi nhiều vô số kể.

Ngày hôm sau, chỗ thiêu thi thể của bà bỗng mọc lên một đóa hoa giống như hoa bạch anh túc.

#### Ghi chú:

Các căn không hư hoại, xá lợi nhiều vô số. Người đời thường chê trách thân thể ngũ lậu của người nữ, phải chăng không thể có những điều ấy sao?



## 18. Bà họ Trịnh

Bà họ Trịnh sống vào đời Tống, người ở Tiên Đường, hằng ngày tụng kinh Quán Âm và niệm Phật không ngớt. Sau đó, bà mắc bệnh nặng nên bảo người nhà tắm giúp. Sau khi tắm xong, bà ngồi xoay mặt về hướng tây và hỏi người nhà: “Mọi người có nghe tiếng khánh không? Các vị Thánh ở Tịnh độ vừa mới đến”. Rồi bà chắp tay, vui vẻ mừng nói tiếp: “Phật và Bồ Tát đến; Bồ Tát Quán Âm tay cầm đài vàng, Đức Như Lai đưa tôi lên ngồi trên tòa”. Nói dứt lời, bà nhẹ nhàng ra đi.



## 19. Bà lão họ Trần

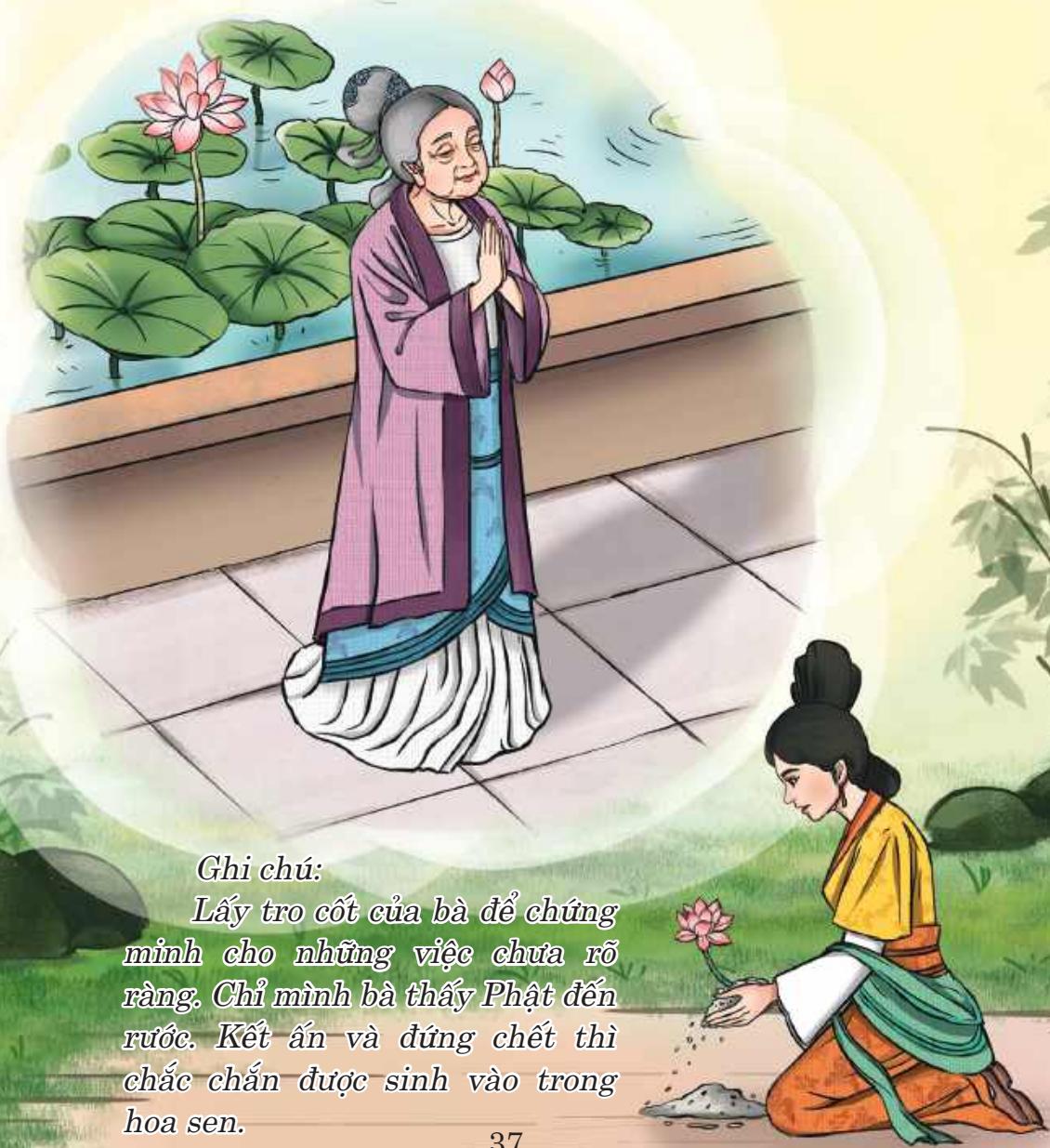
Bà lão họ Trần sống vào đời Tống, người ở Tiền Đường, theo luật sư Linh Chi cầu thọ Bồ Tát giới [132]. Bà chuyên tâm niệm Phật và mỗi ngày lễ Phật cả nghìn lạy. Từng có xá lợi rơi xuống nơi bàn tụng kinh của bà. Khi sắp qua đời, bà thấy Đức Phật đến rước. Bà quay sang nói với người bên cạnh chưa được nửa câu thì đã an nhiên qua đời.



[132] Bồ Tát giới 菩薩戒. Cg: Đại thừa giới; Giới pháp mà Bồ Tát Đại thừa thọ trì. Nội dung Bồ Tát giới nói về tam tụ tịnh giới, tức là ba nhóm: Nhiếp luật nghi giới, Nhiếp thiện pháp giới và Nhiêu ích hữu tình giới.

## 20. Bà họ Hoàng

Bà họ Hoàng sống vào đời Tống, người ở Tứ Minh, chồng chết khi bà còn trẻ. Sau khi an táng chồng xong, bà trở về nhà cha mình ở và chuyên tu Tịnh nghiệp. Khi sắp qua đời, bà thấy Đức Phật đến rước. Lúc ấy, bà kết ấn và đi kinh hành, bỗng dung đứng thẳng mà qua đời. Người nhà sàng lấy một ít tro ở trên đất để kiểm nghiệm nơi bà vãng sanh thì thấy trong đống tro mọc lên một hoa sen.



### Ghi chú:

*Lấy tro cốt của bà để chúng minh cho những việc chưa rõ ràng. Chỉ mình bà thấy Phật đến rước. Kết ấn và đứng chết thì chắc chắn được sinh vào trong hoa sen.*

## 21. Phu nhân họ Vương

Phu nhân của Kinh Vương họ Vương, sống vào đời Tống, chuyên tu Tịnh nghiệp, sớm hôm tha thiết, chí thành niêm Phật. Những người hầu hạ bà phần nhiều đều bắt chước bà niêm Phật. Chỉ có một nàng hầu lười biếng, ngạo mạn không chịu niêm Phật nên bị phu nhân quở trách. Nàng ta cũng biết lỗi ăn năn sám hối và siêng năng niêm Phật. Một hôm, nàng ta không bệnh nhưng đột nhiên qua đời.

Sau khi qua đời, nàng báo mộng với một người hầu khác: “Nhờ phu nhân chỉ bảo, nay tôi đã được sanh về An Dưỡng!”. Sáng ra, người hầu kia kể lại chuyện nằm mộng cho phu nhân nghe, nhưng phu nhân không tin. Bỗng chốc phu nhân cũng nằm mộng thấy mình cùng với nàng hầu ấy dạo chơi trong ao báu, thấy một chiếc thiên y thêu hoa tung bay, trên đó có viết chữ: “Dương Kiệt mặc áo quan ngồi trên một hoa sen”. Một hàng chữ nữa: “Mã Vu lại thấy đài vàng chiếu sáng rực rỡ”. Người hầu chỉ và nói: “Phu nhân sẽ sanh về nơi này”.



Phu nhân mộng thấy như vậy nên càng siêng năn tu tập niệm Phật hơn. Năm 81 tuổi, nhằm ngày Khánh đản, bà thắp đèn, đốt hương, đứng nhìn tượng Bồ Tát Quán Thế Âm. Mọi người làm nghi thức dâng lễ mừng thọ xong, bà an nhiên đứng mà qua đời.



*Ghi chú:*

*Biên tập đến đây đã biết được người nữ  
đứng qua đời gồm có ba vỉ, dài vàng chiếu  
sáng rực rỡ cũng được sanh lên Thương  
phẩm. Ai nói phu nữ khuê các không được  
vãng sanh?*

## 22. Phu nhân họ Phùng

Phu nhân họ Phùng sống vào đời Tống, ở quận Quảng Bình. Lúc nhỏ, thân nhiều bệnh tật, được Thiên sư Từ Thụ Thâm dạy cho cách trì trai giới [133] và niệm Phật, bà tin sâu và nỗ lực thực hành suốt mười năm không chút lười biếng. Một hôm, bỗng bà chán cõi đời này. Có người thấy lạ, mới hỏi bà. Bà nói: “Tôi vốn ở cảnh giới thanh tịnh, nhưng vì thất niệm nên mới sanh xuống cõi này. Nay duyên trần đã hết, tôi sẽ vãng sanh Tây phương. Đâu có gì lạ!”.

Đến ngày mạng chung, bà tắt thở được một lúc rồi sống lại và nói với người trong nhà: “Tôi đã sanh về Tịnh độ, thấy cảnh giới của Đức Phật giống như trong kinh Hoa Nghiêm và kinh Thập Lục Quán đã nói”. Nói xong, một hồi lâu bà mới qua đời. Ba ngày sau, thân thể bà vẫn hồng hào giống như đang còn sống, có hương thơm lạ lan tỏa ngào ngạt.

[133] Trai giới 齋戒  
(S: upoadha): Giữ gìn thanh tịnh thân tâm và cẩn thận ngăn ngừa sự buông lung hoặc chỉ riêng cho Bát quan trai giới hay chỉ riêng cho giới quá Ngọ không ăn.



## 23. Cô gái họ Vương

Vào đời Tống, ở Cát An có cô gái họ Vương, mỗi ngày tụng các kinh A Di Đà, Kim Cang, Quán Âm và chuyên tâm niệm Phật. Khi mẹ cô qua đời, mặc dù đã tẫn liệm rồi, nhưng máu huyết vẫn chảy ra. Vì cứu độ mẹ, cô phát nguyện: “Nếu con có tâm hiếu thì nguyện cho những chất ô uế kia không còn chảy nữa!”. Cô vừa nói dứt lời thì máu liền ngưng chảy. Sau này, cha của cô lấy thêm vợ kế, họ cùng nhau tu Tịnh nghiệp. Sau đó, cô bị bệnh, gia đình thỉnh Tăng đến nói pháp quán Tịnh độ. Nghe xong, cô tắm rửa sạch sẽ, nằm thế cát tường và đưa tay nắm lá phan trên tay Bồ Tát Quán Âm, rồi an nhiên qua đời. Người mẹ kế sàng tro cốt ở trên đất để chứng nghiệm chỗ cô vãng sanh thì thấy trong đống tro ấy có mấy hoa sen mọc lên.

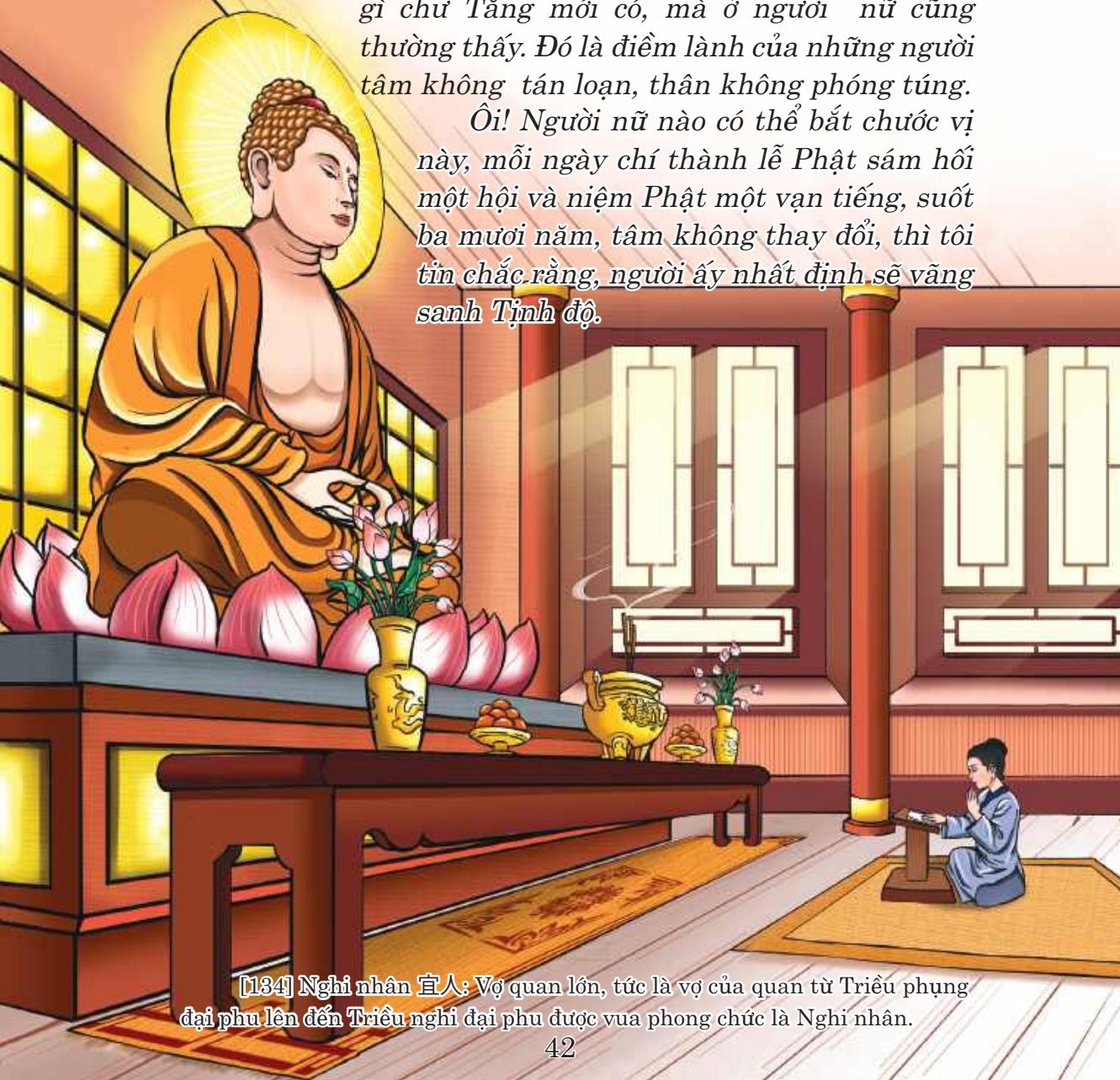


## 24. Nghi nhân họ Lục

Nghi nhân [134] họ Lục sống vào đời Tống, người ở Tiền Đường, vợ của quan Triều thỉnh Vương Dư. Bà thường tụng kinh Pháp Hoa, hết lòng cầu sanh Tịnh độ, mỗi ngày lễ Phật sám hối một hội và niệm Phật một vạn tiếng, suốt ba mươi năm. Một hôm, nhân lúc bệnh nhẹ, bà bỗng nghe tiếng trống trời vang lên, bà giật mình, liền ngồi ngay thẳng xoay mặt về hướng tây, hai tay kết ấn mà qua đời.

*Ghi chú: kết ấn mà qua đời, không riêng gì chư Tăng mới có, mà ở người nữ cũng thường thấy. Đó là điểm lành của những người tâm không tán loạn, thân không phóng túng.*

*Ôi! Người nữ nào có thể bắt chước vị này, mỗi ngày chí thành lễ Phật sám hối một hội và niệm Phật một vạn tiếng, suốt ba mươi năm, tâm không thay đổi, thì tôi tin chắc rằng, người ấy nhất định sẽ vãng sanh Tịnh độ.*



[134] Nghi nhân 宜人: Vợ quan lớn, tức là vợ của quan từ Triều phung đại phu lên đến Triều nghi đại phu được vua phong chức là Nghi nhân.

## VI. NGƯỜI ÁC VĂNG SANH

### 25. Trương Thiện Hòa

Vào đời Đường có người tên Trương Thiện Hòa làm nghề mổ trâu. Đến lúc sắp qua đời, ông thấy một bầy trâu nói tiếng người đến đòi mạng. Lúc ấy, ông vô cùng sợ hãi, vội gọi vợ lại và bảo: “Bà mau đi thỉnh chư Tăng đến làm lễ sám hối cho tôi”.



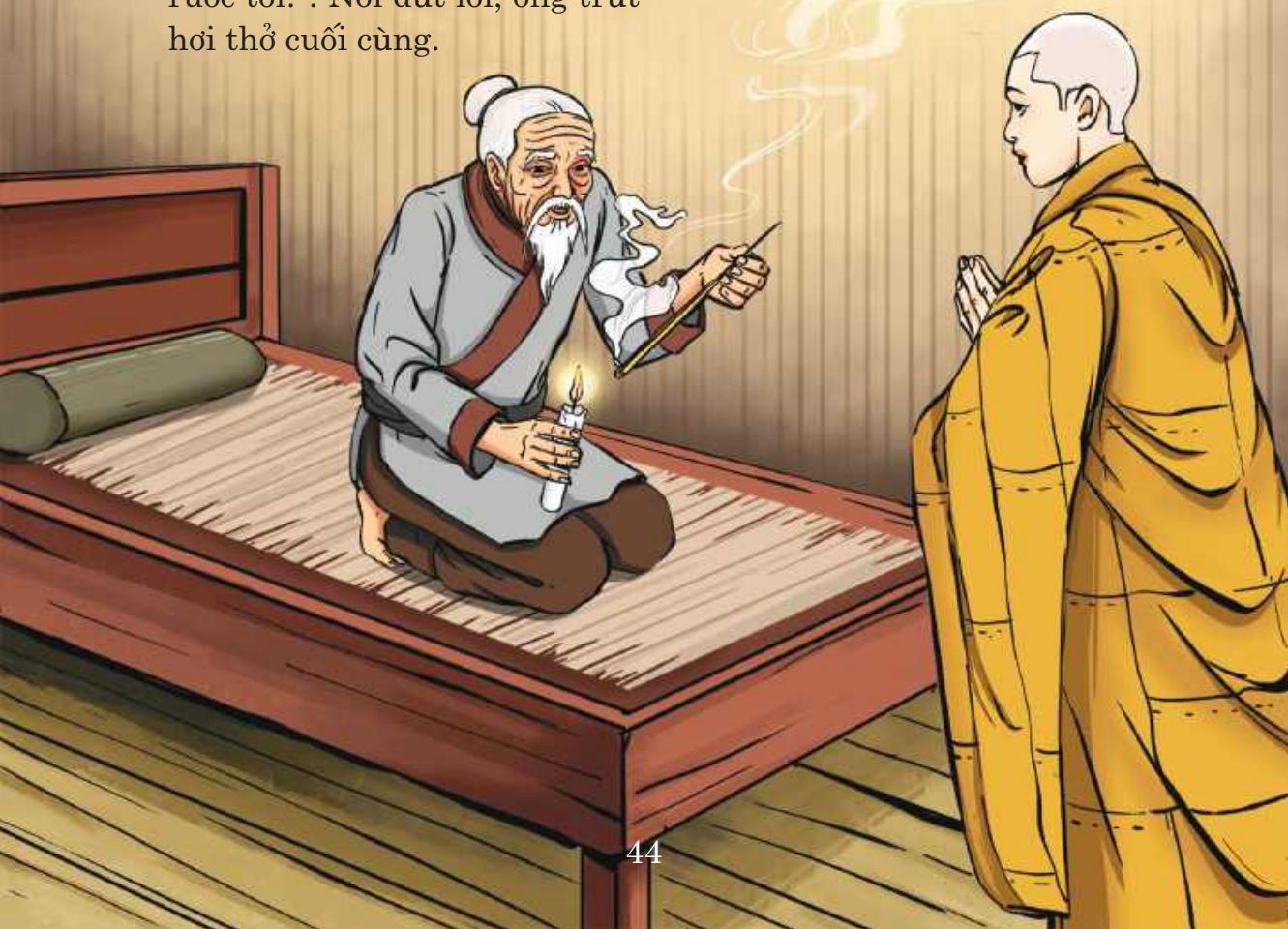
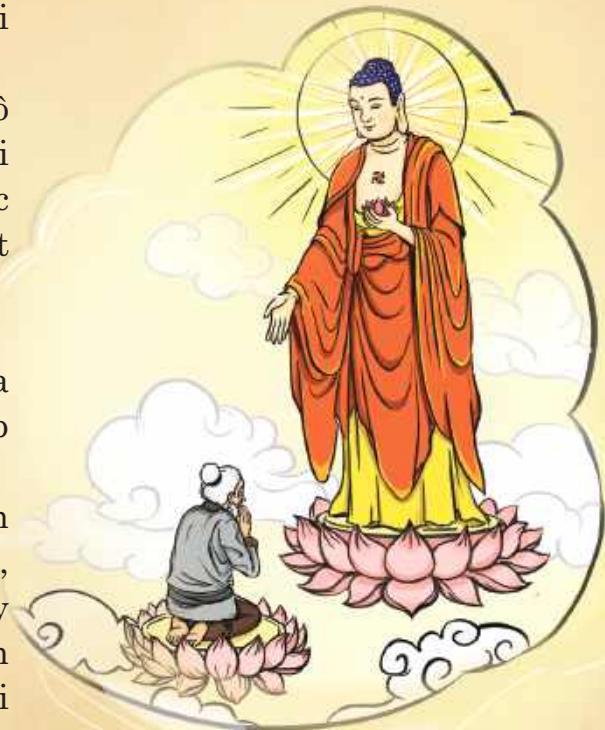
Chư tăng đến nhà nói với ông:

- Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Người nào khi sắp lâm chung thấy tướng ác hiện ra mà chí tâm niệm Phật thì liền được vãng sanh”.

Thiện Hòa nói:

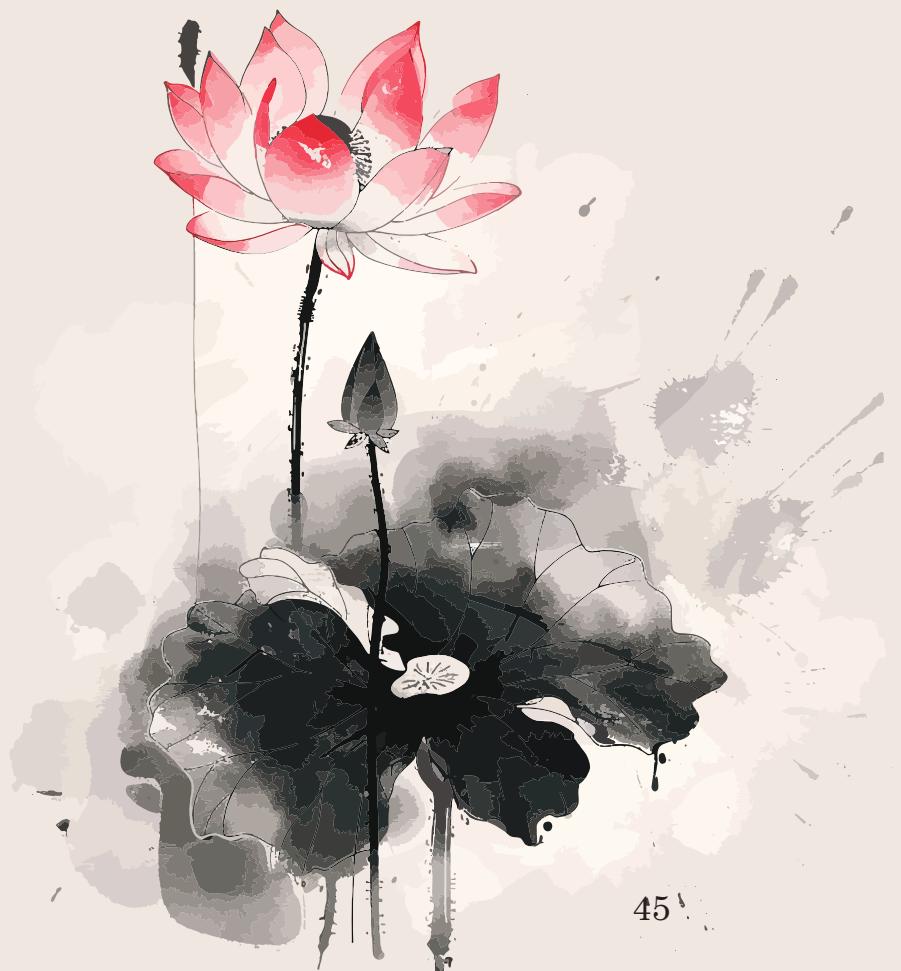
- Cảnh địa ngục hiện ra rất nguy cấp, không còn kịp lấy lư hương nữa!

Nói rồi tay phải ông cầm lửa, tay trái cầm hương đốt, ngồi xoay mặt về hướng tây chuyên tâm, tha thiết niệm Phật. Niệm chưa được mươi tiếng, ông tự nói: “Phật đến rước tôi!”. Nói dứt lời, ông trút hơi thở cuối cùng.



### *Ghi chú:*

*Trong lúc thấy cảnh địa ngục hiện ra trước mắt, dùng tay làm lư hương; áy là vì gấp tình thế quá bức bách nên lòng mới thành khẩn, ý mới tinh chuyên cũng không có niệm thứ hai vậy. Dù nói chỉ cần mười niệm nhưng vẫn hơn những người ròng rã niệm Phật cả trăm nghìn vạn úc niệm mà không nhất tâm. Những người như vậy nhất định sẽ vãng sanh. Theo lý thì thật đúng như thế. Có người nghi ngờ ông là Bồ Tát thị hiện nên mới làm được như thế. Nhưng sự thật hoàn toàn không phải như vậy!*



## 26. Trương Chung Quỳ

Vào đời Đường có người tên Trương Chung Quỳ, làm nghề giết gà. Lúc ông bệnh nặng thấy một người mặc áo lụa đào xua bầy gà đến mổ ông, máu chảy đầy mặt, đau đớn không sao chịu nổi.

Bấy giờ, có vị Tỳ kheo đến nhà bài trí tượng Phật và bảo ông niệm Phật. Bỗng chốc, có hương thơm phảng phất khắp phòng và ông nhẹ nhàng qua đời.



## 27. Hùng Tuấn

Vào đời Đường có người tên Hùng Tuấn, quê ở Thành Đô, ông can đảm, dũng cảm hơn người, nhưng không giữ giới luật. Ông từng bỏ đạo để gia nhập quân đội. Sau khi xuất ngũ, ông trở lại làm tăng. Một hôm, ông đọc kinh, thấy trong kinh ghi: “Niệm một tiếng danh hiệu Phật thì diệt được tội nặng sanh tử trong tâm mươi úc kiếp”. Đọc đến đó, ông vô cùng mừng rỡ và thốt lên rằng: “Có điều này để ta nương nhờ rồi!”.

Từ đó, tuy vẫn làm ác nhưng ông thường niệm Phật không dứt. Đến tháng 2 năm Đinh Mùi, ông đột ngột qua đời. Nhưng trải qua một đêm ông bỗng sống lại và kể rằng:

– Tôi đã xuống âm phủ, gặp Diêm vương. Diêm vương nói: “Ta bắt lầm ngươi. Thường ngày ngươi niệm Phật nhưng vốn không có lòng tin sâu sắc. Nay ta tha cho ngươi trở lại nhân gian, nhưng phải siêng năng niệm Phật hơn”.

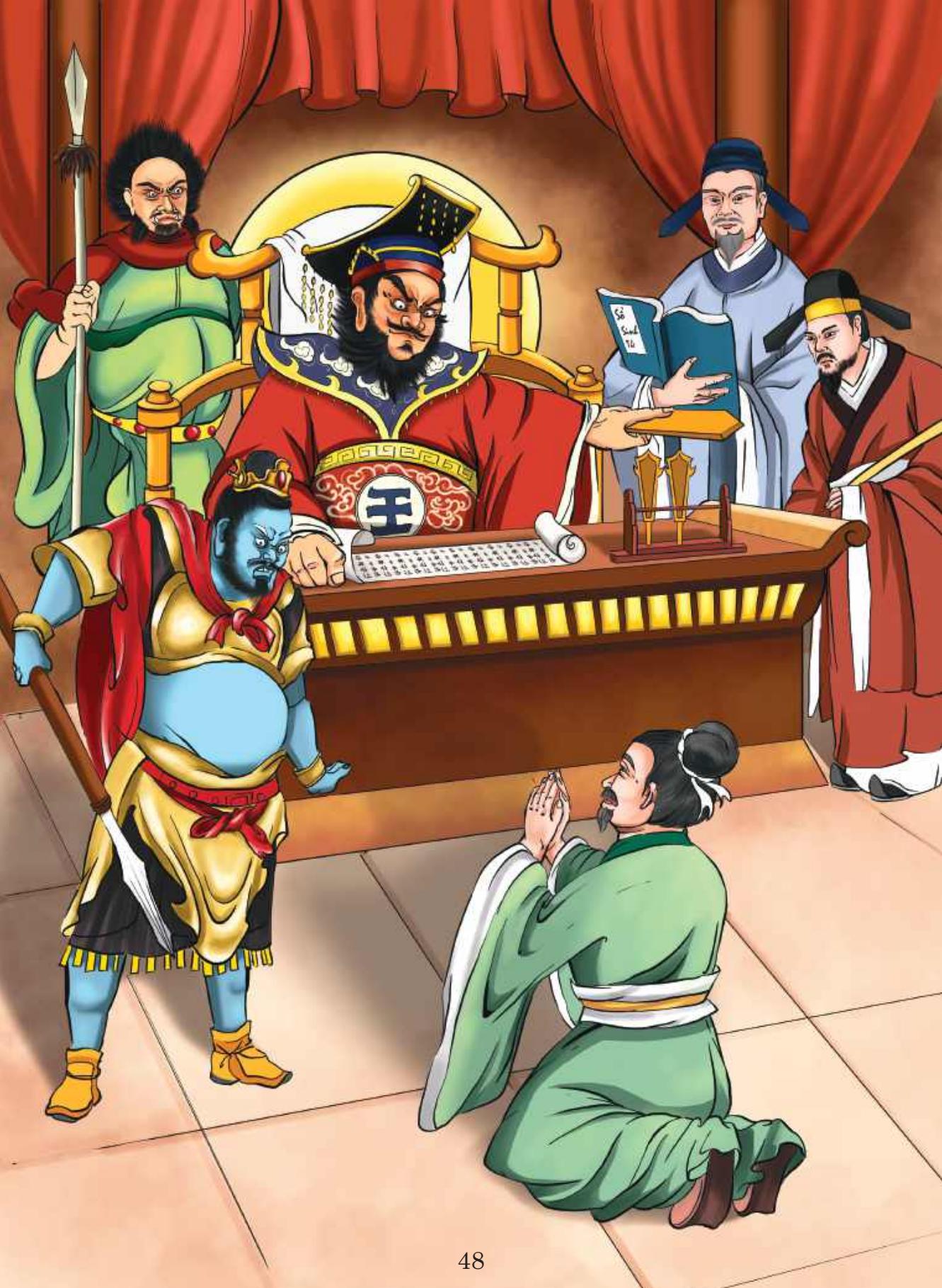
Nhiều người chứng kiến việc như vậy, họ cho rằng ông ta lọt lưới địa ngục. Sau đó, ông vào núi, trì trai, giữ giới và niệm Phật suốt bốn năm. Đến tháng 3 năm Đinh Hợi, khi chư Tăng đều có mặt, ông nói:

– Đến giờ tôi phải đi rồi. Các ngài trở vào thành nếu gặp người thân của tôi thì báo cho họ biết là Hùng Tuấn nhờ niệm Phật nên được vãng sanh Tịnh độ rồi, chớ cho rằng tôi là người lọt lưới địa ngục.

Nói rồi, ông ngồi ngay thẳng mà qua đời.

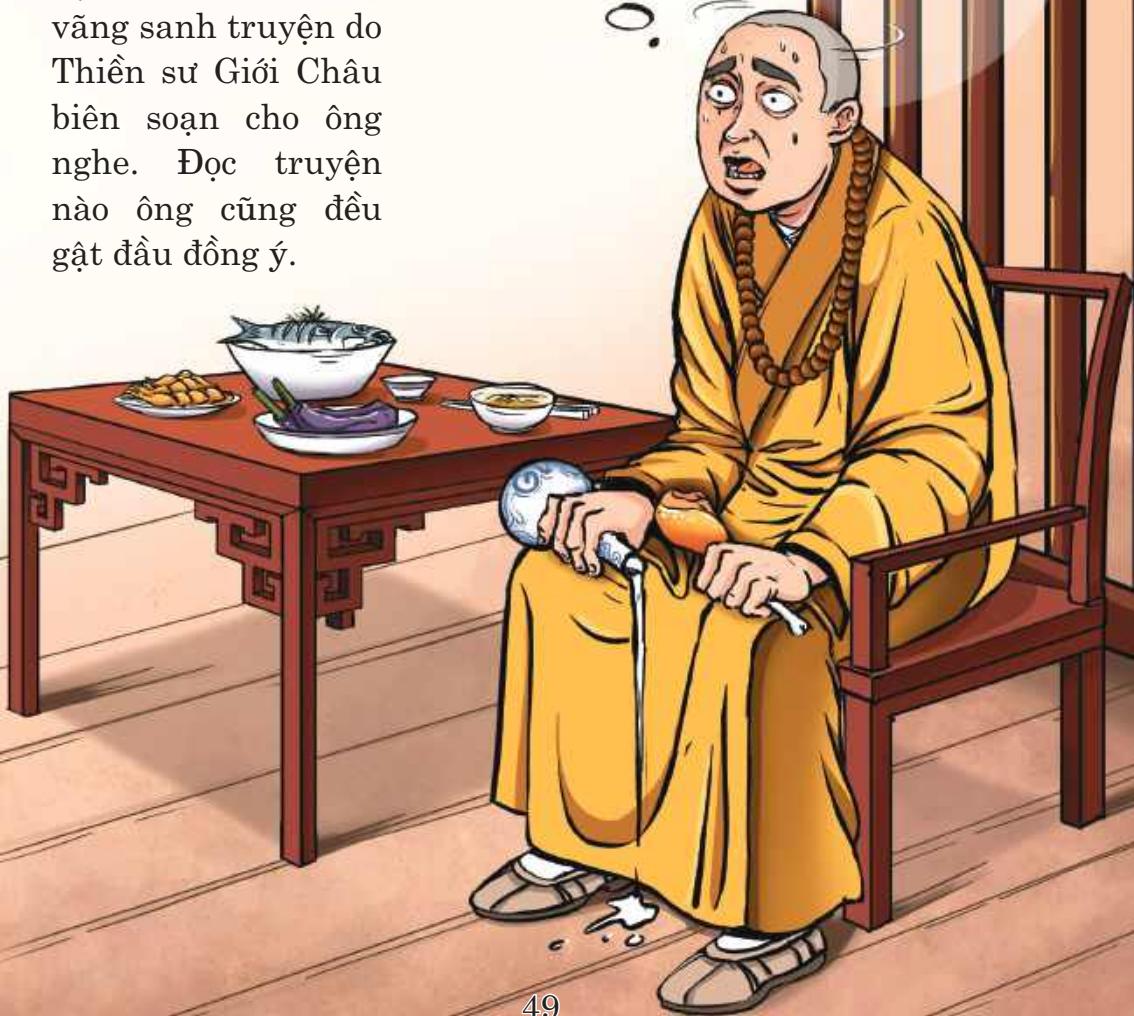
### Ghi chú:

*Đồ dơ và sạch không thể đựng chung trong một cái bát, thì làm sao có trường hợp người vừa làm ác vừa niệm Phật mà được vãng sanh! Ôi! Xét lại câu nói: “Có điều này để ta nương nhờ rồi”, trong ấy nói, niệm một tiếng danh hiệu Phật thì diệt được vô lượng tội. Bởi vì lòng tin đã ăn sâu vào xương tủy thì chỉ một niệm mà sức nặng đến vạn cân, cho nên đến khi làm chung chuyển nghiệp được vãng sanh. Như vậy, sao lại nghi ngờ?*



## 28. Oánh Kha

Vào đời Tống có người tên Oánh Kha, xuất gia học đạo ở Dao Sơn, Tráp Xuyên, nhưng lại tha hồ ăn uống rượu thịt. Bỗng một hôm, ông sực nhớ phạm hạnh của mình không vẹn toàn, sợ bị đọa lạc luân hồi sinh tử. Ông bảo những người ở chung đọc cuốn Tịnh độ vãng sanh truyện do Thiền sư Giới Châu biên soạn cho ông nghe. Đọc truyện nào ông cũng đều gật đầu đồng ý.





Sau đó, trong phòng của mình, ông đặt một cái ghế xoay về hướng tây rồi tuyệt thực và ngồi niệm Phật suốt ba ngày.

Một đêm, ông nằm mộng thấy Phật đến nói:

- Ông còn sống được mười năm nữa, phải nên siêng năng niệm Phật.

Oánh Kha thưa:

- Dù cho con sống thêm một trăm năm thì cũng sống trong cõi Diêm Phù nhơ uế này, mà ở cõi này dễ mất chánh mạng. Con chỉ nguyện sớm được sanh về An Dưỡng để hâu hạ các bậc Thánh.

Phật nói:

- Nếu chí nguyện của ông đã như vậy thì ba ngày sau Ta sẽ đến rước ông.

Kỳ hạn ba ngày đã đến, ông tập hợp mọi người tụng kinh A Di Đà và nói: “Phật và đại chúng đều đã đến”. Nói dứt lời, ông lặng lẽ qua đời.

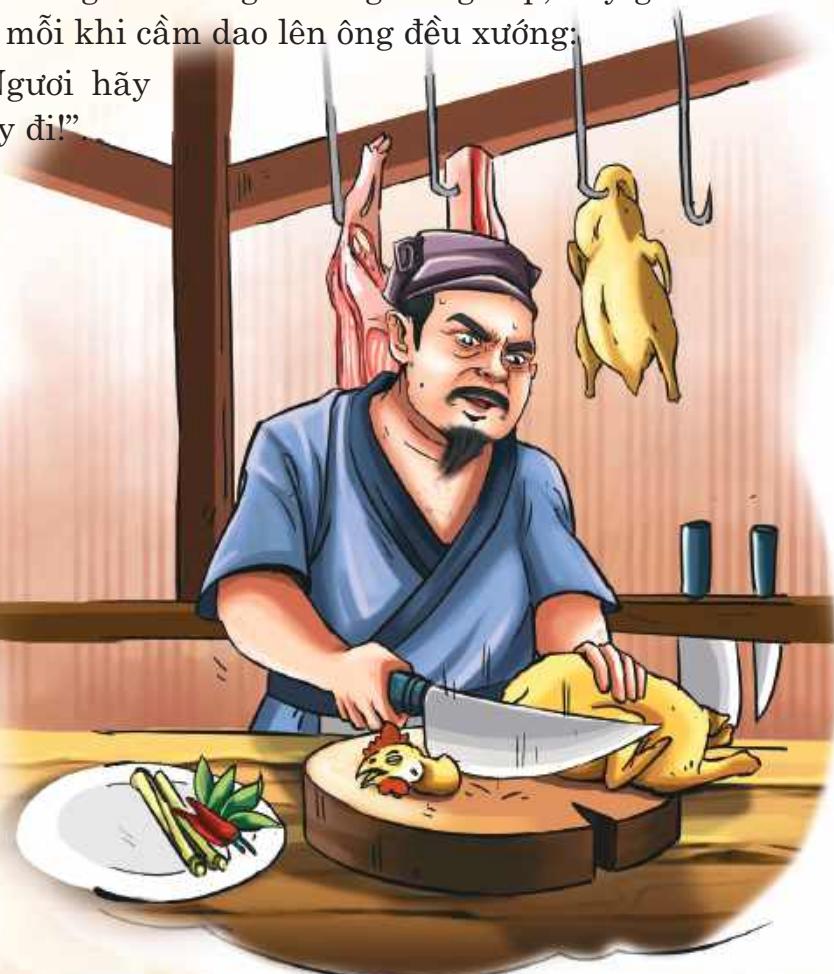
## 29. Ngô Quỳnh

Vào đời Tống có người tên Ngô Quỳnh, quê ở Lâm An. Ban đầu ông xuất gia làm tăng, nhưng sau đó lại hoàn tục. Ông kết hôn hai lần và sinh được hai người con. Ông làm nghề bán rượu thịt, không việc gì không làm. Ông thường đứng bếp, hay giết gà, vịt v.v..., nhưng mỗi khi cầm dao lên ông đều xướng:

“A Di Đà Phật! Người hãy thoát khỏi thân này đi!”

Ông vừa xưng niệm danh hiệu  
Phật vừa xuống dao.

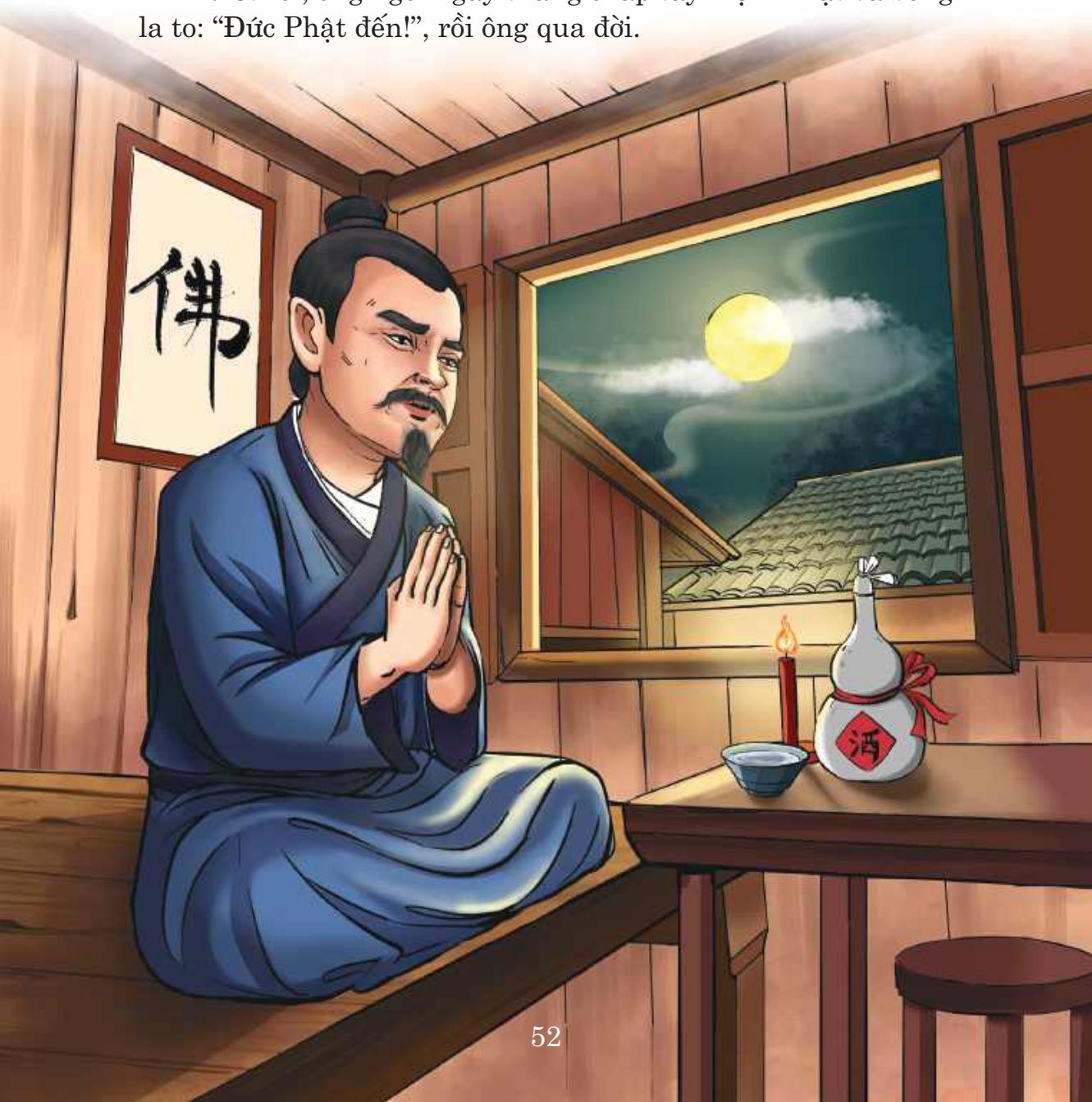
Mỗi khi cắt thịt, miệng ông luôn niệm Phật không dứt. Về sau, trên mắt ông nổi hai khối u như hai quả trứng gà và nó lớn rất nhanh, thật dễ sợ. Ông cắt một cái thảo am rồi ở cách ly với vợ con. Từ đó, ông lo niệm Phật, lễ sám không kể ngày đêm.



Đến niên hiệu Thiệu Hưng thứ 23 (1153), ông nói với mọi người rằng: “Ngày mai vào giờ Tuất tôi sẽ đi”. Nghe vậy, mọi người đều cười nhạo ông. Đến chiều tối, ông đem cái áo vải thô đổi lấy rượu uống. Uống xong, ông viết bài kệ:

Nhu rượu, đều không  
Hỏi gì Thiên tông  
Hôm nay, trân trọng!  
Gió mát trăng trong.

Viết rồi, ông ngồi ngay thẳng chấp tay niệm Phật và bỗng la to: “Đức Phật đến!”, rồi ông qua đời.



## VII. SÚC SANH VĂNG SANH

### 30. Chim két

Vào niên hiệu Trinh Nguyên đời Đường (785-?), có người họ Bùi ở Hà Đông nuôi một con chim két. Nó niệm Phật liên tục, quá giờ Ngọ thì không ăn. Lúc sắp chết, nó niệm Phật mười tiếng rồi tắt thở.

Sau khi đốt xác nó người ta nhặt được hơn mươi viên xá lợi, sáng chói mắt. Bấy giờ, có vị tăng tên Tuệ Quán dùng gạch nung xây tháp thờ xá lợi để tuyên dương sự kỳ lạ ấy. Quan đầu tỉnh Thành Đô tên Vi Cao làm bài kí sự, có câu: “Thấy rõ được cái tướng không ở nơi vô niệm, thì sau khi chết mới có thể để lại xá lợi”.



A  
Di  
Đà  
Phật

A  
Di  
Đà  
Phật



### 31. Chim sáo

Có người ở Đàm Châu nuôi một con chim sáo. Nó thường niệm Phật. Sau khi nó chết, ông ta dùng quan tài chôn cất đàng hoàng. Bỗng nhiên nơi chôn nó mọc lên một đóa hoa sen. Và chính ông ứng khẩu làm bài tụng khen ngợi:

Có con chim linh hiệu Bát Ca  
Nghe lời Tăng dạy niệm Di Đà  
Chết rồi chôn cất, hoa sen hiện  
Người chẳng hồi tâm, biết thế nào?

*Ghi chú:*

*Chim két, chim sáo được người dạy niệm Phật  
nên vãng sanh, ấy là chuyện bình thường thôi.  
Nhưng sao ngày nay chẳng nghe nói súc sanh được  
vãng sanh nữa?*

*Ôi! Ví như người đời đều nghe lời chỉ dạy về niệm  
Phật, nhưng có người chuyên tâm niệm Phật, có  
người niệm Phật hời hợt. Vì thế, người niệm Phật thì  
nhiều mà người được vãng sanh rất ít. Cũng vậy,  
trường hợp chim két, chim sáo kia được vãng sanh có  
gì không hợp lý?*



## Tổng luận

Có người cho rằng: “Con người khôn lanh, loài vật ngu xuẩn, vì sao chim là loại súc sanh mà được vãng sanh?”. Là vì họ không biết tất cả các loài hữu tình đều có tính giác của Phật, nhưng vì sự mê mờ có dày, có mỏng nên mới có sự phân biệt người và súc sanh. Chứ chẳng phải giữa khôn lanh và ngu xuẩn có sự chênh lệch nhau. Chẳng hạn như: “Chim trĩ nhờ nghe kinh Pháp Hoa mà sanh lại đời làm Tăng. Con trâu thấy được thân tướng đức Phật nên sau khi chết được sanh lên cõi trời”. Những chuyện này được ghi lại rõ ràng trong các truyện. Huống gì chúng sanh trong ba đường, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh đều có thể sanh về cõi nước của Đức Phật A Di Đà. Đây vốn là bốn nguyện của Tỳ kheo Pháp Tạng.

Nhưng khổ nỗi, con người thấy súc sanh được vãng sanh vẫn cứ điềm nhiên không thức tỉnh, đành lòng sống trong cảnh năm trước, giam hãm trong luân hồi. Một hơi thở ra không trở lại thì thay hình đổi dạng trong đường súc sanh, vậy mà không tự biết vì sao phải như thế?



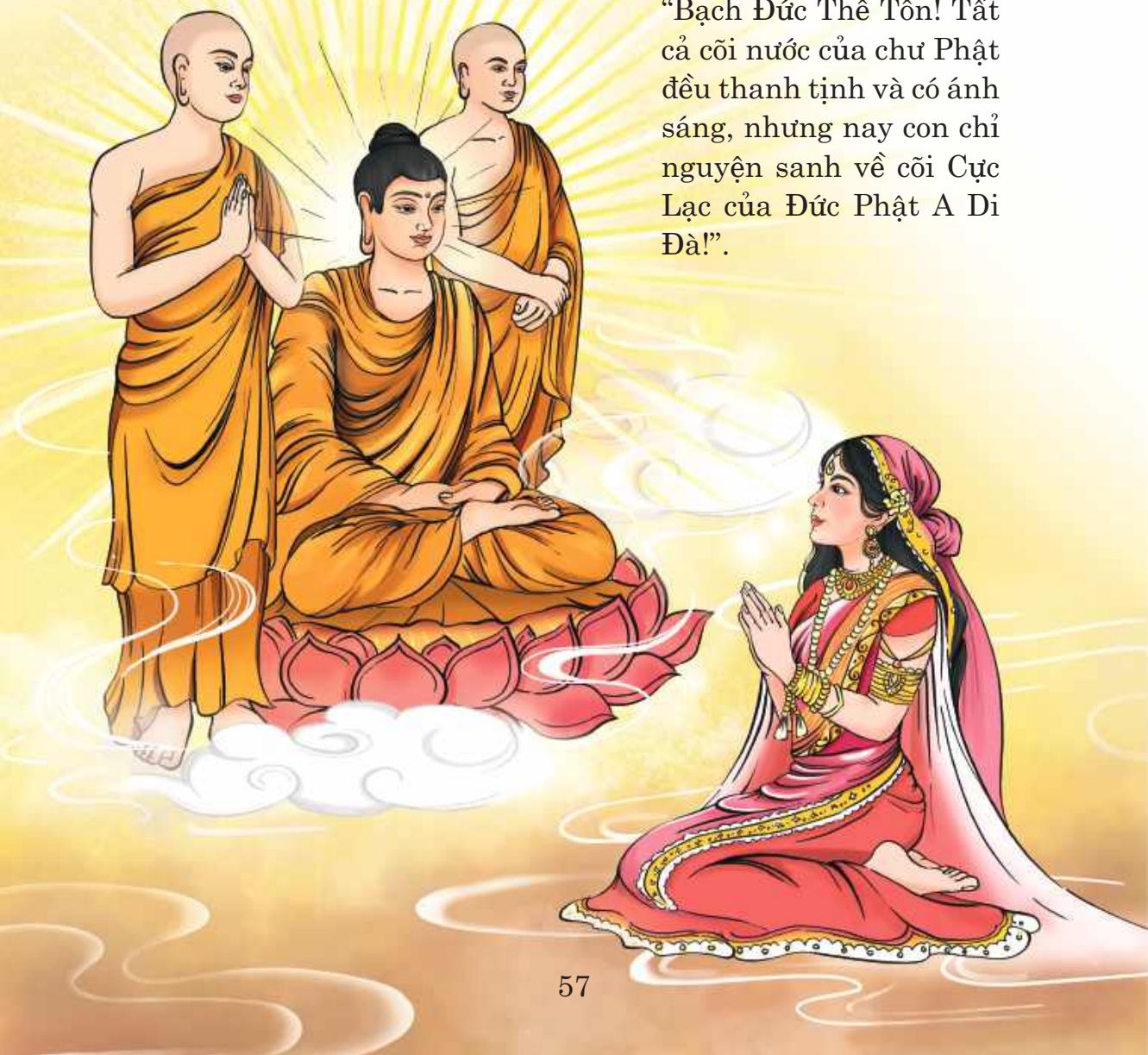
## VIII. CHƯ THÁNH ĐỒNG QUY

### 32. Lựa chọn sanh về Cực Lạc

Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật ghi:

Bấy giờ Vi Đề Hi rời lệ bạch Đức Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Xin Ngài nói cho con nghe nơi nào không có các điều lo lắng và khổ não để con nguyện sanh về nơi ấy; con không thích ở cõi Diêm Phù Đề xấu ác này nữa!”. Lúc ấy, Đức Thế Tôn phóng ánh sáng giữa chặng mày chiếu soi khắp thế giới mười phương, các cõi nước của chư Phật đều hiện ra trong đó.

Vi Đề Hi xem xong, hướng về Đức Phật bạch: “Bạch Đức Thế Tôn! Tất cả cõi nước của chư Phật đều thanh tịnh và có ánh sáng, nhưng nay con chỉ nguyện sanh về cõi Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà!”.



### 33. Thầy Phật A Di Đà

Kinh Quán Phật tam muội ghi:

Sau khi được Đức Phật thọ ký cho vãng sanh về cõi Cực Lạc, Bồ Tát Văn Thủ phát nguyện và nói kệ rằng:

Con nguyện lúc mạng chung  
Diệt trừ các chướng ngại  
Thấy được Phật Di Đà  
Vãng sanh cõi Cực Lạc.  
Sanh về nước kia rồi,  
Con đầy đủ đại nguyện,  
A Di Đà Như Lai  
Hiện tiền thọ ký con.



### 34. Tu mười nguyện cầu vãng sanh

Kinh Hoa Nghiêm ghi: Bồ Tát Phổ Hiền đưa ra mươi đại nguyện ban trải rộng khắp để chúng sanh tu tập cầu sanh Tịnh độ. Ngài nói kệ:

Cầu nguyện lúc con sắp mạng chung  
Diệt trừ tất cả các nghiệp chướng  
Nhìn thấy Đức Phật A Di Đà  
Liên được vãng sanh cõi Cực Lạc.

Ngài lại nói:

Chúng hội Phật kia đều thanh tịnh  
Lúc con sanh vào trong hoa sen  
Liên thấy Như Lai Vô Lượng Quang  
Hiện tiền thọ ký con thành Phật.

*Ghi chú: Bồ Tát Văn  
Thù là thầy của bảy Đức  
Phật. Mười hạnh nguyện  
Phổ Hiền là nơi muôn  
hạnh hướng về mà cầu  
vãng sanh Tịnh độ.*

*Nhưng hai  
Ngài đều ân  
cần nhắc nhở.  
Người phụ tá  
Đức Phật  
Thích Ca ở Ta  
Bà cũng tức là  
người hầu cận  
đức A Di Đà ở  
cõi An Dưỡng.  
Việc ấy rất rõ  
ràng. Nếu ai  
khinh thường  
Tịnh độ mà  
không nguyện  
vãng sanh thì  
rất sai lầm  
vậy!*



## IX. SINH TÔN CẨM ỦNG

### 35. Quỷ không hiện

Trần Xí sống vào  
đời Tống, quê ở Long  
Thư, từng giết người.  
Về sau, thấy quỷ hiện  
ra, ông rất sợ hãi, liền  
niệm Phật A Di Đà thì  
quỷ không đến gần  
được. Nhân đó, ông  
niệm Phật mãi không  
ngớt nên quỷ chẳng  
còn hiện ra nữa.



*Ghi chú: thiếu nợ mạng với quỷ, tại sao niệm Phật mà đuổi  
được quỷ đi? Bởi vì công đức oai thần của Đức Phật A Di Đà  
không thể nghĩ bàn. Niệm một câu danh hiệu Phật thì quỷ  
được siêu thoát, cho nên không hiện ra nữa. Những cẩm chú  
tâm thường sao có thể đuổi được quỷ!*

### 36. Siêu độ vong linh

Trương Kế Tổ sống vào đời Tống, quê ở Trấn Giang, một lòng tin sâu về Tây phương Tịnh độ. Lúc mẹ qua đời, ông thường niệm Phật để siêu độ vong linh. Một hôm, ông nằm mộng thấy mẹ trở về nói cảm ơn: “Nhờ con niệm Phật mà mẹ được sanh về đường lành!”.



### 37. Ngủ nghỉ được an ổn

Lưu Trọng Tuệ sống vào đời Tống, quê ở Trường Hưng, Hồ Châu. Ông bị bệnh, ban đêm ngủ thường thấy ác mộng. Có người chỉ cho ông niệm Phật, ông nghe theo, chí thành niệm Phật lớn tiếng 108 câu, rồi mới ngủ, suốt đêm ấy tinh thần được an ổn. Từ đó, ông niệm Phật mãi không ngớt.



Ghi chú: người xưa dù việc ngủ mê như là chết phân nửa, lời nói này thật là hay. Bởi vì điên đảo, mộng mị tựa như sự mê muội của sanh tử thì làm sao giấc ngủ an ổn được. Lúc sắp mạng chung, nếu mong được một chút tự do thì phải vâng theo lời Đại sư Thiện Đạo dạy mọi người trước khi睡 phải niệm Phật!

### 38. Tù nhân thoát nạn

Vào mùa đông niên hiệu Chí Chính thứ 15 (1355), đời Nguyên, Trương Sĩ Thành đem quân tấn công Hồ Châu giao chiến với Thừa tướng Giang Chiết, bắt được bốn mươi người, giam cầm giải về giao cho quan phủ. Trên đường đi, họ được nghỉ qua đêm tại chùa Điều Khòa ở Tây Hồ.

Đêm đó, tình cờ họ thấy Thiền sư Đại Du Mưu tản bộ dưới hành lang chùa. Trông thấy Sư tinh thần ung dung, nhàn nhã trì tụng suốt đêm, họ nói:

- Xin Trưởng lão cứu chúng tôi!

Sư nói:

- Tôi không thể cứu các người. Chỉ cần các người chí thành niệm “Nam mô Cứu Khổ Cứu Nạn A Di Đà Phật” thì mới được cứu được các người.

Trong đó, có ba người tin và làm theo lời Sư chỉ dạy, miệng niệm Phật không ngớt. Sáng hôm sau, trước khi áp giải tù nhân đi, sai dịch kiểm tra lại gông và xiềng, khi kiểm tra đến ba người kia thì phát hiện họ không có mang gông, đeo xiềng mà chỉ bị trói bằng dây. Sau đó, hỏi ra mới biết họ là dân lành bị bắt làm tù binh. Cuối cùng cả ba người đều được tha vể.



*Ghi chú:*

*Trong phẩm Phổ Môn ghi:*

*Hoặc giam giữ, xiềng xích,  
 Tay chân bị gông cùm,  
 Do sức niệm Quán Âm,  
 Tháo ra được giải thoát.*

*Từ xưa đến nay mọi người thường tin như vậy.*

*Vì thế, nói niệm Phật cũng được thoát nạn thì có người còn chưa tin, bởi người này quen theo thói thường. Hơn nữa, oai lực của Phật lại vượt trội hơn Bồ Tát không biết bao nhiêu lần mà họ không biết. Nếu tay chân bị chặt mà niệm Thích Ca Như Lai thì tay chân tự mọc lại! Tay chân còn mọc ra lại thì gông cùm, xiềng xích có nghĩa gì! Nhưng vì người tin điều đó quá ít, cho nên tôi ghi việc này ra đây.*



## Tổng luận

Đại sư Châu Hoằng nói: “Mọi người biết pháp môn Niệm Phật chỉ có lợi ích khi chết mà không biết nó có lợi ích lúc còn sống. Vì thế, nghe nói trì chú được linh nghiệm thì họ chuyển sang trì chú, nghe nói giảng thuyết được trí tuệ, hùng biện liền quay qua giảng thuyết, nghe nói xây dựng chùa tháp được phước báo, nghe nói thiết trai cúng dường thì kết duyên với nhiều người, cho đến nghe nói chăm sóc, nuôi dưỡng người thì được sống lâu v.v..., nghe nhiều việc khác nữa, nhưng họ chưa từng nếm giữ danh hiệu Phật, thì đâu thể nào nhất tâm bất loạn để mong thành tựu Tịnh nghiệp”.

Do đó, tôi biên soạn bộ Vãng sanh tập này, nhằm để ngăn chặn sự hướng ngoại của người hiện thời. Thật ra, việc cầu sanh Tịnh độ vốn là vì thành Phật độ chúng sanh, chứ chẳng phải cầu sự an lạc cho thân sau. Như vậy, có nên cầu sự lợi lạc cho thân trước hay không?”.



## X. PHỤ LỤC: TRUYỆN VĂNG SANH Ở VIỆT NAM

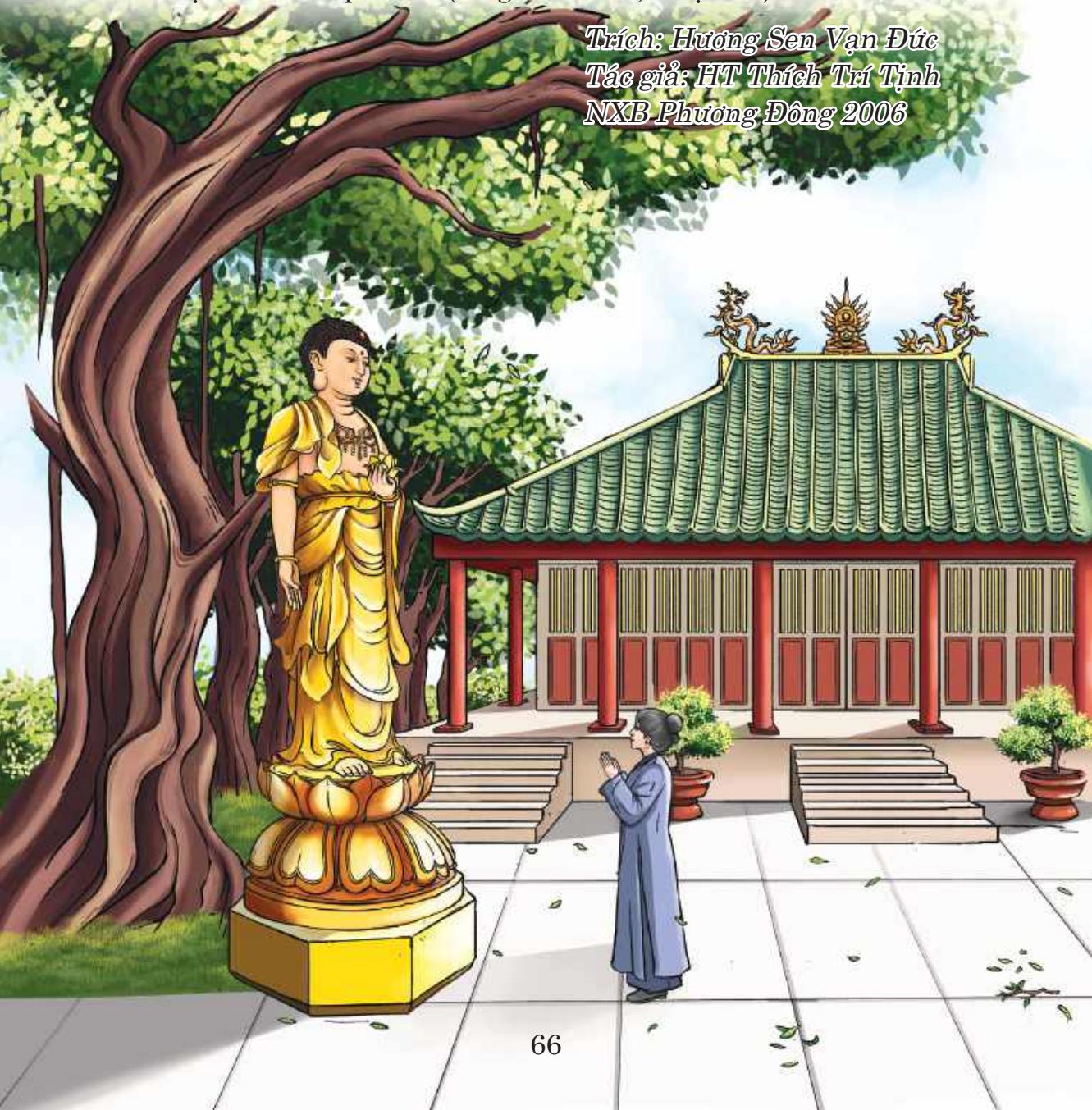
### 39. Y nguyện vãng sanh

Bà Trần Thị Lai, người ở làng Tân Kim, hạt Chợ Lớn.

Năm 45 tuổi, phát tâm tu hành. Có lời nguyện rằng: “Con quyết chí tu hành, xin Phật cho con được vãng sanh vào ngày vía đức Phật A Di Đà (17 tháng 11)”.

Quả nhiên đến ngày 17 năm Đinh Hợi (DL. 1947), bà niệm Phật mà từ trần. Con cháu của bà đều xuất gia, hiện nay đang tu tại chùa Pháp Tánh (làng Tân Kim, Chợ Lớn).

Trích: Hương Sen Vạn Đức  
Tác giả: HT Thích Trí Tịnh  
NXB Phương Đông 2006

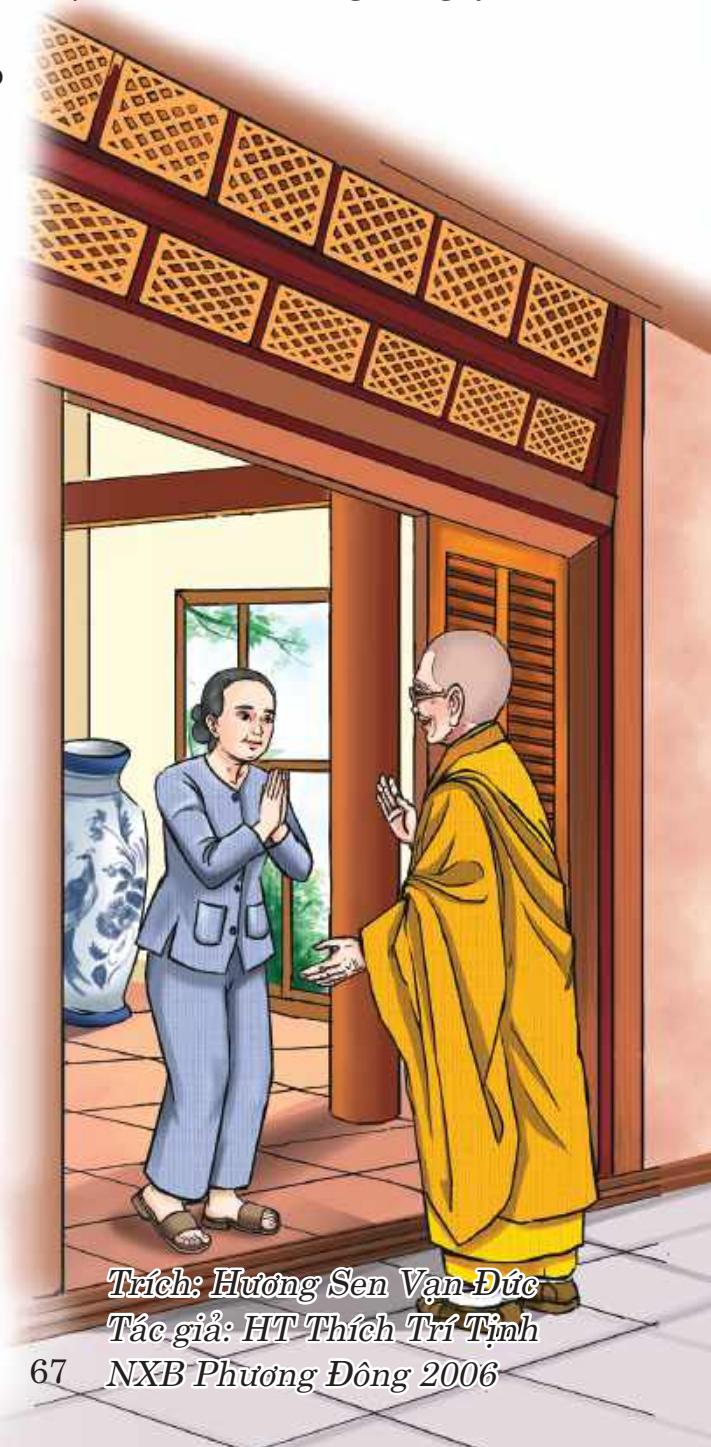


## 40. Nán lại một ngày

Bà Nguyễn Thị Danh, pháp danh Đạt Nhiên, người làng Thanh Hà, hạt Chợ Lớn. Gần 60 tuổi mới phát tâm cầu đạo. Thọ pháp với Sư cụ chùa Tôn Thạnh, chuyên tâm tu Tịnh nghiệp. Đến năm Ất Dậu (DL. 1945), năm 68 tuổi, bà nhuốm bệnh, biết trước giờ vãng sanh. Ngày 07 tháng 04, bà sai người đến chùa Tôn Thạnh thỉnh Sư cụ Liễu Thoàn rằng : “Ngày 08 tháng 04 này, bà theo Phật, xin thỉnh Sư cụ đến ngày đó xuống nhà để bà từ tạ”.

Nhưng vì ngày 08 tháng 04 là ngày lễ Đản sanh của đức Thích Ca, Sư cụ mắc ở chùa hành lễ, nên thành ra sáng mùng 09 Sư cụ mới xuống đến. Thấy Sư cụ bà mừng rõ mà bạch rằng: “Từ hôm qua đến nay tôi trông Thầy lắm. Trước khi về Phật, tôi muốn gặp Thầy để tạ từ. Đáng lẽ tôi đã đi từ trưa hôm qua, song vì chờ Thầy nên tôi phải nán lại đến hôm nay. Bây giờ tôi sắp đi xin Thầy hộ cho một biến kinh!”

Sư cụ cùng vài người đệ tử lên trước bàn Phật tụng kinh A Di Đà, vừa xong quyển, thời bà ngồi chắp tay niệm Phật mà quy Tây. Bà có hai người con trai đều xuất gia, hiện đang coi chùa Linh Phong tại làng Tân Hiệp tỉnh Mỹ Tho.



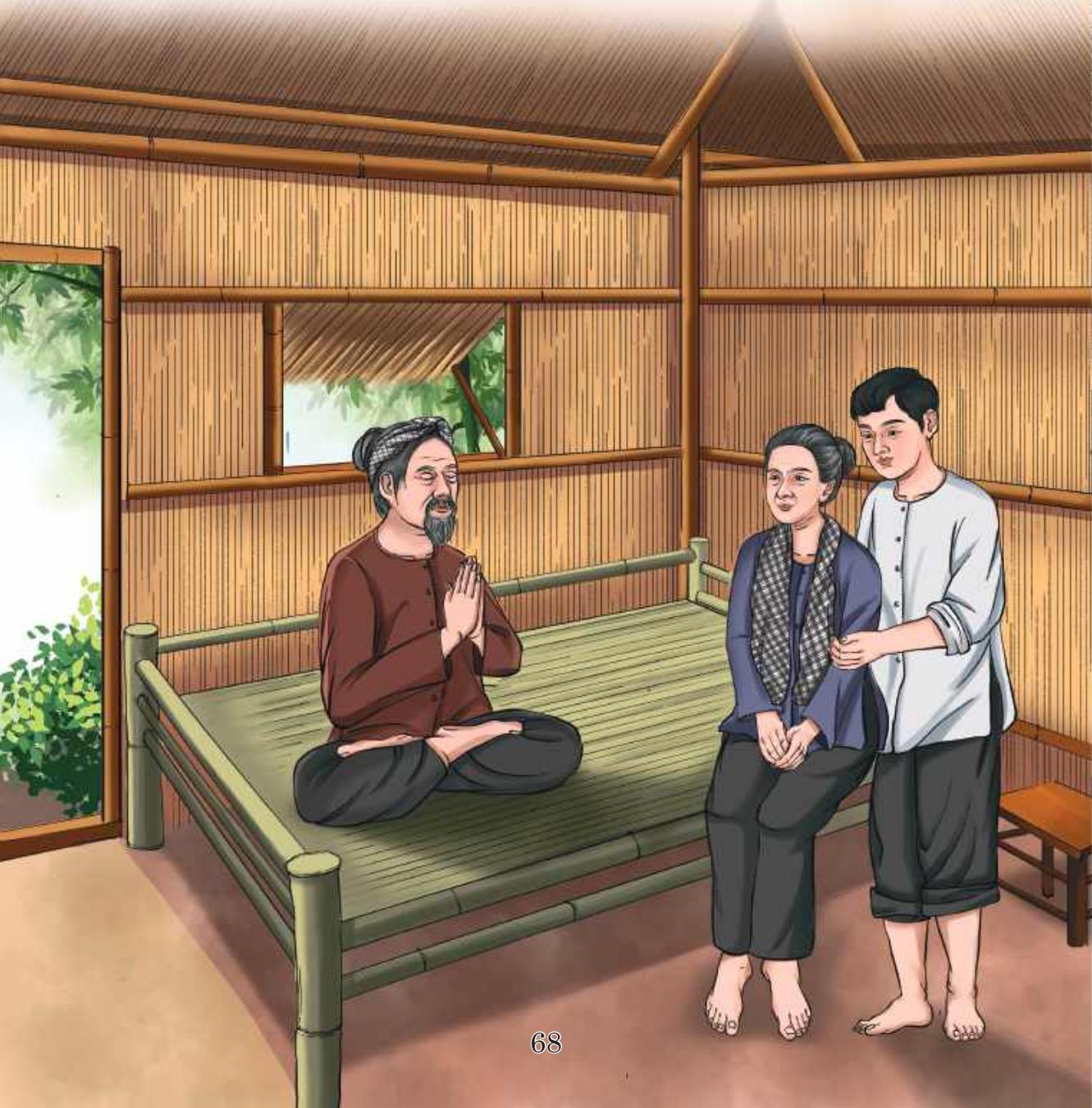
Trích: Hương Sen Vạn Đức

Tác giả: HT Thích Trí Tịnh

## 41. Biết trước ngày giờ vãng sanh

Ông Hồ Văn Định, người làng Long An, Chợ Lớn. Năm 42 tuổi, phát tâm mộ đạo, chuyên ròng niệm Phật tụng kinh. Đến năm Mậu Tý (DL. 1948) ngày mùng 03 tháng 09, ông nói trước với vợ con ông rằng: “Đến giờ Thân, thời tôi về Phật!”. Thật đến giờ Thân ông chắp tay niệm Phật mà vãng sanh.

Trích: Hương Sen Vạn Đức  
Tác giả: HT Thích Trí Tịnh  
NXB Phương Đông 2006



## 42. Bà Lý Thị Cúc

Sinh quán tại Bình Tây, Chợ Lớn. Năm 18 tuổi, bà phối duyên cùng ông Trần Thu Cơ, sanh được hai người con trai. Vợ chồng ly dị. Không bao lâu hai người con trai chết, bà vẫn thủ tiết lo buôn bán tự nuôi sống, phát tâm quy y Tam Bảo với pháp danh Diệu Thu. Rồi lúc ở Huế, lúc ở Chợ Lớn, khi ở Bạc Liêu... Cuối cùng do chiến tranh, năm 1946, bà về Chợ Lớn thuê một ngôi nhà nhỏ gần đình Minh Phụng (đường Chợ Lớn, Phú Lâm) rồi ở đó một mình cho đến ngày rời bỏ cõi trần.

Trải bao phen đau khổ vì gia đình cũng như nỗi tai biến, bà giác ngộ cõi đời là biển khổ, đường đạo là chốn lành. Đạo tâm của bà mỗi ngày thêm mạnh, thêm lớn.

Đi chùa lễ Phật cùng cổ xương những việc cúng dường Tam Bảo là việc làm hằng ngày của bà. Bà thích may phan cúng Phật. Lúc không đủ tiền, bà xin hàng vải của các bà thân hữu, rồi ra công may. Cặp phan dâng vào chùa Hải Ẩn trước ngày bà mất hơn một tuần, là cặp phan sau rốt chính tay bà may.

Mùa đông năm 1955, bà tham gia đoàn thể Cực Lạc Liên Hữu ở đạo tràng Vạn Đức, cùng thỉnh số Niệm Phật Công Cứ. Từ đó trở đi, bà cần mẫn niệm Phật A Di Đà, tha thiết cầu sanh Cực Lạc thế giới.

Người ta thuật lại, có lúc bà lỄ Phật, kêu cầu đức Từ phụ A Di Đà thương xót tiếp độ cho bà đến nước mắt ràn rụa, tiếng thởn thức từng hồi trong cổ. Tình cảnh không khác đứa con thơ đang bị nạn mà kêu cầu cha mẹ cứu giúp.

Hạ tuần tháng 11 âm lịch năm Bính Thân (1956), sau khi vãng cảnh Long Hải nước ngọt về bà nhuốm bệnh. Vì thấy bà ở có một mình, ngày 23 cô Chín, cháu bà rước bà về dường bệnh tại nhà cô gần chợ Phú Lâm. Trong những ngày nằm bệnh, từ những đồ vật mượn gởi cùng những của riêng, bà dặn dò giao trả cũng như phân chia, tất cả đều rành rẽ. Và cũng trong những ngày ấy, bà niệm Phật rất chuyên cần.

Chiều ngày 30, cô Hoàng Anh, cháu bà đến thăm, bà nói: “10 giờ sáng mai dì sẽ về Minh Phụng, không còn ở Phú Lâm đâu”. Đến tối mặc dù bệnh thêm nặng, nhưng bà vẫn niệm Phật không ngớt và có vẻ thiết tha hơn lúc thường.



Sáng sớm ngày mùng 01 tháng Chạp sau khi bà ăn xong một chén cháo, thấy tay chân bà lạnh, mấy người đưa bà về nhà riêng của bà ở gần đình Minh Phụng.

Được tin, cô hai Diệu Nghiêm lại nhà thay y phục cho bà. Tiếp đến, cô tám Diệu Cúc, cô Diệu Hiếu, cô Diệu Lộc đồng đến niệm Phật trợ duyên cho bà. Bấy giờ, bà nằm ngay thẳng yên lặng để nghe niệm Phật.

Một lát sau, Thầy trụ trì Phước Cần đi tới với hai học Tăng đến khai kinh A Di Đà. Khi tụng đến đoạn: “TÙNG THỊ TÂY PHƯƠNG QUÁ THẬP VẠN ỨC PHẬT ĐỘ, HỮU THẾ GIỚI DANH VIẾT CỰC LẠC...” thời bà hơi động hai vai rồi tắt thở một cách rất êm ái, thân vẫn nằm yên như ngủ. Lúc bấy giờ là 10 giờ sáng. Mọi người vẫn tiếp tục niệm Phật.

Sau khi mất, sắc diện của bà tươi tắn khác thường, nét mặt vui vẻ như cười. 02 giờ chiều hôm ấy, bà hội đồng Thánh từ Vũng Tàu về, rồi cùng với cô hai Diệu Nghiêm y theo lời trong kinh luận mà khám hơi nóng trong thi hài, thời cả mình đều lạnh, chỉ đỉnh đầu là còn nóng. 04 giờ, cô hai Diệu Nghiêm thấy tóc bà hơi rối, nên lấy lược gỡ, thoát trong tóc có mùi thơm, cô gọi các bà đến khoe sự ấy.

Giờ Ngọ ngày mùng 02, làm lễ nhập mạch, cách giờ bà mất đã 26 tiếng đồng hồ, mà nét mặt bà vẫn tươi vui, da mặt trắng như dồi phấn, có phần nở nang xinh đẹp hơn lúc còn sống, toàn thân không có chút mùi hôi, gối chiếu vẫn khô ráo không âm ỉ. Người đến dự lễ ai cũng khen là rất ít có. Cho đến những người từ trước rất sợ thây người chết, mà cũng muốn nhìn gương mặt của thi hài bà.

Sau khi kiểm lại đồ vật riêng của bà, thời thấy cuốn sổ Niệm Phật Công Cứ đã chấm đầy 5 trương (mỗi trương 378.000 câu hiệu Phật). Bà thọ được 73 tuổi.

Trích: Hương Sen Vạn Đức  
Tác giả: HT Thích Trí Tịnh  
NXB Phương Đông 2006

### **43. Sư Giác Khang niệm Phật vãng sanh và lưu xá lợi nhiệm mầu**

Hòa thượng Giác Khang thế danh Tô Văn Vinh sinh năm 1941 tại tỉnh Bạc Liêu. Hòa thượng là con thứ 8 trong gia đình. Thân sinh là cụ ông Tô Khanh và thân mẫu là cụ bà Trần Thị Vén. Hòa thượng tốt nghiệp Tú tài và học Cao đẳng Sư phạm, khi ra trường đi dạy học ở Cái Côn - Cần Thơ.

Trong thời gian đi dạy học, Hòa thượng có nghiên cứu các tôn giáo, trong đó có Phật giáo. Cảm nhận lời Phật dạy qua câu “*Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành*”, Hòa thượng ngộ được lý bình đẳng của đạo Phật. Từ đó, Sư thầy tiếp tục nghiên cứu sâu về giáo lý Phật giáo và đến tham vấn nhiều chư Tăng về sự xuất gia cũng như giáo lý Phật Đà. Hòa thượng cảm nhận được lòng từ bi của chư Phật qua giáo lý ăn chay và sau đó Ngài phát tâm trường chay.

Thẩm nhuần lời Phật dạy và lợi ích của sự xuất gia giải thoát, đầu năm 1966, Sư Thích Giác Khang phát nguyện xuất gia tu học nương theo Bổn Sư là Đức Tri Sư Giác Như tại tịnh xá Ngọc Vân tại tỉnh Trà Vinh. Cùng năm đó, Hòa thượng tho giới Sa di tại Tịnh xá Ngọc Vân - Trà Vinh...

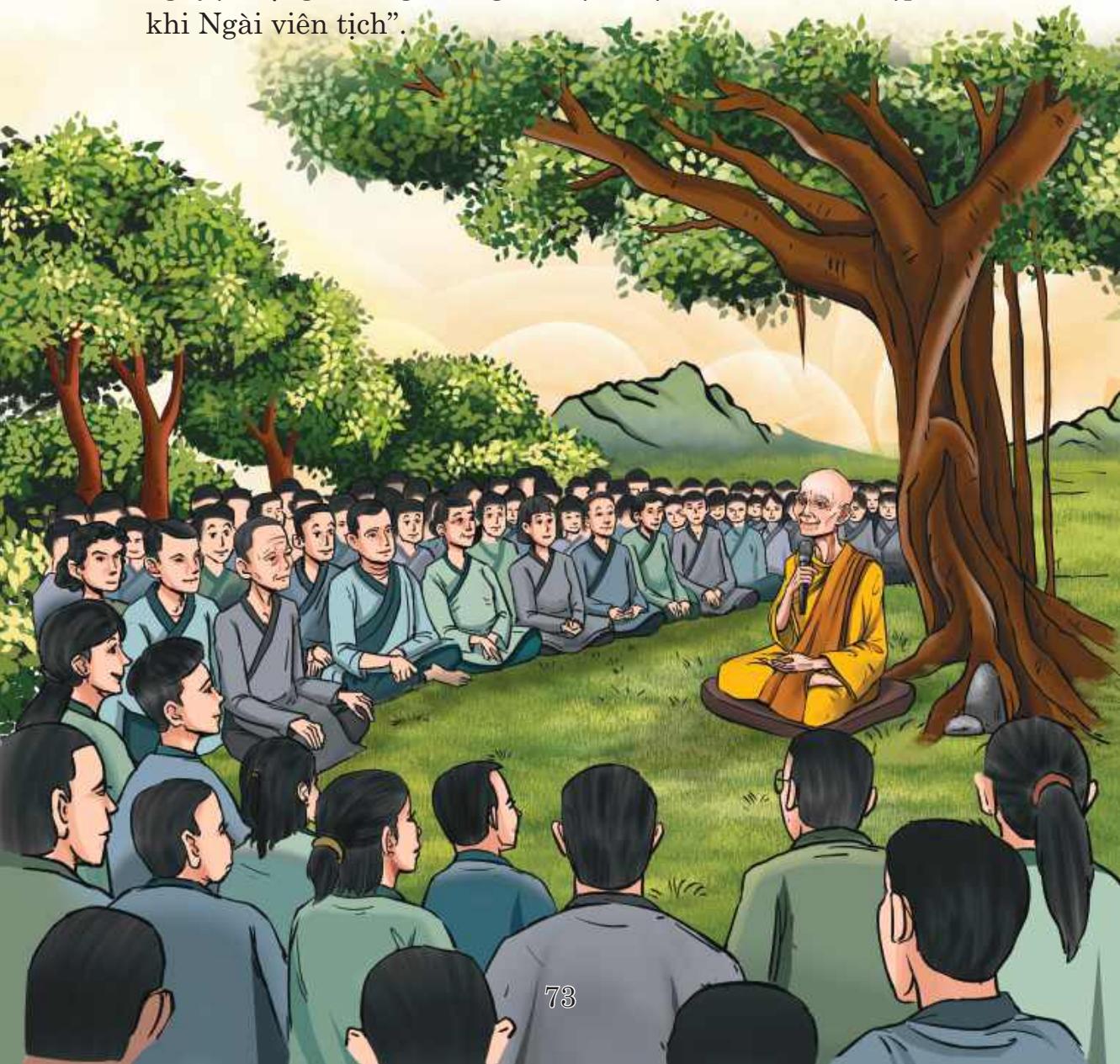
Sau thời gian giảng dạy, Hòa thượng Thích Giác Khang lâm trọng bệnh. Sau những ngày mê man, khi tỉnh dậy Ngài suy nghĩ trong thời buổi này tu pháp môn Thiền tông khó mà đắc Thánh quả. Chính vì vậy, Hòa thượng nghĩ rằng pháp môn Tịnh độ nếu hành đúng sẽ được vãng sanh về thế giới Cực Lạc thì một đời sẽ thành Phật. Lúc đó, Ngài nhờ Phật tử thỉnh quyển kinh A Di Đà của Trí Húc Đại sư. Ngài đọc được câu thơ “*có Thiền, có Tịnh như cọp mọc thêm sừng*” của Đại sư Vĩnh Minh và từ đó quyết định “Thiền Tịnh song tu”.

Hòa thượng Thích Giác Khang bắt đầu nghiên cứu các kinh sách về Tịnh độ tông như pháp môn Tịnh độ của Hòa Thượng Thích Trí Thủ, Niệm Phật Thập Yếu của Ngài Thiền Tâm, Lá Thư Tịnh Độ của Ấn Quang Đại sư...

Sau đó, Sư thầy giảng dạy Thiền tông phối hợp với Tịnh độ tông cho Phật tử. Trong các bài giảng dạy, Ngài đặt ra 6 câu hỏi về pháp môn Tịnh độ, Phật tử từng bước trả lời các câu hỏi đó.

Nhưng sau này, khi nhiều chùa thỉnh Ngài giảng trong các ngày Phật thất, Ngài đã thêm một câu hỏi nữa, đến nay là 7 câu hỏi về pháp môn Tịnh độ...

Năm 2013, tiết tháng 3 nắng nóng, Ngài định đi tịnh tu ở Đà Lạt, nhưng có những Phật tử thỉnh Ngài đi chiêm bái Thánh tích của Đức Phật tại Ấn Độ. Khi trở về, Ngài lâm trọng bệnh. Trong 5 ngày cuối, thân bệnh của Ngài diễn biến từng bước y như Ngài thường giảng pháp qua 3 thân đưa đến cảm giác, tư tưởng như thế nào. Ngài có cho mời Hòa thượng Giác Giới là Trị sự của Khất sĩ giáo đoàn 1 đến để Ngài trình bày rõ nguyện vọng của Ngài là “giao trụ trì lại cho Sư Minh Hiệp sau khi Ngài viên tịch”.



Trong thời gian này, các chư thiên mời Ngài giảng pháp. Lúc Ngài mở mắt ra, chư Phật tử chăm sóc Ngài hỏi: “Hồi nãy Sư nói gì mà chúng con nghe Sư giảng bài kinh Sáu Sáu rất rõ”.

Ngài nói: “Đang giảng kinh ở cõi Sắc”. Thì Phật tử đòi đi theo Ngài nghe giảng pháp ở cõi trời Sắc giới. Ngài nói: “Mấy ông làm sao nhập định được mà đòi đi theo”. Tối ngày 29 và qua ngày 30/3 âm lịch, Ngài đi vào cõi mông lung, do đó các máy không đo được mạch và áp huyết của Ngài, nhưng mà Ngài rất là tinh táo.

Sáng ngày 30/3, bác sĩ Tùng đến chăm sóc Ngài rồi lê Ngài và nói: “Bây giờ tùy Sư, Sư muốn chết thì chết, Sư muốn sống thì sống, chư mạch và áp huyết như thế này thì người thường đã chết từ lâu rồi”. Ngài cười nói: “Cám ơn bác sĩ, làm phiền bác sĩ quá, không sao đâu”. Gần đến 3 giờ chiều, Ngài dặn dò quý Tăng và chư Phật tử đôi điều rồi, và căn dặn tổ chức tang sự cho Ngài phải thật giản đơn để không hoang phí tiền bạc của chư Phật tử.

Ngài viên tịch lúc 3 giờ 30 phút chiều ngày 30/3/2013. Ngài viên tịch đã để lại nhiều ấn chứng như bắt đầu châm ngọn lửa hỏa táng, hào quang rực rỡ tỏa sáng bao quanh kim quan, tỏa sáng trên tháp hỏa và hào quang tỏa sáng cả bầu trời, ngoài ra còn để lại vô số xá lợi đủ màu sắc. Ngài quá từ bi, cuối cùng, Ngài còn sách tấn Phật tử niệm Phật A Di Đà và phát nguyện sẽ chắc chắn được vãng sanh về thế giới Cực Lạc.

Hòa thượng Giác Khang là một bậc tôn túc, chân sư đạo hạnh trong Hệ phái Khất sĩ. Ngài đem cả cuộc đời phụng sự và hiến dâng cho đạo pháp. Đời Ngài là một tấm gương sáng, mẫu mực về hạnh tiết thực, xả ly, vô trụ và hướng đến đời sống đạo hạnh.



Nguồn sưu tầm:  
[phatgiao.org.vn](http://phatgiao.org.vn)  
[phapamsukhang.com](http://phapamsukhang.com)

## **44. Hòa thượng Thích Thiền Tâm**

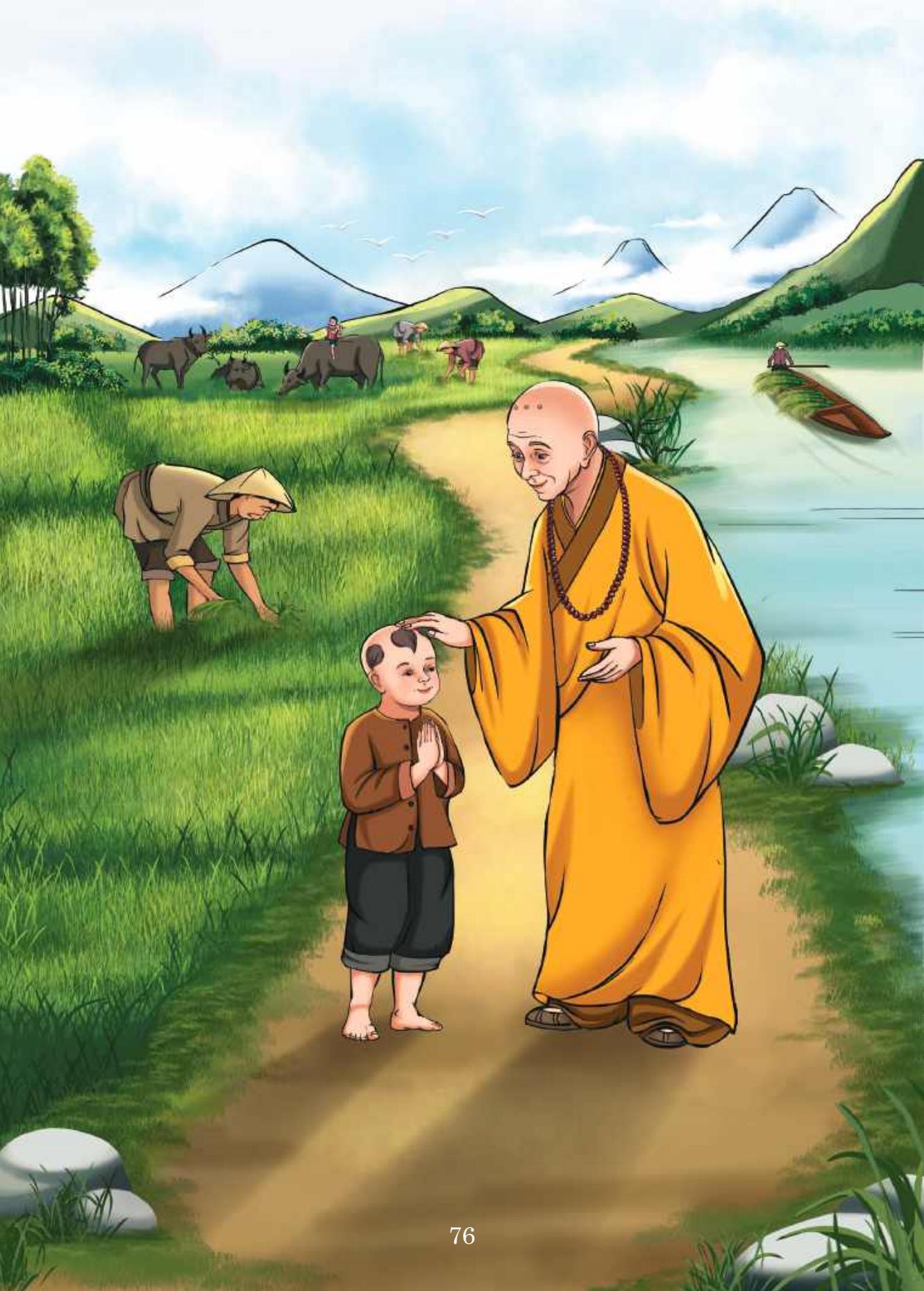
Thượng Nhân pháp danh Trí Hiền, pháp tự Thiền Tâm, biệt hiệu Vô Nhất, bút hiệu Liên Du, thế danh là Nguyễn Nhựt Thăng, sanh năm Ất Sửu (1926) tại làng Bình Xuân, quận Hòa Đồng, tỉnh Gò Công. Là con thứ mười của cụ Nguyễn Văn Hương, một bậc túc Nho, và cụ bà Giác Ân Trần Thị Dung. Trong khi mang thai Đại sư, cụ bà đột nhiên chăm lo làm công quả tại ngôi chùa nhỏ trong làng. Có lẽ đó là do phước nghiệp của Đại sư chiêu cảm nên điều này.

Từ thuở nhỏ, Đại sư đã không thích chạy giỡn, chơi đùa mà thường thích thấp hương, bái xá, và theo thân phụ học chữ Nho. Đến năm lên chín tuổi, Đại sư đã có thể đọc trôi chảy các sách Nho học như Tứ Thư, các bộ truyện Tàu và viết chữ Hán khá lưu loát. Song song với việc học chữ Hán, Đại sư còn học tiếng Pháp và chữ Quốc ngữ.

Từ năm lên bảy tuổi, nhân mục kích cái chết rất trẻ của một thiếu niên trong xóm, Đại sư đã bắt đầu có những ưu tư về lẽ sống chết. Vào khoảng năm 1935, lúc lên mười tuổi, trong lúc đang cắt cổ ruộng với thân phụ, chợt Hòa thượng Phật Ân, trụ trì chùa Vĩnh Tràng (Mỹ Tho), đi ngang. Đại sư liền chạy tới ba lượt đánh lề Hòa thượng. Hòa thượng liền huyền ký về sau đứa trẻ kỳ lạ này sẽ xuất gia và nhắc nhở gia đình không nên ngăn cản.

Cuối năm 1937, sau khi hoàn tất bậc tiểu học, Đại sư xin phép cha lên Mỹ Tho, ngủ tại chùa Vĩnh Tràng để tiếp tục học chữ và đông y. Chính trong thời gian này, Đại sư đã tận dụng thời gian rảnh rỗi để tự trau dồi nội điển cũng như tham học Phật pháp với bốn sư Hòa thượng Phật Ân. Hòa thượng đặt pháp danh cho Đại sư là Trí Hiền. Do cơ duyên, Đại sư cũng được học theo nghề thuốc với một vị đông y sĩ nổi tiếng ở Mỹ Tho thời đó là thầy Tế An Đường và các vị đại phu nổi tiếng khác.

Đến năm 1943, Đại sư đã lấy được bằng Thành Chung (tương đương Trung học Đệ nhất Cấp sau này). Trở về quê nhà, Đại sư vừa hốt thuốc cho thân mẫu đang lâm bệnh vừa giảng dạy Phật pháp cho song thân và người anh thứ năm.



Dưới sự khuyến hóa của Đại sư, gia đình Ngài đã biết thờ Phật và tu niệm.

Năm 1945, sau khi cầu thỉnh xin xuất gia không được song thân chấp nhận, Ngài đã lén trốn đi, tìm đến chùa Sắc Tứ Linh Thủu ở Xoài Hột để xin xuất gia với Hòa thượng thượng Thành hạ Đạo. Đại sư được thọ Sa di giới với pháp tự là Thiền Tâm.

Nhận thấy Sa di Thích Thiền Tâm sẽ là một bậc long tượng cho Phật giáo Việt Nam sau này, Hòa thượng Linh Thủu đã thuyết phục Đại sư lên Sài Gòn, tìm đến Hòa thượng viện chủ Tổ đình Ấn Quang thượng Thiện hạ Hòa để xin gia nhập Phật học viện Liên Hải (chùa Sùng Đức) hâu thụ học chương trình Trung đẳng Phật học từ năm 1948 đến năm 1950.

Năm 1950, Đại sư thọ Cụ túc giới và cầu pháp nơi Viện chủ Tổ đình Ấn Quang kiêm đốc giáo Phật học đường Nam Việt là Hòa thượng Thiện Hòa. Khi chương trình Cao đẳng Phật học khóa 1 được khai giảng, do thành tích học tập xuất sắc, Đại sư được chọn vào lớp Tăng sinh đầu tiên.

Dù chỉ mới 24 tuổi, Đại sư đã được Ban giáo thọ tin cậy, giao đảm nhiệm chức vị Tri chung (tức là trưởng tràng). Trong quá trình học tập, Đại sư luôn nổi bật về mọi phương diện học vấn, tài đức, khả năng, thiện chí.

Khi khóa học hoàn tất vào năm 1954, trong số hơn 100 học Tăng, chỉ có 13 vị được tốt nghiệp, Đại sư được xếp hạng Tối ưu. Sau khi tốt nghiệp, Đại sư được Ban giảng sư Phật học đường Nam Việt giao trách nhiệm hoằng dương Tịnh độ. Đại sư đã khẩn nài các vị tôn túc cho Ngài được nhập thất chuyên tu Tịnh độ một thời gian để có thể hoàn thành trọng trách ấy; nhưng các vị tôn sư chỉ hứa khả cho Ngài nhập thất trong một thời gian ngắn và phải xuất quan bất cứ khi nào Giáo hội cần đến Ngài.

Trở về Mỹ Tho, Đại sư lập cốc tại Cái Bè để chuyên tu Tịnh nghiệp suốt năm năm (1955-1960). Trong thời gian ẩn cư này, dù gặp nhiều chướng duyên khảo đảo, Đại sư vẫn tinh cần tu tập, đồng thời biên dịch hai tác phẩm quan trọng làm tư lương cho Tịnh độ học nhân Việt Nam:

\* Trích tuyển những bài văn quan trọng trong cuốn Ấn Quang Văn Sao, soạn thành tác phẩm Lá Thư Tịnh Độ (hoàn tất năm 1956) nhằm phá nghi, hóa đạo chúng sanh tin tưởng, hành trì Tịnh nghiệp.

\* Soạn thuật bộ Tịnh Độ Tân Lương, 2 quyển, dày 800 trang để chỉ dạy cẩn kẽ sự lợi ích thiết thực của pháp môn Tịnh độ cũng như cách thức tu hành sao cho xứng hợp với từ bi nguyễn hải của đức Từ Phụ Di Đà.

Từ năm 1960-1962, Thượng Nhân tiếp tục nhập thất tịnh tu tại Vang Quối (Bến Tre) và soạn thuật những tác phẩm quan trọng sau đây như Hương Quê Cực Lạc, Tịnh Độ Thập Nghi Luận, Tịnh Độ Pháp Nghi. Tiếp đó, trong thời gian nhập thất tịnh tu tại tịnh thất Giác Duyên (Chợ Gạo, Mỹ Tho), Ngài đã phiên dịch kinh Phật Thuyết Thiện Ác Nhân Quả Báo Ưng theo thể văn vần và soạn thuật bộ Quán Vô Lượng Thọ Sớ Sao. Đây là một công trình đặc sắc tổng hợp các ý kiến phán giáo và chú giải kinh Quán Vô Lượng Thọ của các vị Tổ sư lỗi lạc như Thiên Thai Trí Giả, Linh Chi Nguyên Chiếu, Liên Tông Nhị Tổ Thiện Đạo v.v...

Năm 1963, sau cơn Pháp nạn, viện Trung đẳng Chuyên biệt Phật học được thành lập để đào tạo tăng tài tại chùa Huệ Nghiêm (Phú Lâm, Sài Gòn). Hòa thượng Thiện Hoa đã triệu Đại sư về Sài Gòn giữ chức Viện trưởng kiêm Đốc giáo với sự phụ tá của hai vị Thượng tọa Bửu Huệ và Thanh Từ. Học viện sau được đổi tên thành Viện Cao đẳng Phật học Huệ Nghiêm. Để việc đào tạo được toàn diện, Đại sư đã quyết định mở thêm việc học ngoại điển theo chương trình văn hóa phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục. Ngoài việc giảng dạy tại Huệ Nghiêm, Đại sư còn được cung thỉnh làm giảng sư giảng dạy môn Duy Thức cho Phân khoa Phật học của Viện Đại học Vạn Hạnh và làm giáo thọ cho các Ni trưởng Dược Sư và Từ Nghiêm.

Tuy rất bận rộn, Hòa thượng vẫn tiếp tục soạn thuật các tác phẩm quan trọng sau đây: Phật Học Tinh Yếu, Niệm Phật Thập Yếu, Duy Thức Học Cương Yếu, Đại Bi Tâm Đà Ra Ni (Đại Chánh Tạng, quyển 20, kinh số 1060, bản Hán dịch của ngài Già Phạm Đạt Mạ).

Riêng cuốn Niệm Phật Thập Yếu là một tác phẩm cực quý cho hành giả Tịnh nghiệp, luận về mọi phương diện sự lý của pháp Trì Danh Niệm Phật, cách thức tu tập, ngăn ngừa chướng duyên cho hành giả Tịnh độ. Vì thế, tác phẩm này đã liên tục được tái bản, tục ấn. Ngay cả Tịnh Tông Học Hội Đài Loan cũng đã trùng ấn tác phẩm này với số lượng lớn (10.000 cuốn).

Tiếc thay, Đại sư đảm nhận trách nhiệm đào tạo tăng tài cho Giáo hội nhằm ngay thời kỳ đầu tranh kiêng cấm của thời mạt pháp. Ngay trong số những học Tăng đang theo học tại Huệ Nghiêm, không ít vị đã bị lôi cuốn vào những cuộc đấu đá, sách động nhằm tranh giành quyền lực vô bổ. Chủ trương chuyên tâm nghiên cứu Phật học, tuyệt đối không tham gia vào những cuộc tranh chấp thế tục khoác mỹ hiệu bảo vệ đạo pháp của Hòa thượng bị chống đối và ngài bị chỉ trích là khiếp nhược, cầu an, thiếu tinh thần tương trợ để tăng thêm “sức mạnh” cho Phật giáo Việt Nam! Nhận thấy không thể làm gì khác hơn được để vãn hồi tình trạng hỗn loạn nay biếu tình, mai tuyệt thực chống đối chính phủ được cầm đầu bởi những Tăng sĩ hoạt đầu đầy tham vọng thời ấy, Đại sư dành chọn con đường từ nhiệm để kết thất ẩn tu. Năm 1967, nhân một người tục gia đệ tử là Minh Thiện đến thăm và nhắc đến ấp địa danh Phú An, thấy địa danh này phù hợp với lời tiên tri của cố Bổn sư mình trong giấc mộng nên vào tháng 12 năm đó, Hòa thượng đã quyết chí tạ từ Hòa thượng Phó Tăng thống Thiện Hòa để xin về Đại Ninh ẩn tu, giao Phật học Viện Huệ Nghiêm lại cho Thượng tọa Bửu Huệ quản trị. Tuy vậy, Đại sư vẫn phải lưu Học viện một thời gian để giúp đỡ Thượng tọa Bửu Huệ theo lời yêu cầu của Hòa thượng Phó Tăng thống. Mãi đến năm 1968, việc xây cất Hương Quang tịnh thất ở Phú An đã xong, Hòa thượng liền chính thức ẩn tu vào năm 43 tuổi!

Đại Ninh là một vùng hoang vu nằm cách Quốc lộ 20 chừng ba cây số, cạnh sông Đại Ninh thuộc khu vực thủy điện Đa Nhim. Hương Quang tịnh thất được dựng trên một vùng đất hoang vu toàn gò mối, rắn rết thuộc thôn Đại Ninh, thôn Phú An, xã Phú Hội, quận Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

Thôn Phú An chỉ có chừng 50 nhà và chỉ có 10 nhà là người Kinh. Hương Quang tịnh thất chỉ là một căn thất nhỏ lớn chừng 2 phòng ngủ gồm 2 tầng: tầng trên để thờ Phật, tầng dưới để ở và làm việc. Về đây, Đại sư chỉ lo chuyên tu trì niệm, rảnh rỗi thì làm vườn, dọn rẫy. Đức hạnh của Sư đã cảm nhiều loài dị loại đến nghe kinh, hộ thết. Hòa thượng đã thực hành pháp Du Già Thí Thực để hồi hướng công đức đến cho chúng. Theo các đệ tử của Ngài, những loài linh xà thường hiện thân trong giấc mộng xin quy mạng, thọ giới. Hòa thượng đều hoan hỷ lập đàn truyền giới cho họ.

Tuy đã quyết chí ẩn lánh thế tục, nhưng từ chúng vẫn mến mộ đức hạnh của một bậc cao tăng đức hạnh nên lần lượt đổ dồn về Đại Ninh lập thất tu học. Chỉ trong vòng một năm từ 1969 đến 1970, vùng Đại Ninh hoang vắng đã trở thành một “làng tu” nổi tiếng ở Lâm Đồng. Do từ chúng vân tập quá đông đảo, chẳng dừng đứng, Đại sư phải xuất quan theo lời thỉnh cầu của mọi người để lãnh đạo công việc kiến thiết một tu viện cho từ chúng có nơi an cư tu học. Nhờ phước lực của Hòa thượng, một đại đội công binh chịu trách nhiệm tu bổ kiều lộ trong vùng đã hoan hỷ đứng ra góp phần xây cất tu viện.

Đầu năm 1971, Hương Nghiêm tịnh viện được hoàn thành, trở thành đạo tràng Tịnh độ đầu tiên trong vùng. Cuối năm 1971, Đại sư giao việc quản trị Hương Quang tịnh thất và Hương Nghiêm tịnh viện cho đại chúng quản trị để nhập thất vĩnh viễn tại Phương Liên tịnh xứ ở gần đó. Hòa thượng dành trọn thời gian để tụng niệm, quán tưởng, lễ bái, dịch thuật. Trong thời gian này, Đại sư đã phiên dịch các tác phẩm quan trọng sau đây: Phật Đản Tôn Thắng Đà Ra Ni (Đại Chánh Tạng quyển 19, kinh số 967), Đại Nhựt Kinh Sớ (do ngài Nhất Hạnh trú tác, Đại Chánh Tạng quyển 39, kinh số 1796 gồm 20 quyển), Máy Điện Sen Thanh (lược dịch Tịnh Độ Thánh Hiền Lực), chú giải 100 bài kệ Niệm Phật của Tổ Triệt Ngộ, Liên Tông Thập Tam Tổ, Tam Bảo Cảm Ứng Yếu Lược Lực, Nhơn Quả Luân Hồi Tạp Lục Ký, Tây Phương Nhật Khóa và nhiều bản kinh Mật tông quý giá khác.

Tháng Giêng năm 1989, nhận biết thân mâu mình sắp mãn phần, Hòa thượng đã cho người đón mẹ lên Phương Liên tịnh xứ để dùng phương tiện thiện xảo khuyên hóa mẹ nhất tâm niệm Phật. Ngày mồng 2 tháng 5, cụ bà đến chào từ biệt Hòa thượng để đi xa. Biết mẹ đã biết trước ngày quy tịch, ngày hôm sau, Hòa thượng đã nhóm chúng hộ niệm cho cụ. Đến 12 giờ trưa ngày 3 tháng 5, cụ bà đã ngoảnh lời chào vĩnh biệt và thoát hóa trong tiếng niệm Phật của đại chúng, thọ 98 tuổi.

Kể từ năm 1989, thân tứ đại của Đại sư đã không điều hòa, nhưng Đại sư cương quyết khuất từ bao lượt thỉnh cầu về Sài Gòn chữa bệnh của các môn đồ. Dù thân bệnh trầm kha, Đại sư luôn tinh tấn và tùy cơ nghiệp hóa chúng sanh không mệt mỏi. Mồng Hai tháng Tám năm 1992, biết trước ngày vãng sanh, Hòa thượng đã viết di chúc dặn dò hậu sự và chính thức chỉ định Ni sư Thanh Nguyệt làm trưởng tử và là người chịu trách nhiệm chính lo liệu hậu sự cho Đại sư vào ngày 12 tháng 10 năm 1992 để tránh những tranh chấp có thể xảy ra sau khi Hòa thượng viên tịch.

Trong di chúc, Hòa thượng dặn các môn nhân hoặc bỏ xác Ngài trong rừng hoặc quăng xuống vực thẳm để thí cho các loài chim, thú, thủy tộc; hoặc bó chiếu chôn sâu, khóa bằng, trên tròng thơm chuối. Cùng lăm là đóng sơ mây tấm gỗ tạp, trong độn lá chuối, trên để tấm pháp y, xây ngôi mộ cỏ đơn sơ. Trên mộ, dựng tấm bia: “*Bất huệ nạp tăng Thích Thiền Tâm hiếu Vô Nhứt mai cốt xứ*” (Chỗ vùi xương của ông sư thiếu trí huệ là Thích Thiền Tâm hiếu Vô Nhứt).

Đêm 20 rạng 21 tháng 11 năm Nhâm Thân 1992, Đại sư trì niệm suốt buổi trước bàn Phật. Đến 3 giờ sáng, Sư sai Ni sư thị giả triệu đại chúng nhập thất hộ niệm. Đại sư thay y hậu tề chỉnh, an tọa ngồi niệm Phật giữa tiếng hộ niệm tha thiết của đại chúng. Đại sư an ủi:

- Hãy bình tâm lại, đừng có khóc nữa. Ta được về Tây là điều hân hạnh, các con hãy theo đó mà cố gắng niệm Phật chuyên cần. Nếu được như vậy, át một ngày kia sẽ cùng hội ngộ nhau nơi miền An Dưỡng.

Rồi ngài đọc kệ thi tịch:

Đời ta chí gởi chốn Liên Trì  
Trần thế vinh hưu sá kể gì  
Bốn tám năm dài chuyên lễ niệm  
Mừng nay được thấy đức A Di.

Nói xong, Đại sư yên lặng nhập định. Đến 6 giờ 15 phút, Đại sư bỗng mở mắt, chắp tay nói:

- Ta đi đây! Đại chúng nên bảo trọng.

Rồi tay vẫn kết ấn Di Đà định, an nhiên tọa hóa quy Tây ngay trên bản tọa. Đại sư thọ 68 tuổi đời, 48 tuổi đạo, hạ lạp 42.

Lễ di quan, nhập tháp hoàn tất vào khoảng 8 giờ sáng ngày 25 tháng 11 năm Nhâm Thân (tức 18 tháng 12 năm 1992). Trong lễ khai mộ vào ngày 21 tháng 12, 1992, đại chúng thấy có một cặp rắn vàng óng bò đến nằm trước mộ một lúc lâu, rồi ngẩng đầu, gật đầu chào Ni sư Thanh Nguyệt ba lần trước khi bò mất dạng. Theo các môn nhân, đó là cặp vợ chồng rắn đã từng quy y với Hòa thượng trước kia. Đại sư có lưu lại một kim cang nha xỉ xá lợi (tức là một cái răng rất chắc chắn, sáng đẹp, không ai cưa cắt nổi).

Xét công hạnh, Đại sư không những chỉ giáo hóa bằng ngôn giáo mà còn bằng cả thân giáo. Bao nhiêu người nhờ vào những tác phẩm của Ngài hay được gặp gỡ Ngài mà được lợi lạc nơi pháp môn Tịnh độ.

Điểm qua những dịch phẩm và trước tác của Ngài, điểm nổi bật là một trình độ Phật học uyên thâm, một mức độ hiểu biết sâu xa các nền triết học ngoài Phật giáo được trình bày bằng một văn pháp giản dị, chính xác, trong sáng, trau chuốt, nhẹ nhàng, thanh thoát, bóng bẩy nhưng không hoa mỹ, cầu kỳ, ý tứ thâm trầm nhưng dễ hiểu.

Có nhiều đoạn Đại sư chỉ dịch ý để cho hàng hậu học dễ lãnh hội được ý nghĩa của từng văn bản cổ thay vì bám chặt theo mạch văn khiến cho người đọc có cảm giác những tác phẩm ấy vừa được viết ngay trong thời đại này, thay vì đã được viết ra vào thời Đường, thời Tống cách đây cả ngàn năm.

Có đọc những dịch phẩm ấy, ta mới thấy kiến văn của Đại sư vô cùng quảng bá, không những chỉ đọc hết những kinh điển Tịnh độ trong Đại tang và Tục tang, Đại sư còn đọc rất nhiều tác phẩm Tịnh độ cận đại nữa.

Tuy chuyên chú nơi Tịnh độ, Đại sư vẫn bác lâm các kinh điển của chư Tông, mà điển hình nhất là Đại sư đã được cung thỉnh dạy môn Duy Thức cho học Tăng và sinh viên ngành Phật học tại Đại học Vạn Hạnh khi còn rất trẻ.

Không những là một vị tôn sư của Tịnh độ, Vô Nhất Thượng Nhân còn là một hành giả thành tựu trong Kim Cang Thừa. Tuy chỉ dùng Mật chú làm trợ hạnh để hỗ trợ cho Tịnh nghiệp, Đại sư đã đạt những thành tựu lớn lao trong Mật tông. Rất nhiều hành giả Mật tông được pháp ích khi đến cầu học với Ngài.

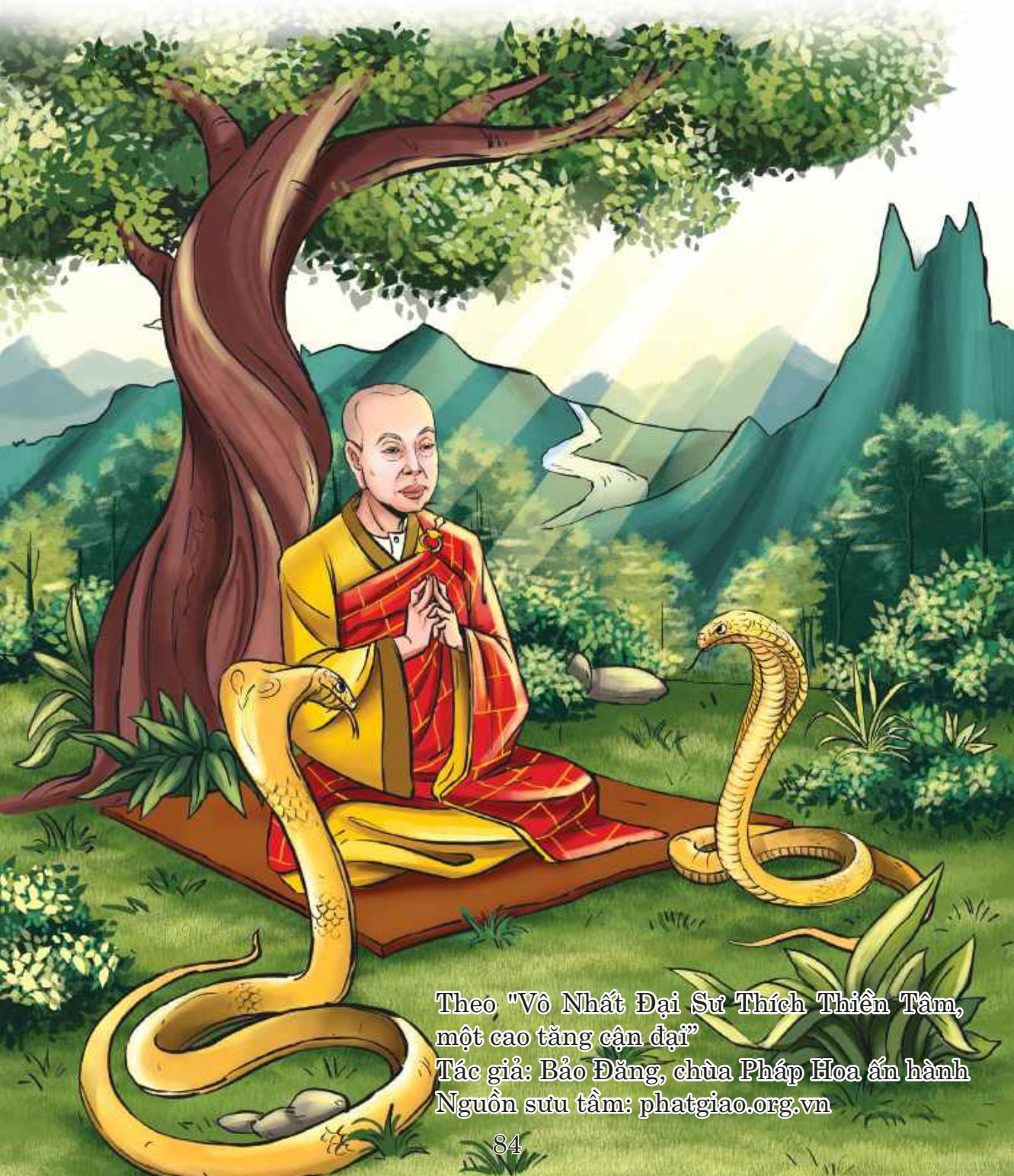
Qua những dẫn giải thi thoảng đây đó trong các tác phẩm giảng dạy về Tịnh độ, ta thấy Vô Nhất Thượng Nhân là một trong số rất ít những Đại sư thâm hiểu tốt cùng giáo pháp phức tạp, vi diệu của Đông Mật, nhất là hai hệ thống giáo nghĩa Kim Cang và Thai Tạng.

Cùng với A Xà Lê thượng Viên hạ Đức, Đại sư Thiền Tâm được xưng tụng là tối thượng Kim Cang A Xà Lê của Mật tông Việt Nam. Khi chọn các bản kinh Mật tông để dịch, Hòa thượng cũng thận trọng chọn lấy những bản hoàn chỉnh nhất để dịch và chú giải tỉ mỉ khiến cho dịch phẩm của ngài dễ hiểu, dễ thực hành, vượt xa các dịch phẩm của những vị hoằng truyền Mật tông khác.

Thị hiện chỉ 68 năm trên cõi trần gian này và thực sự hành hóa chỉ 42 năm nhưng Đại sư đã đóng góp rất lớn lao vào kho tàng văn hóa Phật giáo Việt Nam.

Chỉ bằng những tác phẩm của mình, Đại sư đã hóa độ bao nhiêu tử chúng hữu duyên, huống hồ là những ai có cơ duyên gặp gỡ, đích thân lãnh thọ sự giáo hóa của Ngài. Thế mà, Đại sư vẫn khiêm tốn chỉ xứng mình là Vô Nhất, lấy ý từ câu “*Nhất sự vô thành, thân tiệm lão*” (không có chuyện gì làm cho ra hồn hết mà thân đã già dần mất rồi).

Đức hạnh, phong thái khiêm tốn ấy càng làm cho tú chúng ngưỡng mộ, khâm kính. Ngưỡng mong hàng Phật tử Việt Nam ta sẽ luôn được giác linh Ngài thầm gia hộ, dùi dắt để cùng được hội ngộ chốn Lạc Bang.



Theo "Vô Nhất Đại Sư Thích Thiền Tâm,  
một cao tăng cận đại"

Tác giả: Bảo Đăng, chùa Pháp Hoa ấn hành  
Nguồn sưu tầm: [phatgiao.org.vn](http://phatgiao.org.vn)

## 45. Đại Lão Sư Trưởng Hải Triều Âm



Đại Lão Sư Trưởng Hải Triều Âm (1920-2013)

Sư Trưởng pháp號 Hải Triều Âm, tự Đại Thành, hiệu Bác Tế Từ Hòa, thế danh Nguyễn Thị Ni, sinh năm 1920 tại tỉnh Hà Đông, nay thuộc thủ đô Hà Nội.

Thân phụ là một công chức người Pháp, cụ ông Etienne Catallan. Thân mẫu là một y sĩ người Việt, cụ bà Nguyễn Thị Đắc. Vì thế Sư Trưởng còn có tên thế tục tiếng Pháp là Eugénie Catallan.

Thầy sanh trưởng trong gia đình nề nếp gia phong, được huân ướp một đời sống đạo đức, lễ nghi của người châu Á. Kiến thức văn hóa, trí tuệ sâu rộng từ trường học Tây phương. Thầy đã có một lối sống khuôn phép nhưng khoáng đãng, lịch sự nhưng cương trực.

Lấy xong bằng tốt nghiệp Diplôme D'étude Primaire Suprieur Thầy đi dạy học. Ngay khi còn tại gia, Thầy đã biểu lộ lòng từ bi. Ngày ngày dạy học, ngoài thời giờ Thầy vào các bệnh viện, trại mồ côi, dưỡng lão để giúp đỡ an ủi động viên những mảnh đời bất hạnh.

Cơ duyên được biết Phật pháp là do Sư cụ Thích Tuệ Nhuận. Bài pháp đầu tiên được nghe Sư cụ giảng tại chùa Quán Sứ là kinh Lăng Nghiêm, phẩm Quán Âm Quảng Trần và chương Đại Thế Chí niêm Phật. Lãnh hội được sự vi diệu của Phật Pháp đem lại niềm an vui cho mọi người. Sau đó, Thầy thường in những cuốn kinh nhỏ phát cho các Phật tử tới chùa tụng kinh hàng ngày.

Quy y với Hòa thượng Pháp chủ đương thời là ngài Thích Mật Ứng, được Ngài đặt cho pháp danh là Hải Triều Âm.

Thầy sáng lập gia đình Phật tử, mở các hội trường lão, thanh thiếu niên, nhi đồng ở Hà Nội, Hải Phòng. Ngoài ra Thầy còn viết bài cho tờ báo Bồ Đề của Sư cụ Thích Tuệ Nhuận, dưới bút hiệu là Thích Nữ Cát Tường Lan. Các bài pháp rất thực tế, đưa Phật pháp vào tư tưởng thanh thiếu niên trong thời đại giao thoa giữa Nho giáo và Tây học ở những năm cuối của thập niên 40 – 50, thế kỷ 20.

Năm 29 tuổi, thâm ngộ lẽ vô thường, phước thiện thế gian không thể đưa đến giải thoát. Thầy xuất gia với Hòa thượng Thích Đức Nhuận, ở Hà Nội (Người sau này là Đệ Nhất Pháp Chủ GHPGVN). Hòa thượng cho y chỉ và thọ giới với Hòa thượng Ni Tịnh Uyển, chùa Thanh Xuân, làng Phùng Khoang, Hà Nội.

Đến năm 1952, vâng lời Hòa thượng Bổn Sư di cư vào Nam. Nhập chúng tại Ni trưởng Dược Sư, Gia Định, Sài Gòn. Vừa lo tu học, vừa hầu mẹ già bị bệnh bán thân, vừa lãnh việc chuyên giảng dạy cho Phật tử. Thầy tinh trì giới luật, nghe kinh Kim Cang lanh ngộ được tông chỉ niêm Phật. Thầy tu quán Tứ Niệm Xứ để khai tuệ giác tỉnh, sở đắc về bộ kinh Lăng Nghiêm để khai tri kiến Phật.

Khoảng năm 1962, sau khi mẹ mất, vì muốn báo hiếu công ơn mẹ, Thầy nhập thất 5 năm ở chùa Vạn Đức, Thủ Đức. Những mong nhập Niệm Phật tam muội.

Năm 1968, Hòa thượng Thích Thiền Tâm khai mở tông Tịnh độ ở thôn Phú An, Đức Trọng, Lâm Đồng. Mời Thầy về để cùng một số Ni chúng thành lập xã Hoa Sen, noi gương Tổ Huệ Viễn. Nơi đây, Thầy nhập thất tại tịnh thất Linh Quang, chuyên tâm niệm Phật.

Năm 1970, Hòa thượng Thích Thanh Từ mở lớp tu thiền 3 năm ở Thiền viện Chơn Không, Vũng Tàu. Thầy là một trong 10 vị khóa đầu được Hòa thượng chiêu sinh. Thầy theo khóa học thiền để hỗ trợ cho công hạnh tu Tịnh độ. Sau thời gian tu tập, Thầy ngộ được tôn chỉ “Tri vọng vọng tan, chính là quán hạnh Tứ Niệm Xứ”.

Năm 1973, Thầy trở về tịnh thất Linh Quang, Lâm Đồng nối tiếp công phu tu niệm.

Nhưng từ hoài bi nguyện độ sanh không bỏ, Thầy bắt đầu độ chúng, lúc đó chỉ có vài chục người. Đến nay đã thành lập 9 chùa Ni Liên, Linh Quang, Liên Hoa, Viên Thông, Hương Sen, Dược Sư, Lăng Nghiêm, Bát Nhã và Dược Sư 2. Đủ các căn cơ, già trẻ, lớn bé cho đến người tàn tật, trẻ mồ côi Thầy đều đưa tay tế độ, mong họ được kết duyên với Phật pháp. Phật tử quy y thì không biết bao nhiêu mà kể.

Mặc dù giác biết chúng sanh huyền có, vẫn dùng pháp huyền để độ chúng sanh. Ngày ngày lên lớp giảng dạy, từ sáng đến trưa, từ trưa đến chiều, lời lẽ uyên bác, chỉ mặt phải, răn mặt trái. Nhắc đi nhắc lại, cặn kẽ từng lời, mong sao cho các con thấm nhuần kinh pháp. Lời giảng dạy của Thầy ai nghe cũng thấy đúng với tâm trạng của mình, hợp thời, hợp cơ, giản dị dễ hiểu, lại rất thực tế.

Đối với đại chúng, Thầy khiêm cung, giản dị, từ hòa. Nhưng nghiêm khắc đưa đại chúng vào khuôn khổ giới luật, nội quy. Sửa trị những xấu ác, nhưng bao dung những lỗi lầm chỉ cốt cho đại chúng thành những bậc pháp khí trong Phật pháp. Thầy một lòng lo cho đại chúng, từ tinh thần đến vật chất, hy sinh sức khỏe thời giờ, tận tình từ đời sống tạm thời đến rồi đi, tới đời sống đạo vị lợi ích vĩnh viễn trong kiếp tương lai. Suốt ngày trọn đêm không giờ phút nào Thầy ngồi nghỉ trong bốn phận tự giác giác tha.

Tấm gương vô ngã vị tha của Thầy, không lời lẽ nào kể hết được. Hạnh đức của Thầy đã gieo vào tâm thức chúng con những ấn tượng khó phai. Lúc Thầy ở Chùa Liên Hoa, Bình Thạnh, TPHCM, học chúng đỗ về học pháp rất nhiều, không đủ chỗ, Thầy sửa lại phòng tắm làm chỗ nghỉ cho mình, nhường phòng mình làm chỗ ở cho đại chúng. Còn nhớ những ngày đông giá rét ở xứ lạnh cao nguyên, ai ai cũng co ro lo tìm sự an ổn cho mình. Riêng Thầy, áo mền ấm áp nhường tất cả cho các con, ráp những tấm vải thô vừa nặng vừa chảng đủ ấm làm phần của mình.

Thầy đàn hậu lai trí kém tuệ ít, Thầy toát yếu lại những bộ kinh Hoa Nghiêm, Bát Nhã, Lăng Nghiêm, Pháp Hoa, luật Tỳ kheo ni v.v... lời văn giản dị, xác thực để học chúng dễ nắm được yếu chỉ của kinh luật. Mắt đeo kính, dưới ánh đèn dầu, Thầy miệt mài đọc sách dịch kinh. Từng bộ kinh Hán văn dày cộm đầy những chữ với bộ óc tuổi già thật mỏi nhọc, Thầy vẫn hết sức cố gắng cặm cụi dịch sang Việt ngữ để đàn hậu lai có sách học tập.

Thầy đã biên dịch, biên soạn, toát yếu hơn 100 đầu sách và in ấn không biết bao nhiêu mà kể. Bậc chân tu liêu đạo thường ẩn danh nên mỗi một cuốn sách viết ra Thầy không để tên mình bao giờ, mà lấy tên của các đệ tử đặt vào sách (sau này khi tái bản, chúng con đã mạn phép ghi tên Tôn sư vào sách). Ẩn tống các kinh Di Đà, Phổ Môn, Dược Sư gởi khắp Bắc Trung Nam, để các Phật tử có kinh tiếng Việt. Mang bệnh giựt cơ trên đầu mấy chục năm nhưng chưa từng vì đó mà nghỉ ngơi. Năm 1983, vì muốn làm cuốn Hai Cánh Nhà Ni cho các Tỳ kheo ni mới tho giới năm vũng giới điếu, Thầy đã thức suốt cả tháng.

Một lòng tôn kính Phật Pháp Tăng, gấp bất cứ hình tượng Phật nào Thầy đều thành kính đảnh lễ. Tân tình học pháp, nghiên cứu pháp, truyền bá giáo pháp, cả đời Thầy nêu cao tấm gương vì pháp quên thân. Đối với Tăng Ni, Thầy khiêm cung, kính trọng, dạy hàng đệ tử chúng con suốt đời phải thực hành Bát Kính Pháp. Dạy chúng con nếp sống lục hòa, trên kính dưới nhường, lấy Giới Định Tuệ làm sự nghiệp chính của mình.

Thầy thường răn nhắc chị em phải tinh tấn tu hành để đền ơn thí chủ. Đời sống giản dị, tiết kiệm từng hạt gạo, tấm vải. Thường răn dạy chúng con không được phung phí vật dụng Tam Bảo, phải biết yêu tiếc như giữ tròng con mắt. Thầy kiệm đức kiệm phước trong từng hành động, 70 tuổi vẫn tự giặt áo, giăng mùng, không phiền nhọc một người hầu hạ. Mãi đến 80 tuổi, Phật sự đa đoan, tuổi già mỏi nhọc, Thầy mới cho hàng đệ tử chúng con trợ giúp. Đến khi già lão, thân suy yếu lại bệnh nhưng chưa bao giờ Thầy hiện tướng mỏi nhọc buồn phiền, gặp ai cũng nở nụ cười từ ái. Ai đến gần Thầy đều cảm nhận được sự mát mẻ từ bi, tất cả bao phiền não đều tiêu tan.

Bởi vì thấu đạt được chân lý “*Nhất thiết chúng sanh giao hữu Phật tánh*”, nên con sâu cái kiến, hàm linh bão thức, các loài chúng sanh, đã có duyên với Thầy đều được thừa hưởng ân đức Thầy ban bố, được thấm nhuần pháp vị.

Lòng từ bi của Thầy không chỉ nhân loại được hưởng mà thấm nhuần đến từng cỏ cây, loài vật. Với chúng sanh, đói Thầy cho ăn, khát Thầy cho uống, rét Thầy cho áo mặc, niệm Phật để nó kết duyên với Phật pháp từ đời này đến đời sau. Thầy răn dạy chúng con :“Đó chính là những huynh đệ chúng ta từ kiếp trước, chỉ vì một chút lỗi lầm phải đọa làm thân chó, nên các con phải tận tình thương xót”.

Xếp đặt cho các con trong hiện tại đã đủ mọi bể khǎn, lại còn lo mai này, Thầy vè cõi Phật, các con nương tựa vào đâu? Thầy làm chùa, xây dựng cho hậu lai nơi ăn chốn ở. Nhưng thế sự vô thường, không bền chắc, chỉ có Phật pháp mới là nơi nương tựa vững vàng nhất. Thầy vì đàn hậu lai mở ra một đường lối tu hành rõ ràng. Năm 1988, Thầy viết một bài di chúc, để lại cho đàn hậu lai chúng con. Đó vừa là lời dặn dò, vừa là con đường tu hành của bản thân Thầy và cũng là kim chỉ nam chỉ lối đưa đường cho đàn hậu lai chúng con trên bước đường tu học.

Qua bao thăng trầm thế sự, Thầy vẫn như núi kia bất động trước cảnh đời dâu bể, vẫn cúi xuống tận lực dùm bọc che chở, nuôi dưỡng thánh chủng cho hàng đệ tử chúng con. Sức an định của Thầy như núi cao bất động trước phong ba của tám gió.

Ký ca ký cóp  
Đóng góp nên công  
Nhẹ như lông hồng  
Bay về Cực Lạc

...



Trí tuệ của Thầy như trăng sáng chiếu soi, phá tan bao hắc ám của đời sanh tử. Dù nói bao nhiêu cũng không đủ lời để tán dương hạnh đức Tôn sư.

Năm 2009 ngày 6 tháng 7 âm lịch: Thầy để lại bút tích như sau:

Ký ca ký cóp	Cái bướm con mèo
Đóng góp nên công	Trời người muôn loại
Nhẹ như lông hồng	Mau mau tinh giắc
Bay về Cực Lạc	Thoát xác vô minh
Hào quang sáng quắc	Giải nghiệp hữu tình
Vãy gọi muôn phƯƠng	Lên đường giải thoát.

Bốn năm sau ngày Sư Trưởng để lại bút tích. Mùng 4 tháng 4 năm Quý Tỵ (13/5/2013) là ngày Vía đức Văn Thù Bồ Tát, cũng là ngày Kỷ niệm xuất gia lần thứ 64 của Thầy, một vầng hào quang rực rõ xuất hiện trên đỉnh tháp khoảng từ 8 đến 12 giờ trưa.

Trước ngày vãng sanh, Thầy cho biết đã nhìn thấy đức A Di Đà, đức Văn Thù Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát cùng các Thánh chúng đến đón.

11 giờ 56 phút, ngày 31 tháng 7 năm 2013 (nhằm ngày 24 tháng 6 năm Quý Tỵ): Thầy thu thần thị tịch, hoa sen trắng thẳng vãng trời Tây. Thuợng thọ 94 tuế thế, 60 hạ lạp.

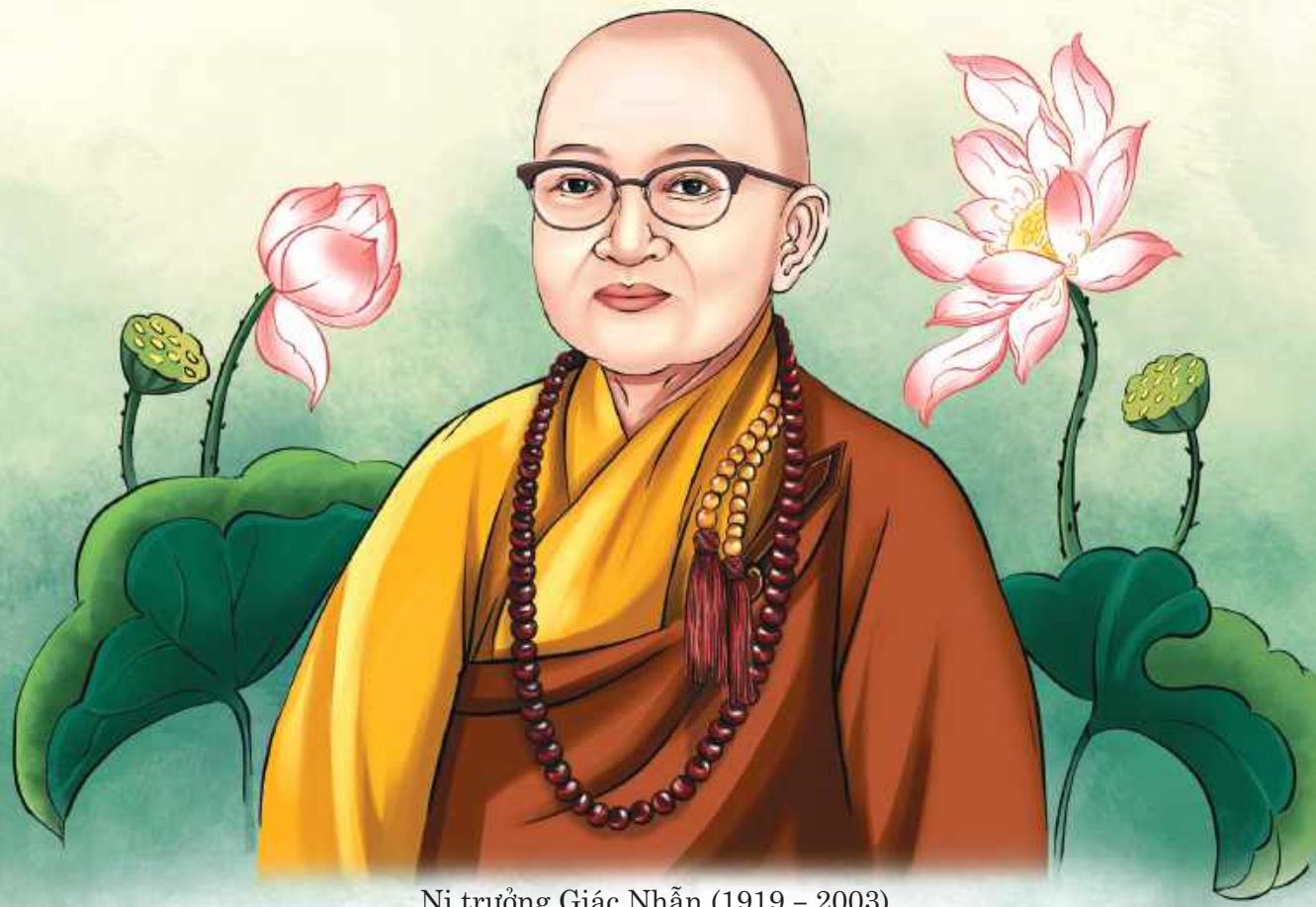
Thí chủ xây Kim Quang tháp cúng dường tại Ni viện Được Sư, Đức Trọng, Lâm Đồng, nơi an nghỉ cuối cùng của nhục thân trần thế.

Thần thức lên miền An Dưỡng,  
Nghiệp chướng bỏ lại trần lao.  
Hoa khai chín phẩm sen vàng,  
Phật rủ nhất thừa thọ ký.

Trong suốt những ngày tang lễ đều có vầng hào quang xuất hiện trên đỉnh tháp, dưới sự chứng kiến của những người tham dự.

Liên tiếp các ngày tuần thất cho đến tuần chung thất, cũng đều có hào quang xuất hiện và mây ngũ sắc trên bầu trời. Sư trưởng đã thị hiện vô thường, để lại niềm nuối tiếc khôn nguôi cho hàng trăm, hàng ngàn đệ tử xuất gia và tại gia trên khắp thế giới.

## **46. Sư bà Thích Giác Nhẫn vãng sanh lưu trái tim xá lợi**



Ni trưởng Giác Nhẫn (1919 - 2003)

Vào ngày 24/1/2003, sau khi xuất viện, tuy tuổi già sức yếu nhưng Sư bà rất hoan hỷ cung thỉnh Thượng tọa Thích Tôn Thật - Trưởng ban Từ thiện trao một số tịnh tài để ủng hộ chương trình mổ mắt cho người nghèo khó khăn.

Ngày hôm đó, Sư bà rất vui vẻ không nghỉ trưa, vì thế cô Diệu Liên lo sức khỏe, thưa rằng: “Sao Thầy không nghỉ trưa?”. Sư bà vui vẻ trả lời: “Thầy làm được việc từ thiện cuối cùng nên vui quá không ngủ được”.

Dù vậy, nhưng khi nghe tiếng đại hồng chung thì Sư bà liền gọi thị giả đỡ ngồi dậy lần chuỗi niệm Phật. Tinh thần của Sư bà rất tinh táo, nói chuyện vui vẻ và thường cười, có khi cười ra tiếng. Và dường như Sư bà biết trước mình sẽ được Phật và Thánh chúng tiếp dẫn nên không lo cho thân tú đại chỉ lo nhất tâm niệm Phật.

Trong di chúc được viết ngày 05/4/2000, Sư bà có viết rằng: “Sau khi Thầy viên tịch, hậu sự các xuất sứ phải đúng với đạo pháp, thể hiện tinh thần giải thoát, tùy nghi cử hành tang lễ trong ba hay bốn ngày thôi. Không nên để lâu làm mệt nhọc mọi người! Thầy sợ tổn đức! Sau khi thiêu, thâu xá lợi đặt trên bàn thờ, ngồi chung với hai Sư tỳ”.

Và ở cuối di chúc, Sư bà có nói rõ ràng mình đã yên tâm trong lúc tuổi già cầu vãng sanh Phật quốc.

Phải chăng đây là lời tiên tri của Sư bà biết trước mình sẽ về Cực Lạc mà với đức tính khiêm tốn của một vị xuất gia nên Sư bà không muốn nói ra.

Sau tháng Giêng năm Quý Mùi (2003), sức khỏe của Sư bà giảm sút thêm. Đến 1 giờ khuya ngày mùng 6 tháng 2 (8/3/2003), sau khi uống sữa xong, Sư bà nôn ra nước màu hồng dợt. Lúc đó, Sư bà gọi bào muội Giác Bổn hộ niệm và gọi Ni chúng xúm quanh giường niệm Phật tiếp dẫn.

Sư bà Giác Bổn hỏi Sư bà Giác Nhẫn rằng: “Chị có nghe niệm Phật không?”.

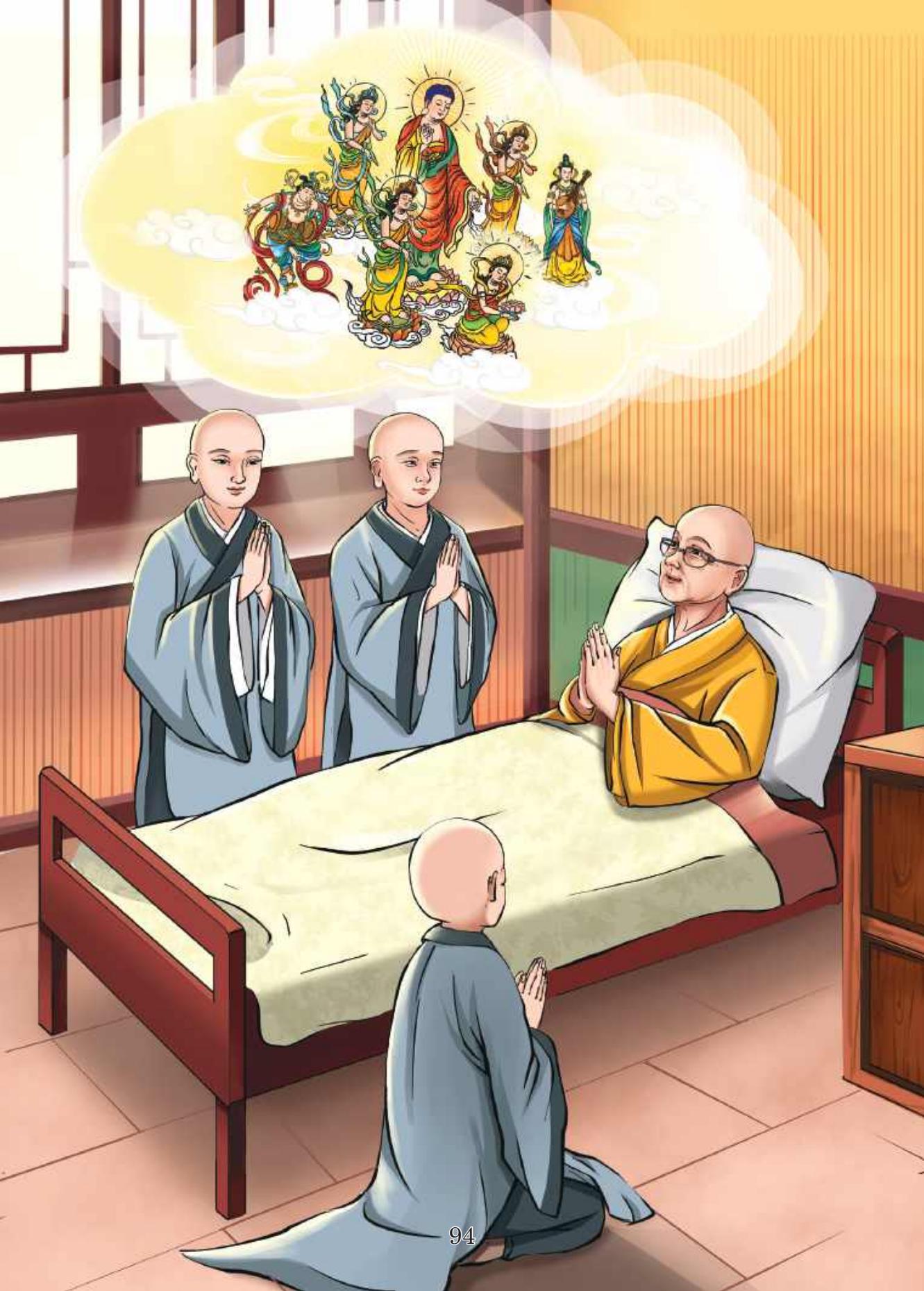
Lúc đó, Sư bà gật đầu ra dấu là có nghe niệm và miệng cũng niệm nhép nhép theo. Ni chúng chùa Huệ Lâm và các chùa khác cùng chư Phật tử luân phiên thay nhau trợ niệm.

“Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật” đã vang rền trong suốt 2 ngày đêm. Sáng ngày 9/3/2003 (mùng 7/2/Quý Mùi), Sư bà nhiều lần giơ tay lên đường như muốn chỉ cái gì đó và cũng có nhiều lúc Sư bà mở mắt nhìn về một chỗ với nét mặt vui vẻ.

Đến 11 giờ, Sư bà mở mắt thật to, thật sáng và ngược nhìn lên trên đường như thấy cái gì đó đẹp đẽ phi thường như thấy Phật tiếp dẫn. Sau đó từ từ nhắm mắt khít lại, miệng cũng khép rất kín. Sau khi tịch, khuôn mặt hồng hào sáng lạn thường và thân thể rất mềm.

Trước khi làm lễ nhập kim quan, có một vị cư sĩ rất sợ đứng gần xác của người chết nhưng khi lại thăm Sư bà lần cuối cứ ngồi cạnh Sư bà và nói rằng thấy Sư bà đang cười với mình.

Sau lễ trà tỳ còn lưu lại hàng ngàn viên xá lợi. Trong hình chỉ là một phần nhỏ vì các vị đệ tử đã thỉnh về chùa để thờ.



Xá lợi của Sư bà có viên to bằng đầu ngón tay cái, có viên bằng đầu ngón tay út, rất nhiều viên màu đen huyền, trắng, óng ánh pha đỏ rất đẹp. Có khoảng hơn một ngàn viên.

Đặc biệt nhất là hơn 10 viên xá lợi pha lê, long lanh và chiếu sáng như viên pha lê. Và có 1 viên như nắm tay của em bé sơ sinh, có hình quả tim, ở phía trên còn có sợi dây màu đỏ có lẽ đây là gân máu đã hóa xá lợi. Xá lợi của Sư bà Giác Nhẫn đã được nhiều Hòa thượng, Sư bà tán thán vì đây là kết quả tu trì suốt cuộc đời của một người xuất gia.

### *Lời Tịnh Hải:*

Đọc kỹ bài này, chư vị sẽ thấy, lúc trẻ vừa biết đọc và biết chữ, Sư bà Giác Nhẫn đã biết niệm Phật. 10 tuổi đã thuộc lòng chú Đại Bi, 12 tuổi lại thuộc chú Chuẩn Đề.

Nhìn hình ảnh hồi còn tuổi xuân của Sư bà, chúng ta thấy cô Lê Thị Kiều, thế danh của Sư bà, quả là một cô gái nhan sắc. Nhưng do thiện căn, phước báu và nhân duyên, cô Lê Thị Kiều đã đi tu và tu thật miên mật.

Ngày 5/4/2000, Sư bà Giác Nhẫn viết di chúc, giữa lúc sức khỏe đầy đủ, tinh thần sáng suốt. Sư bà còn dặn dò không được kéo dài tang lễ quá lâu khiến tốn kém và làm mệt nhọc mọi người.

Ba năm sau, ngày 9/3/2003, Sư bà ra đi vĩnh viễn. Nhớ lại di chúc, căn cứ vào công đức tu hành của Sư bà, người ta mới dám nghĩ Sư bà Giác Nhẫn được Phật A Di Đà báo trước ngày giờ vãng sanh. Có lẽ Sư bà đã diện kiến Đức Từ Phụ A Di Đà vào khoảng tháng 3/2000.

Sáng ngày 9/3/2003, lúc đang nằm nhắm mắt niệm Phật, nhiều lần đưa tay lên và mở mắt thật sáng.

Theo Hòa thượng Tịnh Không, trong những trường hợp tương tự, người sắp vãng sanh muốn báo cho mọi người hiện diện rằng, Phật A Di Đà và Thánh chúng đã đến tiếp dẫn.

Ngoài vô số xá lợi lưu lại, Sư bà Giác Nhẫn còn lưu lại cho đời trái tim bất diệt. Đây là trái tim thứ ba ở Việt Nam. Trước là trái tim của Bồ Tát Quảng Đức, Bồ Tát Minh Phát.

*Nguồn: phatgiao.org.vn*